



Tập thể tác giả nhóm Cánh Buồm
Chương trình Giáo dục Hiện đại

GIÁO DỤC TIỂU HỌC ỔN ĐỊNH VÀ BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG
THÌ TOÀN BỘ NỀN GIÁO DỤC MỚI ĐƯỢC ỔN ĐỊNH,
MỖI GIA ĐÌNH ỔN ĐỊNH, CẢ XÃ HỘI CÙNG ỔN ĐỊNH.

Văn 5

CÁC DẠNG HOẠT ĐỘNG
NGHỆ THUẬT



Tập thể tác giả nhóm Cánh Buồm
Chương trình Giáo dục Hiện đại



Văn 5

CÁC DẠNG HOẠT ĐỘNG NGHỆ THUẬT

**GIÁO DỤC TIỂU HỌC ỔN ĐỊNH VÀ
BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG
THÌ TOÀN BỘ NỀN GIÁO DỤC MỚI ĐƯỢC ỔN ĐỊNH,
MỖI GIA ĐÌNH ỔN ĐỊNH, CẢ XÃ HỘI CÙNG ỔN ĐỊNH.**

VĂN 5

© Nhóm Cánh Buồm

Sách này do nhóm Cánh Buồm tạo ra và cấp phép sử dụng theo giấy phép **Creative Commons Attribution-NonCommercial-ShareAlike 4.0 International License (CC BY-NC-SA 4.0)**. Theo giấy phép này, mỗi người dùng hoặc phân phối lại cuốn sách dưới bất kỳ hình thức nào (dạng số hoặc dạng in) đều phải dẫn nguồn bản quyền của cuốn sách và giữ nguyên dòng “Tải về miễn phí tại <https://canhbuom.edu.vn/sachmo/>” trên mỗi trang tài liệu, hoặc trong trích dẫn trở tới trang kể trên.

Liên lạc:

Chương trình Giáo Dục Hiện Đại – Nhóm Cánh Buồm

Email: lienhe@canhbuom.edu.vn | Website: www.canhbuom.edu.vn

Chịu trách nhiệm bản thảo:

PHẠM TOÀN, NGUYỄN THỊ THANH HẢI,
PHẠM THU NGỌC, PHẠM HẢI HÀ và VŨ THỊ LOAN

Minh họa:

HÀ DŨNG HIỆP, PHẠM THU THÙY
VÀ MỘT SỐ HÌNH ẢNH TỪ INTERNET

Lời dẫn bạn dùng sách

Sách Văn 5 này hoàn thiện việc tổ chức cho trẻ em học *phương pháp tư duy nghệ thuật* đã được học từ lớp Một.

Tư duy nghệ thuật của trẻ em hình thành qua việc *học sinh tự làm ra cái Đẹp* chứ không qua việc nghe giảng giải về nghệ thuật rồi nhại lại việc “cảm thụ” các “giá trị nghệ thuật” theo tầm người lớn.

Ở lớp Một, thông qua *trò chơi đóng vai*, trẻ em tự tạo ra lòng *đồng cảm* như là yếu tố tinh thần và đạo đức quan trọng bậc nhất của người nghệ sĩ để có được *cảm hứng* sáng tạo tác phẩm nghệ thuật.

Ở các lớp Hai, lớp Ba và lớp Bốn, trẻ em học một *ngữ pháp nghệ thuật* nằm trong các thao tác *tưởng tượng, liên tưởng* và *sắp xếp*.

Ta hình dung *năng lực nghệ thuật* của các em sẽ gồm có mặt tinh thần là lòng *đồng cảm tan hòa trong* mặt vật chất (kỹ thuật) là cái *ngữ pháp nghệ thuật* đó.

Lên lớp Năm, các em dùng *năng lực nghệ thuật* đó để tự thể hiện trong những cách *biểu đạt nghệ thuật* khác nhau – *âm nhạc, múa, hội họa, thơ, văn xuôi, kịch*.

Sách này có cấu tạo như sau:

Bài mở đầu – Ôn tập về *ngữ pháp nghệ thuật* và *Đại cương* về các loại hình nghệ thuật.

Bài 1 – Cách thể hiện tình cảm bằng nghệ thuật âm nhạc.

Bài 2 – Cách thể hiện tình cảm bằng nghệ thuật nhảy múa.

Bài 3 – Cách thể hiện tình cảm bằng nghệ thuật tạo hình.

Bài 4, bài 5, bài 6 – Cách thể hiện tình cảm bằng lời trong nghệ thuật *trữ tình, tự sự* và *kịch* – những loại hình xưa nay vẫn học ở trường như là một “thói quen văn chương” – từ xưa và

tưởng như muôn đời vẫn chỉ biết học như thế – nay được đặt lại trong viễn cảnh *giáo dục nghệ thuật*.

Chúc bạn thực hiện thành công tập sách giáo khoa giáo dục nghệ thuật thứ năm, tập sách cuối bậc Tiểu học của nhóm Cánh Buồm.

Chúc bạn thành công.

Nhóm biên soạn

Bài mở đầu

I. ÔN TẬP VỀ NGŨ PHÁP NGHỆ THUẬT**THAO TÁC TƯỞNG TƯỢNG****Việc 1 – Tìm hứng thú từ hội họa**

Các em cùng xem bức họa dưới đây:

**Việc 2 – Tự tạo hình ảnh**

1. Từ bức họa trên, em nghĩ ra một câu chuyện, trong câu chuyện đó có câu nói: “Mẹ ơi, con yêu mẹ!” và câu trả lời: “Mẹ cũng rất yêu con!”.
2. Cũng từ bức họa trên, em nghĩ ra một câu chuyện, nhân vật có thể là Tiên, Phật, hoặc những kiểu nhân vật không có thật khác...
3. Các em nghĩ tiếp một câu chuyện, nhưng nhân vật là những con thú trong rừng...

Việc 3 – Tự sơ kết

Trả lời viết vào vở: Khi tưởng tượng, chúng ta làm công việc gì? Sản phẩm của tưởng tượng nằm ở đâu?

TƯỞNG TƯỢNG VÀ LIÊN TƯỞNG

Việc 1 – Tìm hứng thú từ hội họa

Các em cùng xem bức họa dưới đây:



Việc 2 – Tự tạo hình ảnh

1. Từ bức họa trên, các em nghĩ ra một câu chuyện trong hang động thời xưa, mọi người mới đi săn về.
2. Cũng từ bức họa trên, các em nghĩ ra một câu chuyện trong hang động thời xưa, trong câu chuyện có câu nói: “Hết củ rồi!” và câu nói: “Hết đâu mà hết!”.
3. Cũng từ bức họa trên, các em nghĩ ra một câu chuyện, nhưng nhân vật là những con thú trong rừng.

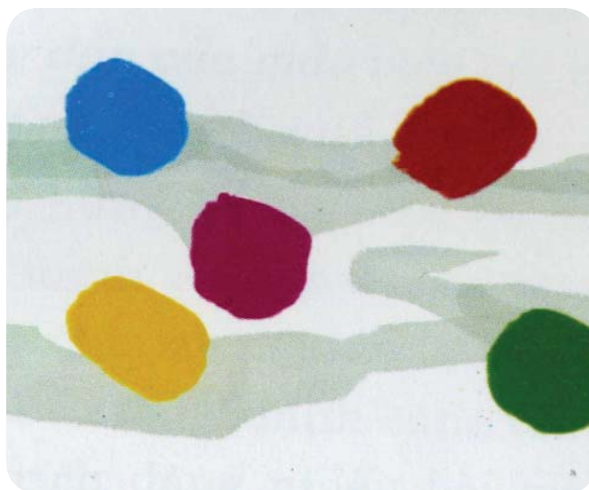
Việc 3 – Tự sơ kết

Từ bức họa trên, từ những hình tượng các em đã tạo ra, hãy cùng nhau tìm những câu ca dao có lửa, rét, mưa, nhớ nhung, xa cách...

TƯỞNG TƯỢNG VÀ LIÊN TƯỞNG

Việc 1 – Tìm hứng thú từ hội họa

Các em cùng xem bức họa dưới đây:



Việc 2 – Tự tạo hình ảnh

1. Từ bức họa trên, các em nghĩ ra một câu chuyện có các nhân vật gồm toàn những em nhỏ bằng tuổi em.
2. Cũng từ bức họa trên, các em nghĩ ra một câu chuyện về các bạn nhỏ thời nay, trong câu chuyện có câu nói: “Làm thế nào bây giờ?” và câu nói: “Đừng có cuống lên như thế!”.
3. Cũng từ bức họa trên, các em nghĩ ra một câu chuyện, nhưng nhân vật là những bạn nhỏ bằng tuổi em và cả những con thú trong rừng.

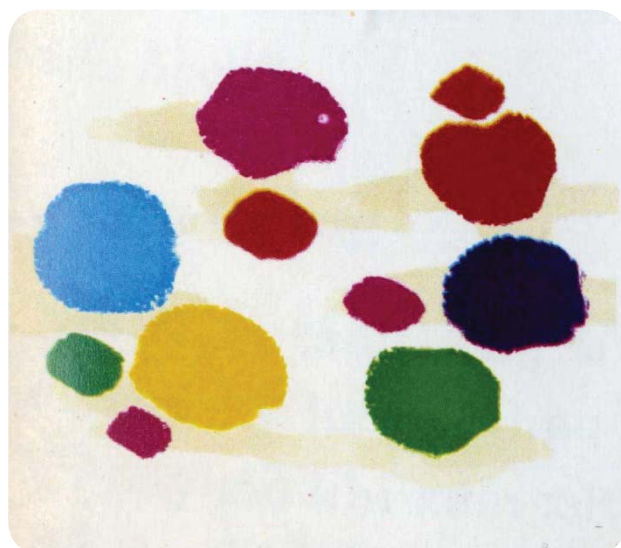
Việc 3 – Tự sơ kết

Từ bức họa trên, từ những hình tượng các em đã tạo ra, hãy cùng nhau tìm một chuyện kể có những yếu tố mưa rét, nhớ nhung, xa cách...

TƯỞNG TƯỢNG VÀ LIÊN TƯỞNG

Việc 1 – Tìm hứng thú từ hội họa

Các em cùng xem bức họa dưới đây:



Việc 2 – Tự tạo hình ảnh

1. Từ bức họa trên, các em nghĩ ra một câu chuyện trong đó những người của ba gia đình đến thăm một gia đình chỉ có người mẹ và một đứa con.
2. Cũng từ bức họa trên, các em nghĩ ra một câu chuyện xảy ra vào thời nay, sau một trận lũ lụt lớn.
3. Cũng từ bức họa trên, các em nghĩ ra một câu chuyện, nhưng nhân vật là những con vật trong rừng sau một trận lũ lụt lớn...

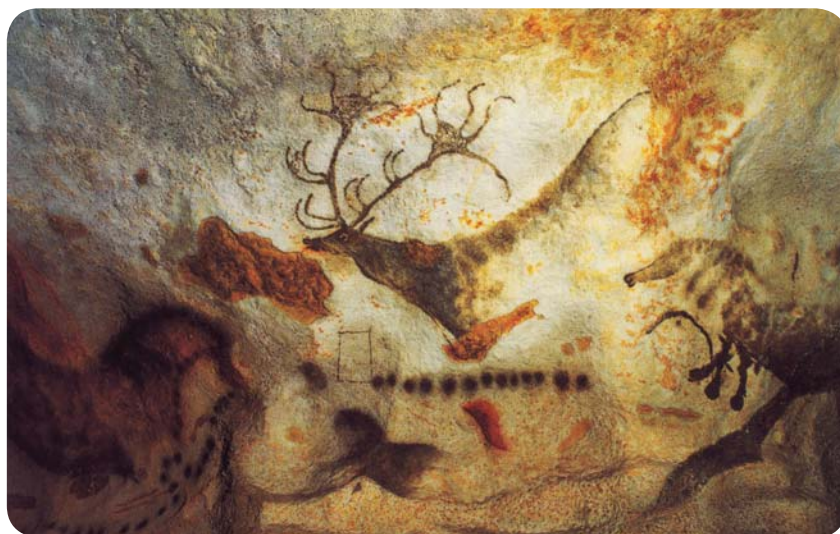
Việc 3 – Tự sơ kết

Từ bức họa trên, từ những hình tượng các em đã tạo ra, hãy cùng nhau tìm một chuyện kể có người nghèo khổ trong cảnh tuyết rơi, sa mạc nóng cháy...

TƯỜNG TƯỢNG VÀ LIÊN TƯỢNG

Việc 1 – Tìm hứng thú từ hội họa

Các em cùng xem bức họa trong hang động dưới đây:



Việc 2 – Tự tạo hình ảnh

Các em nghĩ ra một câu chuyện kể về một họa sĩ vừa vẽ bức họa hang động trên vừa khóc. Em hỏi: “vì sao ông khóc?”, họa sĩ kể câu chuyện đi săn và một người rất thân với họa sĩ đã bị thú húc chết. Bây giờ cứ ngồi vẽ lại nhớ đến người đó...

Việc 3 – Viết bài

Em viết bài ghi lại câu chuyện em vừa kể thay cho ông họa sĩ vẽ tranh trong hang động thời xưa.

TƯỜNG TƯỢNG VÀ LIÊN TƯỢNG

Việc 1 – Tìm hứng thú từ tạo hình tự nhiên

Các em cùng xem những bức tượng tự nhiên dưới đây:



Việc 2 – Tự tạo hình ảnh

Có một người đàn bà mất chồng, mất con, mất nhà cửa trong chiến tranh. Người đó đi lang thang, bắt gặp những hình thù mẹ bồng con, bồng nghĩ ra một câu chuyện *Người hóa đá* và lên tiếng kể... Em là nhà sưu tầm truyện dân gian, em gặp gỡ và ghi lại câu chuyện đó.

TƯỜNG TƯỢNG, LIÊN TƯỜNG, SẮP XẾP

Việc 1 – Đọc thầm

Từ Thức gặp tiên

Ngày xưa, ở Hóa Châu có chàng Từ Thức, giữ chức tri huyện Tiên Du. Cảnh huyện đường có ngôi chùa cổ, trước sân có một gốc mẩu đơn quý. Hằng năm, đến kỳ nở hoa, trai gái các nơi tấp nập kéo nhau đến dự hội thưởng hoa.

Năm đó, một cô gái tuyệt sắc trạc mười lăm, mười sáu tuổi đến dự hội. Nàng vin một cành hoa, không ngờ làm gãy cành mẩu đơn. Nàng phải cởi áo đang mặc để đền và bị trói vào gốc cây. Từ Thức đi qua, liền cởi áo cừu đang mặc để bồi thường. Cô gái ngập ngừng cảm ơn Từ Thức rồi đi mất hút.

Từ đó Từ Thức chỉ mãi mê cảnh đẹp trời mây, chàng từ quan, du ngoạn mọi chốn danh lam thắng cảnh. Gặp cảnh đẹp chàng dừng chân, uống rượu, làm thơ.

Một hôm, chàng tới cửa Thần Phù, trông ra ngoài biển thấy một lớp mây năm sắc kết thành đóa hoa sen. Chàng bỏ thuyền, lên bờ. Đi vài bước thấy sừng sững trước mặt một sườn đá cao nghìn trượng, Từ Thức lấy bút viết lên thành đá một bài thơ.

Đang lúc mãi mê, bỗng sườn đá mở ra một cửa hang động. Chàng vén áo đi vào. Được vài bước thì cửa hang tự khép lại. Chàng sờ theo lớp rêu trên đá mà đi, rồi thấy đường hầm dần dần mở rộng. Mắt chàng chói ngợp trước các đền đài giát bằng châu ngọc giữa cảnh vườn đầy hoa quý lạ, hương thơm khác thường.

Từ Thức đang ngây ngất trong mơ, thì nghe có tiếng cười ở sau lưng, chàng ngoảnh lại thấy hai cô gái áo xanh khúc khích bảo nhau: “Chú rể mới nhà ta đã đến”!

Rồi hai nàng bỏ đi. Một lát sau họ trở ra bảo: “Phu nhân chúng tôi cho mời chàng vào”. Một bà tiên mặc áo trắng ngồi trên giường thất bảo. Bà mời Từ Thức ngồi lên ghế bên cạnh. Một tiên nữ trẻ tuổi bước ra. Từ Thức nhận ra người đã làm gãy cành mẫu đơn trong hội thưởng hoa. Bà tiên nói với Từ Thức:

“Nó là Giáng Hương, con gái ta. Ngày trước nó gặp nạn trong Hội Thưởng Hoa, được chàng cứu thoát. Lòng nó vẫn không quên. Ta muốn nó kết duyên với chàng để đền ơn đó”.

Rồi bà tiên ra lệnh cử hành hôn lễ ngay hôm ấy.

Ngày tháng kế tiếp trong vui thú của Từ Thức với Giáng Hương. Một sáng, Từ Thức thấy hoa sen nở, hồ ngọc đã thay đổi màu xanh, thấm thoát thế mà đã qua một năm rồi.

Một hôm, trông ra xa thấy một con thuyền, chàng trở tay bảo Giáng Hương:

“Anh từ xa xôi tới đây, chân trời mờ mịt, sóng biển muôn trùng, không biết rõ nhà anh ở nơi nào!”.

Một lát chàng lại nói:

“Khi đi, anh còn có mẹ, bạn bè. Anh muốn nhìn lại quê hương. Em để anh trở về thăm nhà ít lâu. Không biết em nghĩ sao?”.

Giáng Hương buồn bã không nói nên lời. Từ Thức nói tiếp: “Để cho anh đi dăm hôm, một tháng, xếp đặt việc nhà, rồi anh sẽ trở lại sống bên em mãi mãi”.

Giáng Hương khóc nói:

“Em không muốn lấy tình vợ chồng để ngăn anh đừng trở lại quê nhà. Em chỉ sợ anh sẽ không tìm thấy sân vườn xưa trong cảnh cũ nữa đâu!”.

Nhưng rồi hai người vẫn gạt nước mắt chia tay. Trong nháy mắt Từ Thức đã đặt chân xuống mặt đất.

Nhưng tất cả đều đã hoàn toàn đổi thay. Nhà cửa, người làng không

còn là những người quen cũ nữa. Chỉ có các tảng đá bên bờ suối vẫn phủ rêu xanh như xưa.

Hỏi người già cả trong làng xem có biết ai tên Từ Thức, mọi người đều nói:

“Hồi chúng tôi còn bé, nghe nói là ông cố ba đời chúng tôi mang tên đó. Ông ấy đi lạc vào núi đã tám chục năm nay. Từ đó đến nay chúng tôi đã trải qua ba đời vua”.

Từ Thức cảm thấy lòng buồn thấm thía, muốn trở lại thượng giới, song chiếc xe mây đã biến thành chim loan bay mất về trời.

Sau đó, Từ Thức khoác áo lông, đội nón nhẹ, một mình đi vào núi Hoành Sơn, không thấy trở về nữa.

(Truyện cổ tích Việt Nam)

Việc 2 – Chuẩn bị kể chuyện

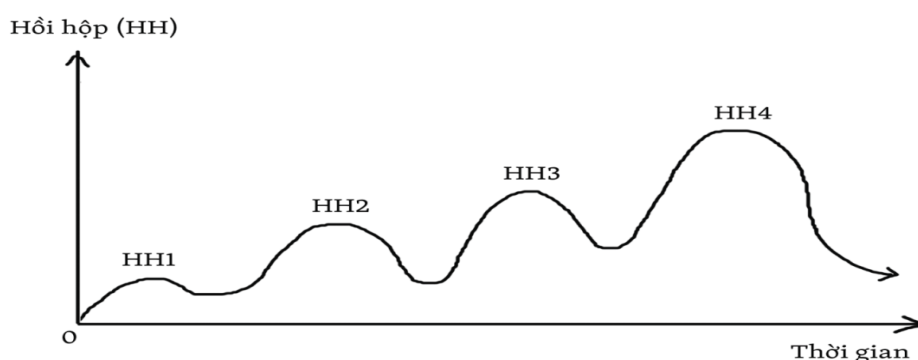
Các em dùng những điều đã học từ lớp Bốn để chuẩn bị kể câu chuyện vừa đọc:

1. Thế *thăng bằng* của câu chuyện thể hiện ở tình tiết nào? Có phải là sự xuất hiện nhân vật Từ Thức? Em kể thăm đoạn đó.
2. Các yếu tố *Hồi hộp* làm phá vỡ thế *thăng bằng* của câu chuyện thể hiện ở những tình tiết nào? Có phải ở những chi tiết sau không?
 - a. Yếu tố hồi hộp 1 – Cô gái đánh gãy cành hoa quý trong hội thưởng hoa.
 - b. Yếu tố hồi hộp 2 – Từ Thức bỏ nhà đi, rồi lạc vào động tiên.
 - c. Yếu tố hồi hộp 3 – Từ Thức sống trong động tiên, nhưng nhớ nhà đòi về.
 - d. Yếu tố hồi hộp cao điểm – Từ Thức trở về, tất cả đều đã đổi thay.
3. Trả lại thế *thăng bằng khác* của câu chuyện: Từ Thức vào rừng và biến mất...

TƯỜNG TƯỢNG, LIÊN TƯỢNG, SẮP XẾP Tù Thức gặp tiên (tiếp)

Việc 1 – Luyện tập (1 tiết)

- Các em dùng những tình tiết của câu chuyện “Tù Thức gặp tiên” để lập biểu đồ diễn tả tác phẩm tự sự.



- Các em dựa theo biểu đồ diễn tả trên để kể lại truyện *Tù Thức gặp tiên*.
- Các em chuyển một trong hai đoạn tự sự sau sang thể kịch:
 - Đoạn *Tù Thức* muốn về thăm quê. *Giáng Hương* biết nếu *Tù Thức* đi là đi mãi mãi không trở lại được. Hãy diễn tả tâm trạng đó.
 - Đoạn *Tù Thức* về quê và thấy mình thành kẻ xa lạ giữa người làng... và cuối cùng phải bỏ đi.

Việc 2 – Viết bài (1 tiết)

Tự chọn một trong các đề sau:

- Em viết bài kể lại đoạn nào em thấy hay nhất trong câu chuyện “*Tù Thức gặp tiên*”.
- Em viết một đoạn chuyển thể truyện *Tù Thức gặp tiên* từ tự sự sang thể kịch với ba nhân vật: *Tù Thức*, *Giáng Hương*, một người dân làng.

TƯỜNG TƯỢNG, LIÊN TƯỜNG, SẮP XẾP

Việc 1 – Đọc thầm

Thi nói khoác

Bốn vị quan họp nhau đánh chén, nhân lúc vui liền thi nói khoác.
Quan thứ nhất nói:

– Tôi còn nhớ ngày nhậm chức ở huyện nọ, tôi thấy một con trâu to lắm, nó liếm một cái, mất đứt một sào mạ!

Quan thứ hai nói:

– Đã lấy gì làm lạ! Tôi thấy một sợi dây thừng to gấp mười cái cột đình làng này!

Quan thứ nhất biết ông kia nói lỡm mình, bèn chịu thua và giục quan thứ ba lên tiếng.

Quan thứ ba nói:

– Tôi từng thấy một cây cầu dài lắm, đứng đầu này không trông thấy đầu kia. Chỉ biết rằng có hai bố con nhà nọ, kẻ ở bờ bên này, người ở bờ bên kia mà chẳng bao giờ gặp nhau được. Lúc người bố chết, người con nghe tin, vội vàng sang đưa đám, nhưng qua cầu, sang đến nơi thì đã hết tang ba năm rồi!

Đến lượt quan thứ tư:

– Kể cũng ghê đấy, nhưng tôi lại còn thấy một cây cổ thụ cao lắm. Trứng chim ở ngọn cây rơi xuống, nửa đường chim đã nở đủ lông đủ cánh và đã bay đi rồi!

Quan thứ ba hiểu ý, cây ấy dùng để làm chiếc cầu mình nói, đành chịu thua. Cả bốn vị thích chí, vỗ đùi cười ha hả.

Bỗng có tiếng quát làm các vị giật bắn người:

– Đồ nói khoác! Trói cổ chúng nó lại!

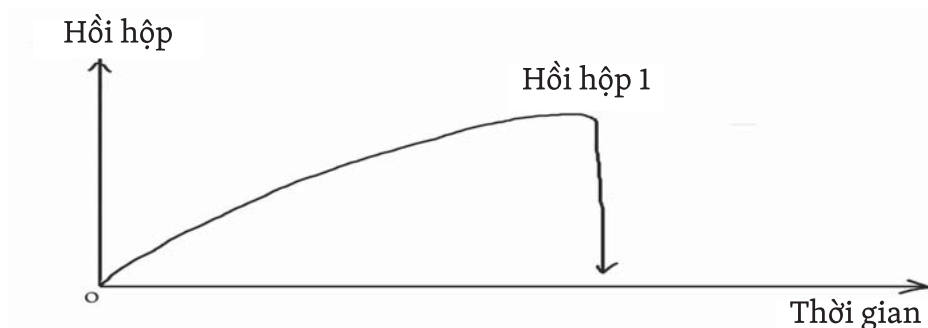
Các quan sợ run cầm cập, ngơ ngác nhìn trước nhìn sau, xem ai vừa quát. Té ra là thằng lính hầu. Bấy giờ các quan mới hoàn hồn, lên giọng:

- Thằng kia, mày định trối ai thế?
- Bẩm quan, con thấy các quan nói khoác, thì con cũng nói khoác chơi đấy ạ!

(Truyện cười dân gian Việt Nam)

Việc 2 – Luyện tập kể chuyện

1. Trong cách tự sự của kiểu truyện cười, em nhận thấy có bao nhiêu yếu tố gây hồi hộp? Bốn ông quan nói khoác bốn lần có là bốn yếu tố gây hồi hộp không? Hay đó vẫn là giai đoạn thăng bằng?
2. Khi anh lính hầu quát: “Đồ nói khoác! Trối nó lại!” thì đó là yếu tố gì? Sau yếu tố đó, câu chuyện phải kết thúc hay còn có thể kéo dài được nữa?
3. Các em giải thích sơ đồ biểu diễn cách kể chuyện cười:



4. Các em dùng những truyện cười đã học để minh họa cho sơ đồ biểu đạt trên.

Việc 3 – Tự sơ kết

Em viết một bài giải thích cấu tạo truyện cười. Em dùng cả sơ đồ kể chuyện và dùng một số ví dụ làm dẫn chứng trong bài viết.

CẢM HỨNG NGHỆ THUẬT

Tìm cảm hứng từ hai tác phẩm hội họa sau:



1. Các em chọn làm một trong những việc dưới đây:
 - a. Em nghĩ ra một câu chuyện để kể, trong chuyện có một trong hai nhân vật trên.
 - b. Em nghĩ ra một câu chuyện để kể, trong chuyện có cả hai nhân vật trên.
 - c. Em viết chuyện em nghĩ ra. Viết xong, em tự đánh giá sau đó đọc trước lớp để nhận đánh giá của cả lớp.
2. So sánh tự đánh giá của em ☐ và của cả lớp ☐

Chuyện HAY

☐ ☐

Chuyện CẢM ĐỘNG

☐ ☐

Chuyện THÚ VỊ

☐ ☐

3. Các em sẽ được đánh giá xuất sắc ★ nếu làm việc sau:
Em nghĩ ra một câu chuyện để kể (hoặc để diễn kịch) có hai nhân vật trên, đó là một câu chuyện có yếu tố cười vui có ý nghĩa giáo dục lòng yêu cuộc sống.

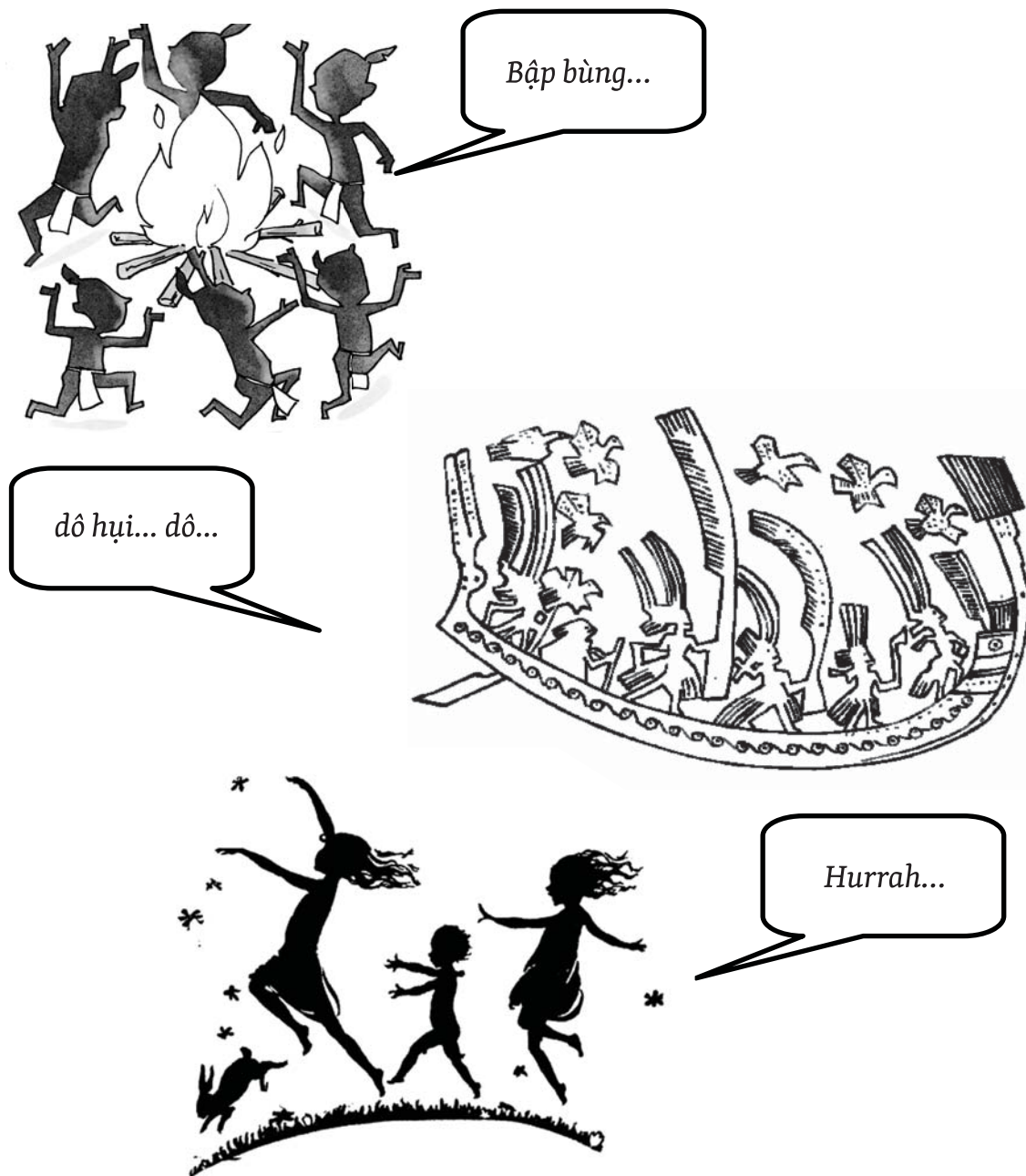
II. ĐẠI CƯƠNG VỀ CÁC LOẠI HÌNH NGHỆ THUẬT

1. NGHỆ THUẬT ÂM NHẠC



Các em lập luận: trong hai hình thức thể hiện tình cảm bằng nghệ thuật âm nhạc trên, hình thức nào có trước, hình thức nào có sau? Tại sao?

2. NGHỆ THUẬT NHẢY MÚA



Vấn câu hỏi như tiết trước: trong đời sống con người, trong những cách thể hiện tình cảm bằng nghệ thuật nhảy múa trên đây, hình thức nào có trước, hình thức nào có sau? Tại sao?

3. NGHỆ THUẬT TẠO HÌNH



Tượng nhà mồ ở Tây Nguyên



Họa sĩ và nhà điêu khắc thời nay

Vấn câu hỏi như tiết trước: trong đời sống con người, trong những cách thể hiện tình cảm bằng nghệ thuật tạo hình trên đây, hình thức nào có trước, hình thức nào có sau? Tại sao?

4. NGHỆ THUẬT TRỮ TÌNH (THƠ)

À... ơi... Gió mùa thu
mẹ ru mà con ngủ...



Sao không về,
Vàng ơi!

Vấn câu hỏi như tiết trước: trong những cách thể hiện tình cảm bằng nghệ thuật trữ tình của con người?

- Ca dao có trước hay thơ luật Đường có trước? Tại sao?
- Thơ luật Đường (tám câu bảy tiếng) và Song thất lục bát, loại nào có trước? Tại sao?
- Thơ luật Đường và thơ hiện đại, loại nào có trước? Tại sao?

5. NGHỆ THUẬT TỰ SỰ (VĂN XUÔI)

Thi kể chuyện

- Cả lớp chia thành các nhóm. Mỗi nhóm chọn một chuyện để cho nhóm mình thi kể trước lớp. Mỗi nhóm nghĩ ra cách phụ họa cho người kể sao cho các yếu tố hồi hộp được thể hiện rõ.

- Đánh giá của cả lớp (kể cả nhóm tự đánh giá):

Chọn chuyện: Hấp dẫn ☐ Rất hấp dẫn ☐ Chưa hấp dẫn ☐

Cách kể: Hấp dẫn ☐ Rất hấp dẫn ☐ Chưa hấp dẫn ☐

Người kể: Hấp dẫn ☐ Rất hấp dẫn ☐ Chưa hấp dẫn ☐
Ai:
.....

Thi phân tích cách kể chuyện

- Không yêu cầu cả lớp phải tham gia thi phân tích cách kể chuyện. Chọn những bạn nào xung phong thi phân tích trước cả lớp.
- Nội dung: dùng sơ đồ biểu hiện tự sự để phân tích tại sao bạn X và Y... đã được đánh giá “Kể chuyện hấp dẫn”.
- Đánh giá của cả lớp với người thi phân tích:

Đúng ☐ Đúng và hay ☐ Cần hấp dẫn hơn ☐

Viết bài

Em viết một bài ngắn phân tích cách kể chuyện hấp dẫn của một bạn trong lớp.

6. NGHỆ THUẬT KỊCH

Thi kể chuyện bằng hình thức kịch

- Cả lớp chia thành các nhóm. Mỗi nhóm chọn một câu chuyện để nhóm mình chuyển thể thành kịch đem diễn trước lớp.
(Cố gắng không trùng đề tài của nhau!)
- Đánh giá của cả lớp sau khi biểu diễn (kể cả nhóm tự đánh giá):
Chuyển thể: Hấp dẫn Rất hấp dẫn Chưa hấp dẫn
 ☐ ☐ ☐

Diễn viên:	Thuộc vai	Diễn hay	Diễn rất hay
Ai:			
			

Thi phân tích vở diễn (viết xong dán lên bảng cùng đọc)

Từng em điền nhận xét vào phiếu này:

Người nhận xét:

Vở diễn nào:

Câu chuyện dễ chuyển thể vì có tính kịch rõ ở chỗ:

.....
.....

Diễn viên thể hiện tâm lý nhân vật như thế nào:

.....
.....

Đánh giá chung:

.....
.....

Viết bài

Em viết lại thành bài văn ngắn phân tích một vở kịch vừa được chuyển thể ở trên.

Bài 1

HOẠT ĐỘNG NGHỆ THUẬT

Cách thể hiện tình cảm bằng NGHỆ THUẬT ÂM NHẠC

NGÔN NGỮ NGHỆ THUẬT ÂM THANH

Quan sát và tự trải nghiệm

1. Âm nhạc có sẵn trong cơ thể của con người
 - a. Các em quan sát và kể lại hoặc diễn lại cảnh em bé bi bô tự tạo ra những âm thanh cho riêng mình.
 - b. Chính các em có khi tự nhiên đang đi bỗng nhảy chân sáo và có khi cũng bật ra những câu hát bất ngờ.



- c. Các em bắt chước người đời xưa hát múa quanh đồng lửa – cơ thể bộc lộ những yếu tố cơ bản của *tình cảm âm nhạc: nhịp – giai điệu*.
- d. Một kiểm nghiệm nữa: các em đọc thầm, hoặc tự nghĩ ra cách hát ru và sẽ thấy trong tiếng nói có âm nhạc:

*À ơi... cái ngủ mà ngủ cho lâu,
Mẹ mà đi cấy đồng sâu chưa về...*

NGÔN NGỮ NGHỆ THUẬT ÂM THANH (tiếp)

Quan sát và tự trải nghiệm

2. Âm nhạc có sẵn trong con người và trong thiên nhiên

- a. Tiếng con người, tiếng cỏ cây chim muông... làm ra tiếng nhạc từ rất lâu trước khi có cây đàn đất tiền... Lá cây có khắp rừng, lúc nào cũng sẵn kèn để bày tỏ tình cảm với nhau...
- b. Kèn lá là nhạc cụ dùng để giải trí trên nương rẫy, những đêm sinh hoạt ở nhà rông, giúp trai gái tỏ tình...
Chỉ cần lấy một chiếc lá cây, gấp đôi theo sống lá để có một chiếc kèn đơn sơ. Tuy nhiên, không phải lá cây nào cũng làm được kèn, phải chọn lá phù hợp, còn nguyên vẹn và tươi tốt.



Kèn lá có âm vực cao, vang xa lạnh lốt, rất khó tạo ra âm trầm. Kèn lá diễn tả tốt tiếng suối chảy và tiếng chim hót, hoặc những âm thanh mang nét đặc thù của thiên nhiên (tùy tài nghệ người thổi).

Để sử dụng kèn lá, người ta thổi theo cách huýt gió,

mô phỏng giai điệu của bài nhạc. Thời nay, độc tấu kèn lá có dàn nhạc đệm hoặc hòa tấu với đàn t'rug, chinh chiêng và goong đều được.

- c. Còn cây đàn t'rug thì chỉ nhìn đã thấy đó như một con suối, tiếng đàn cũng thánh thót như tiếng nước chảy...



NGÔN NGỮ NGHỆ THUẬT ÂM THANH (tiếp)

Nhạc cụ các dân tộc thiểu số Việt Nam

(Xếp theo thứ tự a, b, c...)

Alal

Alal là tên gọi theo tiếng Ba Na, dùng để chỉ nhạc cụ hơi có lưỡi gà rung tự do, khá phổ biến trong cộng đồng người Ba Na và một số dân tộc khác tại Việt Nam.

Aráp

Aráp là một bộ chiêng quý của người Ba Na và Gia Rai ở Việt Nam. Nhiều dân tộc ở Tây Nguyên cũng sử dụng bộ chiêng này với tên gọi khác nhau. Người Ca Dong gọi là h'leng goong, người Rơ Măm gọi là guông t'gát, người Stră gọi là guông chiêng...

Bảng bu

Bảng bu là nhạc cụ hơi làm bằng tre phổ biến ở nhiều dân tộc vùng Tây Bắc, Việt Nam. Cái tên của nó xuất phát từ tiếng Thái. Nhạc cụ này dành riêng cho nữ giới, thường được dùng trong các nghi lễ mang đậm tính phồn thực, cầu mong cuộc sống bình yên và mùa màng bội thu.

Bro

Bro là nhạc dây phổ biến trong một số dân tộc Tây Nguyên ở Việt Nam. Người Ba Na, Xê Đăng, Gia Rai và Giẻ Triêng thường sử dụng nhạc cụ này.

Chênh Kial

Chênh Kial là nhạc cụ tự vang khi va đập. Cái tên của nó xuất phát từ tiếng Ba Na tin rằng trong mỗi ống của Chênh Kial có những vị thần trẻ con reo vui khi gió thổi. Những vị thần này là con của thần gió nên khi gặp gió các thần rất vui mừng. Người treo Chênh Kial

lên đầu hồi nhà rông để cầu đừng ngưng gió vì nếu không có gió trời sẽ đổ mưa không sớm thì muộn.

Chul

Chul là loại sáo phổ biến trong vài cộng đồng dân tộc ở Tây Nguyên, nhất là người Ba Na và Gia Rai. Đây là loại sáo dành cho nam giới. Các chàng trai sử dụng sáo này để tỏ tình với các cô gái.

Cồng, chiêng

Cồng, chiêng là nhạc cụ dân tộc thuộc bộ gõ, được làm bằng đồng thau, hình tròn như chiếc nón quai thao, đường kính từ 20 cm (loại nhỏ) cho đến 60 cm (loại to), ở giữa có hoặc không có núm. Người Gia Rai, Ê Đê và H'rê gọi cả cồng lẫn chiêng là “chinh”, còn người Triêng gọi cồng là “chênh goong” (loại có núm), gọi chiêng là “chênh hân” (không núm). Nhìn chung, còn khá nhiều cách gọi và phân biệt giữa hai nhạc cụ có núm và không núm này.



Cò ke

Cò ke là nhạc cụ có cung kéo của dân tộc Mường. Nó có cần đàn làm bằng một đoạn tay tre uốn thẳng, cắm xuyên qua một đoạn tre rỗng suốt hai đầu. Đầu trên của cần đàn có lỗ để cắm trực chỉnh dây. Phía trước của đoạn ống được bịt bằng một mảnh mo măng tre hoặc một tấm da ếch, da trăn hay da rắn, giúp ống trở thành bộ phận tăng âm.

Cò ke có hai dây đàn bằng xơ dừa hoặc tơ tầm se, vuốt lá khoai. Người ta chỉnh hai dây cách nhau một quãng bốn hoặc năm. Cung kéo là một miếng cật nửa được kéo cong lại bằng một túm xơ dừa hay lông đuôi ngựa. Cung kéo này nằm rời khỏi dây đàn, không bôi nhựa thông nhằm tăng thêm độ ma sát. Trước khi chơi nhạc cụ này, người ta nhúng túm xơ dừa hoặc lông đuôi ngựa vào nước. Trong lúc diễn, nếu thấy túm xơ dừa hay lông đuôi ngựa bị khô, họ nhỏ nước bọt vào để làm ướt trở lại.

Âm thanh của cò ke không chuẩn vì dây mắc khá cao so với cần đàn, ngoài ra nó không có bộ phận chỉnh độ cao dây buông như ở đàn nhị.

Đàn đá

Đàn đá là một nhạc cụ gỗ cổ nhất của Việt Nam. Đàn được làm bằng các thanh đá với kích thước dài, ngắn, dày, mỏng khác nhau.



Đao đao

Đao đao là nhạc cụ của cộng đồng dân tộc Khơ Mú sống tại Việt Nam. Người Thái đen ở vùng Sơn La đã học cách sử dụng nhạc cụ này và gọi nó là Hưn Mạỵ (đàn tre).

Đinh Đuk

Đinh Đuk là nhạc cụ hơi của vài dân tộc thiểu số ở Việt Nam. Người Ba Na gọi nhạc cụ này là Đinh Đuk; riêng người Ba Na ở vùng Măng Giang gọi là “hi hơ”, người Gia Rai gọi là “đinh dương”.

Đuk điđ

Đuk điđ là nhạc cụ của người Giẻ Triêng. Nó là một ống tre dài 64 cm, đường kính 8 cm với đầu này có mấu kín, còn đầu kia được vát bớt để làm tay cầm và tạo âm theo cao độ mà người thiết kế mong muốn.

Goong

Goong là loại đàn dây phổ biến trong một số dân tộc sống ở tỉnh Kom Tum và Gia Lai. Nó còn được gọi là Tinh Ninh (Ting Ning) hay Teng Neng (cách gọi của người Ba Na vùng Măng Giang và An Khê – Gia Lai) hoặc Puội Brol như người Giẻ Triêng ở huyện Đăk Giây, Kom Tum gọi.

Goong đê

Goong đê là nhạc cụ có cấu tạo giống như đàn goong, phổ biến ở tỉnh Gia Lai, thường do người Ba Na sử dụng.

Hơgơ Prong

Hơgơ Prong là loại trống rất lớn, không định âm của các dân tộc ở Tây Nguyên. Người Ba Na gọi nó là hơgơ tăk hoặc p'nung, người Gia Rai gọi là hơgơ prong hoặc hơge m'ngang, còn người Êđê gọi đơn giản là hơgơ. Tuy nhiên, loại trống này còn có một cái tên tượng thanh phổ biến là “đùng” (nhiều dân tộc gọi).

Kênh H'Mông (khèn Mèo)

Kênh là nhạc cụ thổi hơi của nhiều dân tộc anh em ở Việt Nam, người Kinh gọi là khèn, vì thế kênh H'Mông còn được gọi là khèn Mèo.



Khèn bè

Khèn là cách gọi loại kèn của một số dân tộc anh em ở Việt Nam. Loại này giống như chiếc bè nên gọi là khèn bè. Người Thái gọi là Khén Pé, người Giẻ Triêng gọi là Đinh Duar còn người Xơ Đăng gọi là Đinh Khén. Riêng người Ta Ôi, Vân Kiều gọi là Khén.

Khinh khung

Khinh khung là nhạc cụ thời tiền sử, vận hành bằng sức nước. Ở Việt Nam người Ba Na gọi nhạc cụ này là khinh khung, còn người Gia Rai gọi là Goong klơng klơi.

K'long pút

K'long pút là nhạc cụ của một số dân tộc anh em ở Việt Nam. Người Gia Rai gọi nó là Đinh pút, còn người Ba Na ở vùng An Khê gọi là Đinh Pơl. Tuy nhiên cái tên K'long pút đã trở nên quen thuộc với mọi người, dù ở trong hay ngoài nước.

Knăh ring

Knăh ring là bộ chiêng sáu chiếc, sử dụng phổ biến trong cộng đồng dân tộc Gia Rai và Ba Na ở Việt Nam.

K'ny (Kaní)

K'ny là nhạc cụ dây có cung vĩ của nhiều dân tộc sống ở vùng Bắc Tây Nguyên, Việt Nam, phổ biến rộng rãi trong cộng đồng Bahnar, Gia Rai, Xê Đăng và Rơ Ngao...

M'linh

M'linh là nhạc cụ tự vang khi lắc chúng. Nhạc cụ này là những cái chuông đồng nhỏ phổ biến trong cộng đồng dân tộc Dao và Mường.

M'nhum

M'nhum là bộ chiêng của người Gia Rai ở Việt Nam. Nó dùng để đánh khi uống rượu. Cái tên của nó đã nói lên điều này (M'nhum là “uống rượu” trong tiếng Gia Rai).

Đàn môi

Đàn môi là từ người Kinh ở Việt Nam gọi. Nó phổ biến hầu hết trong các cộng đồng dân tộc ở Việt Nam với nhiều tên gọi khác nhau. Trên thế giới nhiều nước cũng có đàn môi với tên gọi khác và chất liệu làm đàn cũng khác so với loại đàn môi ở Việt Nam.

Pi cồng

Pi cồng là nhạc cụ hơi của nhiều dân tộc ở vùng Tây Bắc Việt Nam. Pi cồng là tên gọi theo tiếng Thái.

Pí lè

Pí lè là tên gọi theo tiếng Thái – Tày để chỉ nhạc cụ hơi có dăm kép.

Pí một lao

Pí một lao là nhạc cụ hơi phổ biến ở vùng Tây Bắc Việt Nam. Tên nhạc cụ này xuất phát từ tiếng Thái, nhưng ngoài người Thái còn có người Kháng, người La Ha và Kha Mú sử dụng nhạc cụ này.

Pí pặp

Pí pặp là nhạc cụ hơi phổ biến ở cộng đồng người Thái, Việt Nam. Nó là một ống nửa dài từ 30 đến 40 cm, đường kính nhỏ hơn hoặc bằng 1 cm.

Pí phướng

Pí phướng là nhạc cụ hơi của nhiều dân tộc ở vùng Tây Bắc Việt Nam. Cái tên nhạc cụ này xuất phát từ tiếng Thái.

Pơ nưng Yun

Đây là loại trống vừa của người Ba Na sinh sống ở Việt Nam. Người Gia Rai gọi nó là hơgơr ching arăp, người Mnâm gọi là hơgơr cân, người Hà Lang gọi là hơgơr tuôn, còn người Rơ Măm gọi là Hơ huól. Nhiều dân tộc Tây Nguyên còn gọi nó bằng một từ tượng thanh là “đơng”.

Púa

Púa là nhạc cụ hơi, xuất phát từ tiếng H'Mông. Người H'Mông và Lô Lô sống tại Việt Nam sử dụng phổ biến nhạc cụ này.

Rang leh

Rang leh là nhạc cụ môi hơi phổ biến rộng rãi trong các cộng đồng dân tộc ở vùng Tây Nguyên, Việt Nam. Người Stră gọi nó là rôông gui, người Ca Dong gọi là pôper, người Gia Rai gọi là rang leh, còn người Kinh gọi là đàn môi (xem mục đàn môi).

Rang rai

Rang rai là một loại chũm chọe phổ biến trong nhiều cộng đồng dân tộc anh em ở Việt Nam, đặc biệt là người Ba Na và Gia Rai thường sử dụng nhạc cụ này.

Sáo H'Mông (sáo Mèo)

Đây là nhạc cụ của người H'Mông ở miền Bắc Việt Nam. Nó thường được sử dụng để giải trí sau giờ phút lao động mệt nhọc hoặc các chàng trai dùng để tán những cô gái trong các lễ hội của người H'Mông.

Ta in

Ta in là nhạc cụ dây của dân tộc Hà Nhì ở các tỉnh Lai Châu và Lào Cai, Việt Nam. Nó có cần đàn bằng gỗ rắn, bộ phận tăng âm bằng gỗ, hình chữ nhật có bốn cạnh vuốt tròn.

Ta lư

Ta lư là nhạc cụ dây, phổ biến rộng rãi trong cộng đồng dân tộc Vân Kiều ở các tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị, Việt Nam.

Ta pòl

Ta pòl là nhạc cụ của người Ba Na, nhưng phổ biến trong nhiều cộng đồng dân tộc ở Tây Nguyên, Việt Nam. Người Gia Rai gọi nó là đing bút hoặc đing pơng, người Rơ Măm gọi là pang bông, còn người Brâu gọi là đing pu. Ngoài ra nó còn nhiều tên gọi khác tùy theo ngôn ngữ của những dân tộc Tây Nguyên.

Tính tẩu

Tính tẩu là nhạc cụ khảy dây được dùng phổ biến ở một số dân tộc miền núi tại Việt Nam như Thái, Tày... Ở vài vùng thuộc Trung Quốc, Lào, và Thái Lan người ta cũng thấy có nhạc cụ này.



Tol alao

Tol alao là một loại đàn cổ sơ của người Ba Na sinh sống ở Việt Nam. Nhạc cụ này cũng được người Ca Dong sử dụng và gọi là tol alao như người Ba Na. Đây là loại đàn dành riêng cho nữ giới. Các cô gái thường đánh cho các chàng trai thưởng thức.

Tông đing

Tông đing là nhạc cụ gõ của dân tộc Ba Na sinh sống ở Việt Nam. Người Gia Rai cũng thường sử dụng nhạc cụ này với tên gọi là Teh đing. Người Ca Dong gọi là Goong teng leng (teng leng là đánh ở trên).

Tơ đjếp

Tơ đjếp là nhạc cụ hơi, có lưỡi gà rung tự do, phổ biến ở một số dân tộc vùng Tây Nguyên Việt Nam.

Tơ nốt

Tơ nốt là nhạc cụ hơi của người Ba Na có quan hệ mật thiết với các nhạc cụ săn bắn. Nó là nhạc cụ mang tính chiến đấu. Ngày xưa người ta dùng nó để báo tin cho cộng đồng biết đang có việc quan trọng. Ngày nay nhiều dân ở Tây Nguyên sử dụng nhạc cụ này.

T'rum

T'rum là bộ công ba chiếc có núm của người Gia Rai sống ở Tây Nam Pleiku, Việt Nam. Mỗi chiếc có kích cỡ và tên gọi khác nhau.

T'rưng

Đàn t'rưng là loại nhạc cụ gõ phổ biến ở vùng Tây Nguyên, đặc biệt là đối với dân tộc Gia Rai và Ba Na. Cái tên “t'rưng” xuất phát từ tiếng Gia Rai, lâu ngày trở nên quen thuộc với mọi người.

Vang

Vang là ba bộ chiêng ba chiếc dành riêng cho Vua Lửa (Pơtau Pui) trong cộng đồng dân tộc Gia Rai và vài dân tộc khác ở Việt Nam.

(Theo wikipedia)

Các em luyện tập sau khi tự đọc:

1. Các em đã từng được nghe loại đàn nào trong số đàn kể trên của các dân tộc thiểu số Việt Nam? Có em nào từng biết sử dụng một hoặc vài loại đàn đó không?
2. Em xin cô giáo cho nghe trên YouTube, rồi viết một đoạn văn năm câu với câu chủ đề “Em đã có dịp nghe tiếng đàn t'rưng qua một clip trên YouTube và tiếng đàn đã thực sự giúp em tưởng tượng thấy tiếng suối chảy xen lẫn tiếng chim.”.
3. Mời các em chia nhau tìm trên Internet hoặc trên sách báo những hình ảnh các loại đàn kể trong bài trên để chúng ta cùng làm bộ sưu tập trong TỪ ĐIỂN LỚP NĂM của lớp.

NGÔN NGỮ NGHỆ THUẬT ÂM THANH (tiếp)

3. Âm nhạc trong đời sống con người hiện đại



Nhạc cụ... không còn là kèn lá



Cách biểu diễn cũng thay đổi

1. Các em từng biết nhạc cụ nào, và đã từng tham dự một sinh hoạt âm nhạc hiện đại nào?
2. Các em sưu tầm hình ảnh nhạc cụ và dàn nhạc hiện đại.

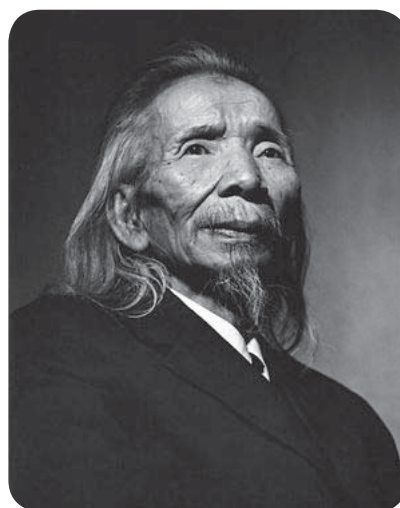
NHẠC SĨ HIỆN ĐẠI VIỆT NAM

Việc 1 – Làm quen

Các em hãy làm quen với ba trong số hàng trăm nhạc sĩ, đây là nhạc sĩ Lưu Hữu Phước, nhạc sĩ Văn Cao và nhạc sĩ Hoàng Việt.



Lưu Hữu Phước (1921–1989)



Văn Cao (1923–1995)



Hoàng Việt (1928–1967)

Việc 2 – Em thảo luận (Thảo luận ở nhóm hoặc ở lớp)

1. Trong quá khứ, không có người nhạc sĩ tách riêng khỏi cộng đồng. Chỉ đến “thời nay” (cận đại và hiện đại) mới có sự tách rời giữa nhạc sĩ sáng tác với nhạc sĩ biểu diễn và với công chúng thưởng thức âm nhạc.
Em kể tên một vài nhạc sĩ sáng tác và nhạc sĩ biểu diễn. Em có là *fan* của nhạc sĩ nào không? *Fan* có phải là công chúng nghe nhạc không?
Các em giải thích vì sao có chuyện đó.
2. Đời sống âm nhạc của xã hội “thời xưa” chỉ là vui cùng âm thanh, vui cùng tiếng hát và tiếng nhạc cụ thô sơ do mình tạo ra, chỉ là tình cảm âm nhạc thôi. Đến “thời nay”, thì có sự phân biệt giữa chuyên nghiệp và không chuyên nghiệp (hoặc còn gọi là tài tử).
Em biết một đoàn ca nhạc chuyên nghiệp nào?
Em biết một đoàn ca nhạc tài tử nào?
Em thích đoàn nào và vì sao em thích đoàn đó?
3. Tình cảm âm nhạc được thể hiện tinh tế hơn, phong phú hơn, cần nhiều kỹ thuật hơn. Có ý kiến cho rằng thời nay không cần nhiều đến tình cảm âm nhạc, chỉ cần có cây đàn tốt, đắt tiền, và chăm tập dượt là đủ.
Em viết đoạn văn năm câu cho biết em có đồng ý với điều đó không?
4. Một nhà tâm lý học giáo dục Nga – ông Vasili Davydov – có nói: “Khởi thủy của âm nhạc không phải là cây đàn piano”.
Em hiểu lời nói đó như thế nào? Nếu thích thì em tự ghi câu trả lời của riêng em (điều em ngẫm nghĩ) vào Sổ tay học Văn.

CÙNG LÀM RA ÂM NHẠC HIỆN ĐẠI

Bài hát:

Lên đảng

Nhạc Lưu Hữu Phước

Lời Huỳnh Văn Tiểng

Nhịp đi

Nào anh em ta cùng nhau xông pha lên
(Nhìn) non sông ta trời mây bao la muôn
(Kia) gương trung kiên truyền lựu muôn năm lên

đảng kiếm nguồn tươi sáng. Ta nguyện đồng lòng điem
đời tâm hồn phơi phới. Mau nhìn hoàn cầu khá
đảng, kết đoàn hùng tráng. Danh lừng Bạch Đằng, tiếng

lô non sông, từ nay ra sức anh tài. Đoàn
trông năm châu, cùng nhau tung chí anh hào. Đoàn
vang Chi Lăng, đồng tâm noi dấu anh hùng. Ngày

ta chen vai nể chi công gai lên đảng, ta người Việt
ta đi mau lòng trai không nao lên đảng, ta người Việt
xưa ai đem tài cho quê hương bao lần, khuôn phò nhà

Nam. Nhìn tương lai huy hoàng, đoàn ta bước lên đảng cùng hiện
Nam. Nhìn non sông tung bừng, đoàn ta hát vang lừng nào tung
Nam. Đoàn ta ghi trong lòng, thể hi sinh đến cùng nhìn non

ngang hát vang. Nhìn ...
bay chí trai. Kia ...
sóng thẳng ... xông.

1. Đọc thầm

Tìm hiểu lịch sử ra đời của bài hát

Bài hát này ra đời vài năm trước khi bùng nổ Cách mạng Tháng 8-1945.

Bài hát này kêu gọi thanh niên, thiếu niên từ bỏ cuộc sống nô lệ hèn nhát và vô vị để cùng nhau *lên đảng (lên đường)* đấu tranh giành Độc Lập cho tổ quốc.

Tại sao phải có lời kêu gọi bằng âm nhạc này?

Vì trước năm 1945, trong khi thực dân Pháp “*tắm các cuộc khởi nghĩa của nhân dân ta trong bể máu*” thì một bộ phận khá lớn thanh niên, thiếu niên vẫn chỉ biết vui đầu vào học tập, không chú ý đến vận mệnh đất nước. Nguy hại hơn nữa, nhiều thanh niên và thiếu niên còn lao vào phong trào *Vui vẻ trẻ trung* do thực dân Pháp và bọn tay sai tổ chức... Thanh niên và thiếu niên thực sự thành những *con nghiện* những bài ca ủy mị, chán chường, lai căng, mất gốc.

Bài hát *Lên đảng* ra đời và dùng tình cảm âm nhạc để thôi thúc thanh niên và thiếu niên hãy bỏ lối sống ích kỷ và hãy cùng suy nghĩ đến vận mệnh của Tổ Quốc.

2. Trình diễn

Hỏi các em:

- Có thể nằm trên giường, chui vào trong chăn để hát bài *Lên đảng* này không?
- Có thể ngồi cúi gằm xuống mà hát bài *Lên đảng* này không?
- Các em định hát bài *Lên đảng* này với tình cảm và tư thế nào?

3. Ngẫm nghĩ

Tại sao đầu đề tiết học này lại là “Cùng làm ra âm nhạc hiện đại”? Bài hát này chỉ là của nhạc sĩ Lưu Hữu Phước và Huỳnh Văn Tiểng thôi? Các em tham gia như thế nào vào việc “cùng làm ra âm nhạc hiện đại”?

CÙNG LÀM RA ÂM NHẠC HIỆN ĐẠI

Bài hát:

Tiến quân ca

Văn Cao

Nhịp đi - Hùng mạnh

Đoàn quân Việt Nam đi chung lòng cứu quốc. Bước chân
(Đoàn quân Việt) Nam đi sao vàng phấp phới. Đất giồng
đồn vang trên đường gặp ghềnh xa. Cờ in máu chiến thắng vang hồn
nòi quê hương qua nơi lấm than. Cùng chung sức phấn đấu xây đời
nước. Súng ngoài xa chen khúc quân hành ca. Đường vinh
mới. Đứng đều lên gông xích ta đập tan. Từ bao
quang xây xác quân thù. Thắng gian lao cùng nhau lập chiến
lâu ta nuốt căm hờn. Quyết hy sinh đời ta tươi thắm
khu. Vì nhân dân chiến đấu không ngừng. Tiến mau
hơn. Vì nhân dân chiến đấu không ngừng. Tiến mau
ra sa trường. Tiến lên! Cùng tiến lên! Nước non Việt
ra sa trường. Tiến lên! Cùng tiến lên! Nước non Việt
Nam ta vững bền. Đoàn quân Việt...
Nam ta vững... bền.

1. Đọc thêm

Tìm hiểu lịch sử ra đời của bài hát

Các em tự tìm hiểu thêm để biết rằng ngày 19 tháng 8 năm 1945 là ngày nhân dân Việt Nam *Tổng Khởi Nghĩa* giành lại Độc Lập cho Tổ Quốc.

Tháng 11 năm 1944, trên báo *Độc lập* in bí mật có đăng bài *Tiến quân ca* của Văn Cao, mở đầu bằng câu “*Đoàn quân Việt Minh đi chung lòng cứu quốc...*” Đó là câu đầu bài hành khúc của các chiến sĩ Mặt trận Việt Minh.

Sau khi giành được Độc Lập, bài hành khúc của Việt Minh được chọn làm quốc ca của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, và câu mở đầu đã được đổi thành “*Đoàn quân Việt Nam đi chung lòng cứu quốc...*”

2. Trình diễn

Các em sẽ hát bài *Tiến quân ca* theo hai tư thế:

- a. Hát như các chiến sĩ Việt Minh, “ai có súng dùng súng, ai có gươm dùng gươm...”.
- b. Hát như những công dân hát quốc ca trang trọng của nước Việt Nam chúng ta.

Nhớ đến hoàn cảnh ra đời của bài hát này, các em hãy hát với tình cảm của những chiến sĩ lúc nào cũng như đang *tiến quân* giữ gìn nền độc lập của Tổ quốc.

CÙNG LÀM RA ÂM NHẠC HIỆN ĐẠI

Bài hát:

Nhạc rừng

Hoàng Việt

Moderato - Trong sáng



Cúc cu! Cúc cu! Chim rừng ca trong nắng. Im
nghe! Im nghe! Ve rừng kêu liên miên. Rừng
hát gió lay trên cành biếc. Lao xao! Rì rào! Dòng
suối uốn quanh làn nước trôi trong xanh. Róc
rách! Róc rách! nước luồn qua khóm trúc. Lá
rơi! Lá rơi! Xoay tròn nước cuốn trôi. Có
anh chiến sỹ đi qua khu rừng vắng. Lắng nghe nhạc
rừng tâm hồn vui phơi phới. Anh cười một mình rồi

cất tiếng hát vang. Cây rừng dội tiếng theo
 lời ca mênh mang. Tính tang! Tính
 tinh! Miền Đông gian lao mà anh dũng. Tính
 tang! Tính tinh! Hăng hái chiến đấu với quân thù.
 Đường xa chân đi vui bước. Lòng
 xuân thêm bao thắm tươi. Nhạc rừng vắng
 đùa cùng nhịp bước. Hương rừng thoảng
 đưa hồn say sưa. Cúc... ...sưa. Rừng
 bát ngát ôi rừng mến yêu!

1. Đọc thầm

Tìm hiểu lịch sử ra đời của bài hát

Bài hát *Nhạc rừng* đã soạn theo nhịp 3/4 (vẫn gọi nôm na là “nhịp van-xơ”) lại còn căn dặn người hát giữ sắc độ *Moderato* – *Trong sáng*, nghĩa là hãy hát nhẹ nhàng, dịu dàng và với tình cảm trong sáng.

Đó là điều rất đáng cho chúng ta tìm hiểu trước khi hát.

Năm 1945, liền sau cuộc Tổng Khởi Nghĩa giành Độc Lập của Việt Nam ngày 19 tháng 8 năm 1945, chỉ hơn một tháng sau, vào ngày 23 tháng 9 năm 1945, thực dân Pháp quay lại đánh chiếm Nam Bộ nước ta.

Nhân dân Nam Bộ cầm súng kháng chiến trước cả nước. Các chiến sĩ và đồng bào miền Nam thường vẫn có câu “*miền Nam đi trước về sau...*” là vậy. Bài hát này ra đời trong khói lửa, thế nhưng chúng ta không thấy có lửa khói trong đó – chỉ có nhịp điệu êm đềm, nhẹ nhàng, dịu dàng – nhạc sĩ Hoàng Việt đã đưa vào bài hát tình cảm yêu đời trong sáng của thanh niên Việt Nam một thời cầm súng chống giặc Pháp.

2. Trình diễn

Các em hãy nghĩ ra cách trình bày bài hát này. Hãy khẽ nhắm mắt tưởng tượng mình đang đi trong rừng miền Đông Nam Bộ... qua suối róc rách... nghe tiếng chim rừng kêu miên man...

Sau khi hát thuộc *giai điệu* các em hãy cùng cô giáo học hát *hòa âm* ở mấy câu cuối.

GIAI ĐIỆU sẽ khiến các em tưởng tượng được với nhau một câu chuyện dọc theo bài ca.

HÒA ÂM sẽ khiến các em tưởng tượng được một khung cảnh có chiều cao, có chiều sâu, có bề dày... như khu rừng trước mặt, như núi cao phía trước, như nhiều tiếng chim cùng hòa ca...

Mời các em cùng hát...

CÙNG LÀM RA ÂM NHẠC HIỆN ĐẠI

Bài hát:

Làng tôi

Văn Cao



Làng tôi xanh bóng tre từng tiếng chuông ban
Chiều khi quân Pháp qua chiều vắng tiếng chuông
Ngày diệt quân Pháp tan là lúc tiếng chuông

chiều tiếng chuông nhà thờ rung Đời đang vui đồng
ngân phá tan nhà thờ xưa Làng tôi theo đoàn
ngân tiếng chuông nhà thờ rung Làng tôi theo đoàn

quê yêu dấu bóng cau với con thuyền một dòng sông
quân du kích cướp ngay súng quân thù trả thù xưa
quân chiến thắng đánh tan lũ quân thù về làng xưa

Nhưng thời rồi còn đâu quê nhà ngày giặc Pháp tới
Bao cầm hờn từ xa quê nhà rừng chiều nhớ cánh
Đàn từng bình chặt tre phá cầu cùng lập chiến lũy

làng triệt thôn Đường ngập bao xương
đồng chiều xưa Từ xa quê trong
đào hầm xưa Giặc chưa tan chiến

máu tươi bờ đồng không nhà trống tàn hoang
lớp cây già lòng còn thấy buồn đau
đầu chưa thôi đồng quê chào đón ngày mai

1. Đọc thêm

Tìm hiểu lịch sử ra đời của bài hát

Giống như bài hát *Nhạc rừng* của Hoàng Việt, bài *Làng tôi* của Văn Cao cũng soạn theo nhịp 3/4, để chúng ta cất tiếng hát êm đềm cùng nhớ về *làng tôi* xưa.

Làng tôi xanh bóng tre...

Làng tôi, tiếng chuông nhà thờ ban chiều ban sáng...

Làng tôi, bóng cau và con thuyền...

Một ngôi làng đẹp để êm đềm như thế, chúng ta nhất định không thể để mất vào tay quân giặc.

Mời các em cùng hát...

2. Trình diễn

Các em có thể hát đơn ca hoặc đồng ca theo nhóm, theo tổ hoặc cả lớp.

VIẾT BÀI VỀ NGHỆ THUẬT ÂM NHẠC

Các em chọn viết bài theo một trong những đề tài sau:

1. Mời các em làm tư liệu tiểu sử vắn tắt các nhạc sĩ Lưu Hữu Phước, Văn Cao, Hoàng Việt. Dựa trên các hoạt động nghệ thuật của những nhạc sĩ đó, dựa vào những bài hát các em đã cùng học và cùng thể hiện, em viết bài giải thích: “Tại sao chúng ta gọi các nhạc sĩ đó là những nhà văn hóa yêu nước?”
2. Vào thuở xa xưa, con người vào rừng lấy cây trúc rồi tự đục lỗ vào đoạn trúc để có cây sáo và dùng cây sáo đó bộc lộ tình cảm của mình.
Sau này, trong thời hiện đại, có những nhà máy sản xuất sẵn những cây sáo cho con người mua về dùng.
Em viết bài giải thích: “Khi dùng cây sáo đất tiền, chúng ta phải tưởng tượng như mình đang ở bên bờ suối với cây sáo trúc, với tình cảm của âm thanh và nhịp, chứ không thể chỉ chú trọng đến kỹ thuật dùng nhạc cụ”.
3. Có một lúc nào em nghĩ mình sẽ trở thành một nhạc sĩ không?
Em nghĩ em sẽ phải làm những gì để biến ước mơ đó thành một hiện thực của đời mình?

TÍNH ÂM NHẠC TRONG TIẾNG VIỆT

Việc 1 – Đọc lời bài hát

Chùa Hương

Thuyền bơi lướt trên sóng xanh biết bao êm đềm!

Con thuyền đưa tôi đến nơi thần tiên.

Chùa Hương với đồi núi cao biết bao êm đềm!

Phút mơ màng quên hết ưu phiền.

Chiều sương rơi còn đâu đây vang tiếng trầm theo gió.

*Tiếng Nam mô êm êm dần lan xa xa mỗi phút thêm âm trong
ngàn mơ.*

Chiều sương rơi còn đâu đây vang tiếng trầm theo gió

*Tiếng nam mô lãng đãng hồn tôi bay theo tiếng chuông nơi
xa mờ.*

Thuyền bơi lướt trên sóng xanh biết bao êm đềm!

Con thuyền đưa tôi đến nơi thần tiên.

Chùa Hương với đồi núi cao biết bao êm đềm!

Phút mơ màng quên hết ưu phiền.

Dừng chân ngắm trời nước mây nhuộm trong nắng tàn

Chuông chiều buông rơi phút giây dần tan.

*Đôi mơ giữa dòng nước xanh thoáng dăm bóng thuyền,
phút tâm hồn sạch hết ưu phiền.*

Chiều sương rơi còn đâu đây vang tiếng trầm theo gió.
 Tiếng Nam mô êm êm dần lan xa xa mỗi phút thêm âm trong
 ngàn mơ.
 Chiều sương rơi còn đâu đây vang tiếng trầm theo gió
 Tiếng nam mô lãng đãng hồn tôi bay theo tiếng chuông nơi
 xa mờ.

Đường đi bước lần thấp cao khác chi tới miền
 Non bông muôn năm sống vui thần tiên.
 Chùa Hương giữa dòng nước xanh, biết bao êm đềm?
 Phút mơ màng quên hết ưu phiền.

Chùa Hương khói trầm ngất bay những khi nắng tàn.
 Trên đồi mơ non tiếng chuông dần tan.
 Ngàn cây với một tiếng chim sót trong nắng tàn.
 Đắm tâm hồn vào giấc mơ màng.

Chiều sương rơi còn đâu đây vang tiếng trầm theo gió.
 Tiếng Nam mô êm êm dần lan xa xa mỗi phút thêm âm trong
 ngàn mơ.
 Chiều sương rơi còn đâu đây vang tiếng trầm theo gió
 Tiếng Nam mô lãng đãng hồn tôi bay theo tiếng chuông nơi xa mờ.

Chùa Hương khói trầm ngất bay những khi nắng tàn.
 Trên đồi mơ non tiếng chuông dần tan.
 Ngàn cây với một tiếng chim sót trong nắng tàn,
 Đắm tâm hồn vào giấc mơ màng.

(Nhạc sĩ Hoàng Quý)

Việc 2 – Luyện tập

1. Các em tự tạo giai điệu bài hát – Cách làm:
 - a. Các em đọc thầm, sau đó đọc to đoạn sau:
*Thuyền bơi lướt trên sóng xanh biết bao êm đềm!
Con thuyền đưa tôi đến nơi thần tiên.
Chùa Hương với đồi núi cao biết bao êm đềm!
Phút mơ màng quên hết ưu phiền.*
 - b. Các em lấy bút chì ngắt đoạn trên ra thành những cụm vài tiếng để khi đọc lên thì tự tạo thành nhịp của một bài hát. Ví dụ:
*Thuyền bơi // lướt trên sóng xanh // biết bao êm đềm!
Con thuyền đưa tôi // đến nơi thần tiên...*
 - c. Các em tự nghĩ ra giai điệu để biến đoạn lời đó thành một khúc hát (Các em làm công việc hệt như người ta sáng tác ra một bài hát ấy!).
 - d. Các em thi nhau trình bày trước lớp “khúc hát” do mình tạo ra (Các em sẽ thấy: gần như cả lớp đã tạo ra giai điệu hơi giống nhau).
2. Cô giáo giúp các em được nghe giai điệu bài hát này trên YouTube. Cả lớp bình chọn và trao giải cho bạn nào có giai điệu gần giống hơn cả với giai điệu đã có của nhạc sĩ Hoàng Quý.
3. Kết luận gì về thực nghiệm vừa tiến hành: *Tiếng Việt có tính âm nhạc cao* (Hiện tượng này còn được nhiều người diễn đạt

theo cách khác: tiếng Việt có nhạc tính cao, tiếng Việt trầm bổng du dương, tiếng Việt nói ra đã như là âm nhạc,...).

4. Chứng minh ngược cho kết luận trên:
Em nhớ lại một câu trong bài *Nhạc rừng, Làng tôi...* và chỉ cần nói chứ không hát câu đó. Em có nhận xét gì về tính âm nhạc của câu tiếng Việt đó?

Việc 3 – Tự sơ kết

Em tự ghi vào vở hoặc SỔ TAY HỌC VĂN cách thức bài học này dắt dẫn các em tự làm để cảm nhận tính âm nhạc trong tiếng Việt.

SỨ MỆNH CỦA ÂM NHẠC

Việc 1 – Đọc thầm

Giới thiệu – Các đoạn văn trích sau đây để các em đọc một mình được rút từ bộ tiểu thuyết *Jean-Christophe* của nhà văn Pháp Romain Rolland, giải Nobel văn chương năm 1915.

Tác phẩm dùng một ẩn dụ là cuộc đời một nhạc sĩ từ khi ra đời tới khi chết. Nhân vật là một nhạc sĩ nhưng tác phẩm nói tới cuộc đời con người nói chung.

Tên nhân vật cũng là tên thánh Jean-Christophe với hình tượng người vác quả địa cầu trên vai. Tác giả hình như muốn gán cho nhạc sĩ sứ mệnh lớn lao đó. Nhạc sĩ – Người có thể không có nổi những thành tựu to tát. Nhưng không sao! Tác phẩm ca ngợi phẩm chất anh hùng của con người theo tư tưởng này: *Người anh hùng là người có trái tim lớn...*

Cây đàn

Ông nội cho cả nhà một cây đàn piano cũ vốn là của một trong số khách hàng của ông, người này chỉ mong vứt cây đàn đi nên bảo ông giữ lấy nó. Vị khách khéo tán lại kiên trì khiến lời đề nghị gần như thành mệnh lệnh. Song món quà chẳng được đón nhận mặn mà. Louisa [mẹ của Jean-Christophe – ND] nghĩ phòng mình không cần thêm đồ đạc cũng đủ chật chội rồi. Melchior [ba của Jean-Christophe – ND] thì bảo ông nội chẳng đến nỗi phá sản nếu đem đóng củi đó đốt đi. Chỉ Jean-Christophe thấy thích cây đàn mà không rõ vì lý do gì. Nó cảm thấy cây đàn như một chiếc hộp đầy ma lực chứa đựng những chuyện thần kỳ,

cũng giống những câu chuyện trong cuốn truyện cổ tích – một tập có tên là “Nghìn lẻ một đêm” thì thoảng ông nội vẫn đọc cho nó nghe trong niềm hân hoan của cả hai ông cháu.

Nó đã nghe ba nó thổi cây đàn piano ngày mới mang về nhà. Bữa đó, ba nó tạo ra một chuỗi âm thanh làm cây đàn khẽ rào rào như trận mưa nhỏ – tựa như có một cơn gió đi qua làm rớt những giọt mưa từ những cành cây ẩm ướt sau trận mưa rào ấy. Nó vỗ tay reo lên: “Chơi lần nữa đi ba!”. Nhưng Melchior khinh khỉnh đóng cây đàn lại, bảo đàn chả ra đàn.

Jean-Christophe không nài thêm nhưng rồi nó cứ lớn vờn hoài quanh cây đàn. Hễ không thấy ai quanh đó, nó thường đến mở nắp cây đàn lên và nhẹ nhàng ấn tay vào một phím đàn. Nó làm việc ấy cứ như thể nó đang di chuyển ngón tay của mình trên lớp vỏ đang cựa quậy của một con sâu to. Nó muốn đẩy con vật bị giam giữ dưới lớp vỏ kia ra bên ngoài. Đôi khi vì quá nóng lòng với ý định giải cứu ấy, nó đập mạnh tay xuống phím đàn làm mẹ nó phải quát lên, “Con không ở yên được à? Không được chạm vào các thứ nữa!”. Thế là nó đóng cây đàn lại, tự véo mạnh vào mình rồi mút những ngón tay đã bầm tím với vẻ mặt đáng thương...

Niềm vui lớn nhất của nó bây giờ là khi mẹ nó vắng nhà đi làm cả ngày hay đi thăm thú trong thị trấn. Nó lắng nghe tiếng chân mẹ bước xuống cầu thang, rồi đi ra phố, và rồi khuất hẳn. Giờ chỉ còn lại một mình nó. Nó mở nắp cây đàn lên, mang ghế ra ngồi vắt vẻo trên đó. Vai nó chỉ vừa chạm bàn phím nhưng thế cũng đủ cho những gì nó mong mỏi. Tại sao nó lại đợi cho đến khi chỉ còn lại một mình thôi nhỉ? Thường thì chẳng ai ngăn nó chơi đàn, miễn sao nó đừng quá gây ồn. Nhưng nó xấu hổ khi có mặt người khác và không dám đụng tới cây đàn. Chưa kể những lúc ấy mọi người nói chuyện, đi đi lại lại làm hỏng cả niềm khoan khoái trong nó.

Còn hơn cả tuyệt vời mỗi khi nó chỉ có một mình! Jean-Christophe nín thở để cái không gian yên ắng càng yên ắng hơn và cũng vì nó đang có chút gì đó phấn khích, tựa như nó sắp cho nổ một khẩu súng vậy. Tim nó rạo rực khi nó đặt một ngón tay lên phím đàn. Có lúc đang ấn dở phím này nó đã nhấc ngón tay chuyển sang một phím khác. Liệu nó có biết cái gì sẽ vang lên từ nốt nhạc này và cái gì từ nốt nhạc kia không nhỉ? Chỉ biết mỗi lần như vậy, một âm thanh bất chợt cất lên. Âm thanh ấy khi trầm khi bổng, khi lại ngân vang, khi găm gào.

Thằng bé lắng nghe từng nốt nhạc một vang lên cho đến khi chúng lui dần rồi tắt hẳn. Không, chúng vẫn còn đây, lơ lửng trong không trung như những tiếng chuông xa xăm theo cơn gió lại gần rồi bay đi mãi. Lắng nghe lúc đó sẽ nhận ra được những tiếng nói khác nhau từ xa vọng lại, chúng hòa quyện, tạo ra thứ âm thanh rào rạo như tiếng côn trùng đang vỗ cánh. Cứ như thế những tiếng nói ấy đang mời gọi bạn, đưa bạn đến những miền huyền ảo, rất xa, ở một vùng bí ẩn nào đó, đến đấy, những tiếng nói dần chìm xuống và mất hẳn... Những tiếng nói tắt thật rồi!... Không, chúng vẫn đang thì thầm... Nhịp đập mong manh của những đôi cánh vỗ...

Ôi! Mọi thứ này thật kỳ lạ biết bao! Những tiếng nói như những linh hồn. Sao mà chúng ngoan ngoãn làm vậy chứ? Mà làm cách nào chúng lại bị nhốt trong cái hộp cũ kỹ này nhỉ? Song tuyệt vời hơn cả là khi cùng một lúc đặt hai ngón tay vào hai phím đàn. Bạn chẳng bao giờ biết được đích xác điều gì sẽ xảy ra. Đôi khi đó là hai linh hồn thù địch. Chúng giận dữ với nhau, chúng đánh nhau, chúng ghét bỏ nhau, chí chóe với nhau. Sau đó chúng cao giọng, la hét cáu kỉnh, rồi lại cất lên đầy buồn bã. Jean-Christophe thích những tiếng nói như thế, tựa hồ như chúng là những con quái vật bị xích lại, đang cắn xé, đang lấy cùm đập phá những chấn song tù ngục. Chúng sắp phá được rồi, và sẽ ủa ra như những con quái vật trong truyện cổ tích – những ông

thần bị nhốt trong những cái lọ của người Arab và bị Salomon trét kín lại. Có những tiếng nói khác lại vuốt ve bạn, tìm cách phỉnh phờ bạn. Nhưng bạn sẽ cảm thấy chúng chỉ muốn ngoạm bạn một cái, chúng đang lên cơn sốt nóng. Jean-Christophe không biết chúng muốn gì, nhưng chúng vừa lôi cuốn thằng bé vừa làm rối trí nó. Chúng khiến nó đỏ mặt thẹn thùng. Đôi khi cùng lúc ấn hai ngón tay vào hai phím đàn lại tạo ra những âm thanh đang yêu đương. Những âm thanh ôm ấp nhau như cái cách hai con người vẫn choàng tay qua nhau khi hôn nhau. Chúng là những linh hồn hạnh phúc, khuôn mặt chúng đang mỉm cười, và chẳng ranh giới nào ngăn cách chúng. Những linh hồn đó yêu chàng Jean-Christophe bé nhỏ, và chàng Jean-Christophe bé nhỏ yêu chúng. Nước mắt tràn ra khi Jean-Christophe nghe thấy những âm thanh ấy. Và không bao giờ nó thấy chán gọi những âm thanh đó lên. Chúng là bạn của nó, những người bạn thân thiết dịu hiền của Jean-Christophe...

Cứ thế, thằng bé thực hiện những cuộc hành trình xuyên qua khu rừng âm thanh, và nó biết rõ quanh quất đó đây có cả ngàn sức mạnh đang chờ nó đến, gọi mời để vuốt ve nó hay để ăn tươi nuốt sống nó...

Một bữa kia, Melchior bắt gặp nó đang chơi đàn. Ba khiến nó bật dậy sợ sệt vì giọng nói oang oang của ông. Jean-Christophe nghĩ mình đang làm điều gì đó sai trái, vội vàng đưa tay che tận ngang hai tai định đỡ những trận đòn. Nhưng lạ quá, Melchior không hề la mắng nó. Ba nó đang vui và ông phá lên cười. Ba xoa đầu nó và nhẹ nhàng hỏi: “Con thích chơi nhạc, phải không con trai? Con có muốn ta dạy con đánh đàn không?”

Lại còn hỏi nó có thích không!... Lòng đầy khoái cảm, nó thì thầm: “Có ạ”. Thế là hai người họ ngồi xuống bên cây đàn. Lần này Jean-Christophe ngồi trên một đống sách lớn và nó hết sức chăm chú học bài học đầu tiên. Trước hết nó biết được là những linh hồn ồn ã kia có những

cái tên rất lạ, nghe như tên Trung Quốc và được gọi chỉ bằng một âm tiết hay thậm chí chỉ bằng một chữ cái. Nó vô cùng ngạc nhiên vì những gì nó tưởng tượng về chúng rất khác với những điều nó được học. Nó đã nghĩ ra những cái tên thật đẹp, trù mển như tên của các nàng công chúa trong truyện cổ tích. Nó không thích quá gần gũi đến sở sàng với những nốt nhạc như cung cách ba nó nói. Và cả khi Melchior gõ đàn gọi chúng, thì chuỗi âm thanh dường như cất lên hờ hững dưới

những ngón tay của ba nó. Nhưng Jean-Christophe thấy vui khi học được các mối liên hệ giữa chúng, hệ thống thứ bậc, các gam. Nó thấy những điều này giống với việc một vị vua đang chỉ huy một đoàn quân hay một đoàn người nô lệ da đen đang đi hàng một. Nó ngạc nhiên khi thấy mỗi người lính hoặc mỗi người da đen trong đoàn diễu hành ấy đến lượt mình



đều có thể giữ vị trí như ông vua kia hoặc người dẫn đầu của cả đoàn diễu hành như thế. Và hoàn toàn có thể cho gọi cả đoàn quân từ đầu bên này sang đầu bên kia bàn phím. Nó thấy thật thú vị khi có thể giữ cho đoàn quân đó đi theo một đường thẳng. Nhưng có một điều khác biệt nhỏ nữa với những gì ban đầu nó nghĩ, đó là khu rừng xưa đầy mê hoặc của nó đã tan biến mất rồi. Dù vậy nó vẫn quyết học cho bằng được, vì việc học chẳng có gì mệt mỏi, và nó thấy lạ trước sự kiên nhẫn của ba mình. Melchior cũng không hề chán nản. Mỗi khi bắt đầu buổi học, ông buộc nó chơi đi chơi lại một khúc đến chục lần. Jean-Christophe chẳng hiểu nổi sao ba nó phải chuốc lấy nhiều phiền toái đến vậy. Ba nó đã yêu nó rồi sao? Nếu vậy thì thật tuyệt! Thằng bé lại tiếp tục luyện đàn, lòng tràn

đầy biết ơn. Thằng bé sẽ kém vâng lời nếu nó biết được những ý tưởng gì đang nảy sinh trong đầu ba nó.

Từ bữa đó Melchior thường dẫn thằng bé đến nhà một người hàng xóm. Họ chơi nhạc ở đấy ba lần trong một tuần. Melchior chơi violon mở màn, Jean-Michel chơi cello. Hai người khác, một là anh nhân viên ngân hàng, hai là bác thợ đồng hồ đã đứng tuổi trên phố Schillerstrasse. Thi thoảng người chủ cửa hàng bán thuốc chơi sáo hòa cùng ban nhạc. Họ bắt đầu chơi lúc năm giờ, rồi tiếp tục cho tới chín giờ. Nghỉ giữa khúc họ uống bia. Những người hàng xóm đã quen với việc vào ra ngôi nhà, dựa vào tường, lặng lẽ thưởng thức nhạc không nói một lời, đầu vừa nghe vừa gật gù, chân dậm dậm theo tiếng nhạc, và phả những đám mây khói thuốc lá trong căn phòng. Các nhạc công kiên nhẫn chơi trang nhạc này tiếp trang khác, khúc này tiếp khúc khác. Chẳng nói chẳng rằng, họ tập trung để chơi, cặp lông mày nhíu lại đôi khi khoái chí vừa chơi vừa lăm bằm điều gì đó, song những nhạc công này hoàn toàn không thể diễn đạt cái âm nhạc họ đang chơi, nói gì đến cảm nhận về đẹp của nó. Họ chơi không thật chuẩn, không hoàn toàn đúng nhịp, nhưng cũng chẳng bao giờ lạc giai điệu bản nhạc. Họ cứ trung thành mà chơi theo những thay đổi về âm điệu đã được in trong bản nhạc. Họ có cái khiếu âm nhạc dễ dàng thỏa mãn, họ có cái tay nghề tâm tâm thấy đầy rẫy trong cái giống người ai ai cũng tin là giàu khiếu âm nhạc trên thế giới. Họ cũng có cái háu đói khiến họ không đòi hỏi chất lượng thức ăn mà chỉ cần đến số lượng mà thôi – cái tính háu đói lành mạnh khiến cho âm nhạc nào với họ cũng ngon, càng chắc nịch càng tốt – cái điều khiến cho họ không thấy đâu là Brahms và đâu là Beethoven, cũng chẳng phân biệt được các tác phẩm của một trong hai đại nhạc sĩ ấy, chẳng phân biệt nổi đâu là một bản concerto rộng tuếch với một bản sonata xúc động lòng người, mà nguyên do chỉ vì họ cùng được nhào nặn bằng cùng một thứ chất liệu.

Jean-Christophe ngồi tách biệt hẳn trong một góc riêng của nó sau cây đàn piano. Ở đó thì chẳng ai có thể quấy rầy nó vì nó phải bò để chui vào trong góc đấy. Chỗ đó nửa tối nửa sáng và thằng bé có vừa đủ chỗ để nằm nếu nó khéo co mình lại. Khói thuốc lá xông vào mắt vào họng nó, và cả bụi nữa, từng mảng bụi lớn như lớp da cừu vậy, nhưng nó chẳng hề bận tâm đến những điều ấy, cứ ngồi xồm trang trọng lắng nghe nhạc và dùng những ngón tay dơ bẩn khoét rộng thêm những cái lỗ trên tấm vải phủ cây đàn piano. Nó không thật thích những thứ họ đang chơi, nhưng mọi thứ họ chơi không làm nó ớn. Không bao giờ nó cố gắng nói ra những ý kiến của mình bởi nó nghĩ bản thân nó còn quá nhỏ để hiểu cho hết mọi nhẽ. Chỉ một vài bản nhạc ru cho nó ngủ, một vài bản khác lại dựng nó dậy, nhưng không có bản nhạc nào làm nó khó chịu cả. Không hiểu về nhạc, nên gần như thứ nhạc hay là thứ kích thích được nó. Biết chắc là mình không bị phát hiện, thằng bé nhăn mặt nhăn mũi, nghiêng răng nghiêng lợi hoặc lè lưỡi, mắt nó khi thì ánh lên tức giận lúc lại lừ đừ rủ xuống. Nó vung tay vung chân với vẻ đầy thách thức và quyết liệt. Nó muốn bước đi theo kiểu nhà binh, muốn nhào ra mà nghiền nát cả thế giới này.

Nó cựa quậy động đậy nhiều đến nỗi cuối cùng một cái đầu liền ngó qua cây đàn piano và nói: “Này, nhóc con, có điên không đấy? Ra khỏi cây đàn ngay. Bỏ ngay cái tay che tai đi, hay là muốn ăn bọ tai đây!”. Sự việc làm thằng bé chưng hửng và tức giận. Sao họ cứ muốn làm hỏng điều nó vui thú? Nó có gây hại gì đâu. Có bắt buộc phải lúc nào cũng dầy vò nó thế không! Rồi ba nó phụ họa theo. Họ rầy la thằng bé vì gây ồn và nói nó đâu có thích nhạc. Sau rồi chính nó cũng tin là nó không thích nhạc thật. Những công dân lương thiện này cứ nhai đi nhai lại những bản concerto của họ hẳn sẽ vô cùng kinh ngạc nếu họ được biết rằng con người duy nhất trong đám người tụ tập ở đây thực sự cảm nhận được âm nhạc lại là thằng bé con này.

Việc 2 – Giúp em ghi chép sau khi đọc

1. Đoạn văn này kể chuyện gì? Có phải là phần “thăng bằng” đầu câu chuyện không? Trong phần “thăng bằng” này, chúng ta gặp một gia đình gồm những ai?
2. Em ghi lại những câu nào cho thấy gia đình Jean-Christophe tuy không giàu sang nhưng coi khinh cây đàn cũ, còn cậu bé Jean-Christophe thì coi cây đàn như một kho báu chứa đầy những âm thanh kỳ diệu (Em chú ý không ghi nhiều hơn năm dòng).
3. Tính nết mỗi người trong gia đình này như thế nào? Ba của cậu bé Jean-Christophe có vẻ thích thú với năng khiếu âm nhạc bẩm sinh của cậu như thế nào?
4. Em ghi lại những câu nào cho thấy bè bạn của nhà cậu bé Jean-Christophe đều là những người thành thạo âm nhạc, nhưng họ thiếu hẳn một tâm hồn âm nhạc, khác hẳn với chú bé Jean-Christophe.
5. Em ghi lại cách ba cậu bé dạy cậu chơi đàn và cách cậu bé cảm nhận sự khác biệt giữa ba mình với mình đối với âm nhạc mà cậu bé coi như một điều gì vô cùng thiêng liêng, huyền bí, thu hút toàn thể tâm hồn và trái tim cậu. Cậu bé càng học đàn càng cảm thấy mình bị ba bắt phải học đàn chứ không hề thấy âm nhạc là niềm vui và lẽ sống của mình.

SỬ MỆNH CỦA ÂM NHẠC (tiếp)

Việc 1 – Đọc thầm

Dòng sông

Phía dưới, dòng sông Rhine trôi, liếm láp những bức tường của ngôi nhà. Từ cửa sổ bậc cầu thang nhìn xuống có cảm giác như bị treo lơ lửng trên sông, ngược lên thấy bầu trời cũng như đang chuyển động theo dòng nước chảy. Không lần nào bước xuống cầu thang mà Jean-Christophe lại không ngắm nhìn dòng sông, nhưng chưa bao giờ nó cảm nhận về dòng sông như hôm nay. Nỗi buồn mài giũa những giác quan, khiến chúng thêm tinh tế, như thể tất thảy được khắc sâu hơn vào tâm mắt khi nước mắt đã cuốn trôi đi những dấu vết mờ của kí ức buồn. Thằng bé thấy dòng sông như một sinh vật đang sống, một tạo vật không sao lý giải nổi, nhưng lại là một tạo vật xiết bao mạnh mẽ, hơn hẳn những tạo vật khác nó từng biết! Jean-Christophe nhướn mình ra phía trước để nhìn dòng sông cho rõ hơn, miệng và mũi nó áp sát vào khung kính cửa sổ. Sông đang chảy đi đâu và sông muốn điều gì? Bộ dạng nó rõ thật tự do và biết chắc chắn về đường đi của mình... Không gì có thể ngăn nó lại. Suốt ngày suốt đêm, dù mưa hay nắng, dù trong ngôi nhà đang vui hay buồn, sông cứ trôi đi, như trên đời chẳng có gì quan trọng, như nó không bao giờ biết đến phiền muộn, và chỉ tận hưởng sức mạnh của mình. Có niềm vui nào được như dòng sông ấy, khi băng qua những cánh đồng, trôi ngang những rừng liễu, chảy qua những viên sỏi óng ánh, qua lớp cát lạo xạo, chẳng lo lắng, cũng chẳng bị bó buộc bởi điều gì, chỉ có tự do thôi!...

Thằng bé nhìn và lắng nghe dòng sông vẽ đầy thềm thuồng, tưởng đâu như nó cũng đang trôi theo, đang cuốn đi cùng dòng chảy ấy... Khi

Jean-Christophe nhắm mắt lại, nó thấy hiện lên các sắc màu – xanh da trời, xanh lá cây, vàng, đỏ, rồi những mảng bóng râm và những chùm nắng đang rượt đuổi nhau...

Mọi điều nó trông thấy bỗng hiện hình. Sông đang đi qua một cánh đồng rộng lớn, những bụi lau sậy, lúa mạch đang lượn mình trong cơn gió thoảng quện mùi cỏ non lẫn mùi bạc hà. Từ phía xung quanh đây những hoa – hoa ngô, hoa anh túc, hoa violet. Khung cảnh mới đẹp để làm sao! Và khí trời mới ngọt ngào sao! Cảm giác thật tuyệt khi được nằm xuống thảm cỏ dày và mềm mại!... Jean-Christophe vui sướng và cũng một chút bối rối nữa, giống hệt cái cảm giác khi được ba rót vào cốc cho nó một chút rượu vang vùng sông Rhine mỗi dịp lễ tết... Sông cứ thế trôi đi... Cảnh làng quê theo đấy mà biến đổi... Đây, hàng cây nghiêng mình đổ xuống dòng nước, lá cây mềm mại như những bàn tay nhỏ nhắn, nhúng mình trên mặt nước, tha thẩn trôi, và xoay tròn trên dòng nước. Giữa những hàng cây lúp xúp, một ngôi làng nằm soi bóng xuống dòng sông. Những cây bách và những cây thánh giá trong nghĩa trang nhô ra mé trên bức tường trắng mà chân tường bị dòng nước rửa sạch. Rồi sông chảy qua những khối đá, qua một hẻm núi hai bên sườn chỉ chút dây leo, qua hàng cây thông nhỏ và qua những tòa lâu đài đổ nát... Rồi lại chảy qua một cánh đồng, lại có ngô, lại gặp những bầy chim và mặt trời...

Dòng sông là cả khối màu xanh biếc trôi đi êm đềm, thao thiết như một ý nghĩ thoáng qua; nước sông không hề gợn sóng, cả những gợn sóng nhỏ cũng không, trông nó giống những miếng vải mượt mà, óng ả. Jean-Christophe không nhìn nữa, thàng bé nhắm mắt lại để nghe dòng sông được rõ hơn. Tiếng gầm gào không dứt tràn ngập tâm trí khiến nó chao đảo, nó choáng ngợp bởi giấc mơ muôn thuở và mạnh mẽ này, giấc mơ mà loài người chưa một ai biết tới. Từ chỗ xoáy nước khứa vào lòng sông, những khối nước ào ào tuôn ra xối xả. Và nhịp chảy của dòng sông

đồn dân lên chuyển thành nhạc điệu, giống như một cây leo từ từ bò trên giàn – những dải hợp âm tuôn ra từ những âm điệu lạnh lạnh, tiếng vĩ cầm dịu buồn và tiếng sáo ngân vang mượt mà. Cảnh làng quê bỗng tan biến. Con sông biến mất theo. Quanh quất chỉ còn lại một khung cảnh chiều hôm, yên ả lạ kỳ. Con tim cậu bé Jean-Christophe run lên xúc động. Lúc này cậu đang trông thấy điều gì? Ôi, những gương mặt duyên dáng!... Một cô bé với bím tóc nâu cất tiếng gọi cậu, giọng thông thả nhẹ nhàng và có phần giễu cợt... Đây nữa, khuôn mặt xanh xao của một cậu bé đang nhìn nó với đôi mắt xanh u sầu... Có những người mỉm cười, có những đôi mắt nhìn nó tò mò đầy khiêu khích, có những cái nhìn vội khiến nó bối rối thẹn thùng – những ánh mắt dịu dàng song buồn bã như cái cách một con cún vẫn nhìn – có đôi mắt kiêu ngạo, có đôi mắt đầy chịu đựng... Rồi khuôn mặt xanh xao của một người đàn bà với mái tóc đen và đôi môi mím chặt, đôi mắt to đến độ làm lu mờ mọi nét khác trên khuôn mặt, đôi mắt ấy nhìn Jean-Christophe chăm chăm, với ánh nhìn sôi sục làm đau lòng thằng bé. Song tuyệt vời hơn tất cả, khuôn mặt đó lại đang mỉm cười với nó qua đôi mắt xám trong trẻo, đôi môi hé mở để lộ hàm răng sáng bóng... Ôi, một nụ cười đầy thiện cảm và dịu dàng! Đôi mắt ấy làm trái tim thằng bé hoàn toàn dịu lại! Yêu là điều thật tuyệt vời! Vừa đi, vừa đi! Mỉm cười với ta nữa đi! Đừng vội bỏ mà đi nhé!... Thôi! Thế là bỏ đi thật rồi!... Nhưng nụ cười ấy lưu lại trong tim thằng bé sự ngọt ngào khó tả. Không còn tội lỗi hay buồn phiền chi nữa. Không còn lại gì cả... Chỉ còn lại duy nhất cái giấc mơ hư không, như một khúc nhạc thanh thản, như một chùm nắng vàng óng những sợi tơ tỏa xuống vào những ngày hè đẹp trời... Điều gì vừa xảy ra? Những ảo ảnh này là thế nào khiến thằng bé được chất chứa nỗi buồn và sự sâu muộn ngọt ngào? Chưa bao giờ nó nhìn thấy những hình ảnh ấy, vậy mà vẫn nhận ra được chúng? Chúng từ đâu tới? Từ chốn mê

cung tằm tối nào thuở khai thiên lập địa? Những hình ảnh từ xưa vẫn thế hay là những hình ảnh rồi sẽ có trong mai sau?...

Giờ đây tất cả đã kết thúc, mọi ám ảnh đều biến mất. Thằng bé có cảm giác như đang bay lên xuyên qua cả một màn sương mù mờ, và qua màn sương ấy, một lần nữa dòng sông hiện ra, trông như dòng lũ chiếm dần những cánh đồng, dòng nước cuộn mình, oai phong, chảy chậm dần rồi gần như đứng yên. Ở phía xa, rất xa kia, có gì đó trông như vệt sáng chói phía đường chân trời, một cánh đồng sũng nước, một dải sóng nước run rẩy – biển. Sông đang đổ ra biển. Tựa hồ như biển cũng đang chảy ngược lên đón dòng sông. Hay biển đang ngăn dòng sông lại. Còn sông lại khát khao biển. Sông sẽ phải hòa mình vào biển cả... Nhạc bay bổng cất lên, nhịp điệu nhún nhảy xoay lắc điên cuồng. Cả thế giới cũng đứng đưa theo sự quay cuồng hân hoan ấy...

Tâm hồn được tự do ùa vào không gian như bầy chim nhận bốc bay chénh choáng, tán loạn trong không trung với những tiếng ríu rít lạnh lạnh... Niềm vui! Niềm vui! Chẳng còn gì nữa ngoài niềm vui... Ngoài một niềm hạnh phúc không bến không bờ!

(Trích Jean-Christophe, Romain Rolland,
Đào Thúy Hạnh dịch)

Việc 2 – Giúp em thêm yêu đoạn văn sau khi đọc

1. Đoạn văn này kể chuyện gì? Em hãy kể lại nơi ở của cậu bé Jean-Christophe trên căn phòng áp mái. Đó là chỗ ở của nhà nghèo hay nhà giàu? Nhưng chỗ ở đó lại tạo điều kiện cho Jean-Christophe sống trong mơ mộng như thế nào?
2. Em nhắm mắt tưởng tượng thâm và kể lại những gì em còn nhớ về ngôi nhà bên bờ sông Rhine của chú bé Jean-Christophe. Ngôi nhà và dòng sông như thế nào khiến cho Jean-Christophe có thể nhìn thấy dòng sông rất gần và rất xa (Em nên ghi lại vài câu giúp em lúc nào đó đọc lại sẽ nhớ tới dòng sông và ngôi nhà ấy).
3. Em còn nhớ đã tự tìm ra trong sách này về tính chất âm nhạc của lời văn tiếng Việt. Em đánh dấu trong đoạn văn này một vài câu ngắn đọc lên thấy có tính nhạc đó. Em tự đọc thầm cho thấm thía hết nghĩa của từng câu. Các bạn cũng làm như em. Sau đó, em cùng các bạn thi nhau (gọi là “thi” nhưng không có ai hơn thua và không có giải thưởng) đọc to và tạo ra âm vang và nhịp điệu sao cho các bạn cùng thấy đoạn văn xuôi tiếng Việt ấy như thể một bài hát.

SỨ MỆNH CỦA ÂM NHẠC (tiếp)

Việc 1 – Đọc thầm

Khu vườn

Bốn hoặc năm tháng gì đó trước những sự kiện này, vợ góa của ngài cố vấn Stephan von Kerich, bà Josepha von Kerich đã rời Berlin, trước đây vì công vụ của ông nhà nên cả gia đình cứ nấn ná ở đó mãi cho tới nay, và bây giờ thì bà cùng cô con gái chuyển về sống tại thị trấn sông Rhine trên quê hương mình.

Bà ta có một ngôi nhà cũ với khu vườn rộng, gần như một công viên, khu vườn thoải thoải xuôi về phía dòng sông không xa nhà của Jean-Christophe là bao. Từ phòng trên tầng áp mái, Jean-Christophe có thể thấy những cành cây to vắt mình qua những bức tường và thấy chóp cao của mái đỏ lợp những viên ngói rêu phong. Một con hẻm dốc và chật đến độ khó mà lọt qua được chạy dọc bên phải khu vườn. Từ đây, nếu leo lên một cái cột có thể nhìn sang bên kia tường. Jean-Christophe không bao giờ bỏ lỡ cơ hội tận dụng cái cột đó. Mỗi lần như thế là cậu có thể nhìn thấy những con đường mọc đầy cỏ, con đường cỏ trong vườn nhà trông lại giống những cánh đồng cỏ thoáng đãng bên ngoài, thấy cây cối đan nhau mọc hoang dại, và thấy mặt tiền sơn trắng của ngôi nhà với những cửa chớp lúc nào cũng im ỉm đóng. Một hoặc hai bận trong năm, người làm vườn đảo qua và mở cửa nhà cho thoáng. Nhưng chẳng mấy chốc thiên nhiên lại quay về vai trò ngự trị toàn bộ khu vườn, rồi im lặng bao trùm lên tất cả.

Chính sự im lặng của dinh cơ ấy làm Jean-Christophe thấy tò mò. Cậu vẫn lén trèo lên đài quan sát của mình mà nhòm vào bên trong. Và do chỗ mỗi ngày cậu một cao lớn hơn nên mắt cậu, rồi mũi, rồi miệng

cậu dần dần chạm vào bờ tường. Bây giờ nếu đứng kiễng chân cậu đã có thể quàng hai cánh tay qua tường được rồi. Mặc cho cái tư thế chẳng mấy thoải mái ấy, cậu vẫn cứ đứng như vậy, cầm tì vào tường, mắt nhìn, tai lắng nghe, khi ánh chiều vàng buông lên những thảm cỏ lớp lớp sóng mềm mại, và bóng xanh nhạt của hàng thông cũng rực sáng lên theo.

Trong khung cảnh ấy Jean-Christophe có thể quên đi chính mình, chỉ chột bưng tỉnh khi nghe thấy những bước chân trên đường phố tiến lại gần. Về đêm, hương thơm lan tỏa khắp khu vườn: mùi thơm của tử đinh hương mỗi độ xuân về, của hoa keo mùa hạ, và cả hương của những chiếc lá khô vào mùa thu. Khi Jean-Christophe từ lâu đài trở về nhà vào buổi tối, dù có mệt mỏi đến thế nào chẳng nữa, cậu vẫn thường dừng chân trước cửa để hít hà hương thơm ngọt ngào ấy, và cậu thấy thật khó để quay về với mùi vị căn phòng mình. Rồi như mọi bận, cậu lại tha thần trên mảnh đất xinh xinh vuông vắn với những túm cỏ mọc chen giữa những hòn đá trên con đường dẫn vào nhà Kerich. Hai cây dẻ hàng trăm năm tuổi mọc đôi bên cổng. Ông cậu vẫn thường đến đây và ngồi dưới gốc cây hút tẩu trong lúc bọn trẻ dùng những hạt dẻ để ném nhau và chơi với nhau.

Một buổi sáng, cậu đi lên con hẻm, rồi cậu leo lên cái cột như thường lệ. Cậu nhìn lơ đãng và đang mãi nghĩ những chuyện đâu đâu. Đúng lúc vừa từ cái cột tụt xuống thì cậu cảm thấy có điều gì đó khác lạ không giống như mọi ngày. Jean-Christophe đưa mắt về phía ngôi nhà. Tất cả các cửa sổ đều mở, mặt trời chiếu rọi qua những ô cửa. Dù chẳng thấy ai trong nhà nhưng cậu có cảm giác ngôi nhà cũ này đang bừng tỉnh sau giấc ngủ dài suốt mười lăm năm qua và đang mỉm cười. Jean-Christophe đi về nhà mà lòng thắc thỏm không yên với những điều vừa trông thấy.

Vào bữa tối, cha cậu chuyện trò quanh chủ đề hàng xóm láng giềng,

về sự trở lại của bà Kerich và cô con gái cùng vô số hành lý nhiều đến mức khó tin. Bọn trai trẻ đến kín cả khoảnh sân vuông vẫn trồng cây dẻ, chúng sang để giúp họ dỡ đồ trên xe xuống. Jean-Christophe náo nức nghe mấy dòng tin tức mà trong cuộc sống hạn hẹp của cậu lại là cả một sự kiện quan trọng. Đến khi quay về với công việc, câu chuyện ba kể dù thường được phóng đại lên đôi chút, cậu vẫn cố hình dung về những người sống trong ngôi nhà như bị bỏ bùa mê ấy. Rồi Jean-Christophe mê mải với công việc mà quên đi toàn bộ chuyện này, chỉ đến khi chiều buông lúc sắp về nhà cậu mới nhớ lại tất cả. Sự tò mò thôi thúc cậu trèo lên đài quan sát để dò xét xem chuyện gì đang xảy ra bên trong bốn bức tường kia. Cậu chẳng thấy gì ngoài những con đường cỏ mọc yên ắng, nơi cây cối bất động như đang ngủ yên bình trong những tia nắng cuối cùng của một ngày. Trong giây lát cậu lại quên mất lý do vì sao mình đứng đây quan sát ngôi nhà và như mọi bận, cậu thả mình trôi theo sự tĩnh lặng ngọt ngào. Đứng chông chênh trên đỉnh cột ngó sang bên kia tường, cái chốn kì lạ này đúng là một nơi thích hợp cho sự mơ màng. Nằm dọc theo con hẻm xấu xí, ngọt ngào và tối tăm, khu vườn chan hòa ánh sáng mặt trời này bừng sáng như một ánh hào quang kì diệu.

Đầu óc cậu lan man qua những vùng đất hài hòa, và âm nhạc trôi dạt trong cậu. Tiếng nhạc làm tâm hồn dịu lại khiến cậu quên mất khái niệm thời gian, quên đi cả những vật đang hiện hữu, cậu chỉ bận tâm duy nhất có một điều là làm sao để không làm mất đi một tiếng thì thầm nào đang cất lên trong trái tim mình.

Mắt mở trừng trừng, miệng há hốc, Jean-Christophe thả mình mơ mộng, cậu cũng chẳng biết mình đã mộng mơ như thế trong bao lâu vì dù mở mắt đấy nhưng nào cậu có trông thấy gì. Rồi bỗng nhiên cậu giật thót tim. Ngay phía trước, chỗ ngoặt của con đường trông cỏ, xuất hiện khuôn mặt của hai người phụ nữ đang nhìn cậu. Một người là một phụ nhân còn trẻ mặc đồ đen, đường nét trên khuôn mặt bà mang vẻ khác lạ

nhưng trông vẫn rất hiền hòa, tóc vàng buộc túm, lơ đễnh vẻ bất cần, nhưng vẫn toát lên nét tao nhã, bà ta nhìn cậu bằng ánh mắt cười cợt hiền từ. Người còn lại là một cô gái chừng mười lăm tuổi cũng mặc đồ tang, nhìn cậu như thể sắp phá lên cười điên dại. Cô bé đứng ngay sát đằng sau mẹ, bà mẹ không nhìn cô nhưng ra hiệu cho cô giữ yên lặng. Bà đặt tay che miệng con gái như thể bà không biết làm cách gì mà giữ không cho cô phá lên cười. Cô bé là một tạo vật nhỏ nhắn với khuôn mặt tươi tắn, nước da trắng hồng và đôi má tròn trĩnh. Cô có chiếc mũi xinh, cái miệng xinh, chiếc cằm cũng xinh, song mọi thứ xinh xắn đấy mà trông vẫn đầy đặn, hàng lông mày rõ nét, đôi mắt sáng và một mớ tóc vàng được tết vắn tròn trên đầu như một chiếc vương miện để lộ chiếc cổ tròn và cái trán trắng bóng – một gương mặt giống như trong bức vẽ của danh họa Cranach.

Jean-Christophe như hóa đá trước sự xuất hiện đột ngột của hai người phụ nữ. Cậu không sao tụt xuống mà chạy trốn cho được, cậu cứ đứng trơ ra đó, bám chặt cái cột trong khi mồm vẫn cứ há hốc ra vì ngạc nhiên. Chỉ cho tới khi cậu nhìn thấy bà phu nhân trẻ tiến gần đến chỗ mình cùng nụ cười giễu cợt lúc đó cậu mới xoay mình tụt xuống rồi ngã nhào xuống con hẻm, kéo bung cả những mảnh vữa tường. Cậu nghe thấy một giọng nhẹ nhàng cất tiếng gọi: “Này cậu bé!” và tiếng cười lớn ngây ngô, trong trẻo, dịu dàng như tiếng chim hót. Cậu thấy mình đang chống tay quỳ gối trên con hẻm,



sau giây lát bối rối, cậu lấy hết sức mà chạy, chạy như thể sợ bị ai đó đuổi theo phía sau.

Jean-Christophe thấy xấu hổ biết bao, và sự bối rối ngượng ngùng ấy lại ủa về khi cậu chỉ còn lại một mình trong phòng riêng ở nhà. Từ bên đó cậu chẳng dám đi xuống cái hẻm nữa, vì một nỗi sợ vô cớ rằng hai người phụ nữ cậu đã gặp có thể đang đứng đấy chờ cậu. Mỗi khi phải đi qua ngôi nhà, cậu cúi thấp đầu xuống, men sát bờ tường, đi như chạy không dám ngoái đầu lại phía sau. Vừa đi cậu không ngừng nghĩ về hai khuôn mặt cậu đã thấy. Mỗi lần lên tầng áp mái, cậu lại tháo giày để không lo bị ai phát hiện, rồi cậu chăm chăm nhìn qua cửa sổ hướng về phía ngôi nhà và công viên gia đình Kerich dù cậu hoàn toàn biết rõ sẽ chẳng thể thấy bất kì cái gì ngoài những ngọn cây cao và chóp trên cùng của ống khói nhà ấy.

Khoảng một tháng sau đó, vào đúng dịp cậu đang chơi một bản concerto soạn cho đàn piano và nhạc phẩm do chính cậu sáng tác tại một trong những buổi chơi nhạc hàng tuần của Hiệp hội Âm nhạc Nông trang. Đang chơi đến đoạn cuối của bản nhạc, bất ngờ cậu trông thấy bà Kerich và cô con gái ngồi ngay hàng ghế đối diện đang nhìn cậu. Do không trông chờ gặp lại họ chút nào nên cậu cảm thấy sững sờ, từ lúc đấy, cậu chơi mà lạc đi với ban nhạc. Rồi cậu cứ thế chơi như một cái máy cho đến hết bản nhạc. Kết thúc buổi hòa nhạc, dù không nhìn trực diện vào họ, cậu vẫn thấy bà và cô Kerich đang vỗ tay nhiệt tình quá mức, cứ như thể họ muốn cậu biết họ đang tán thưởng cậu đến mức nào.

Jean-Christophe chạy vội khỏi sân khấu. Trong lúc vội vã rời nhà hát, cậu vẫn nhìn thấy bà Kerich ở hành lang cách cậu chỉ vài hàng ghế, bà ta đứng đó như để chờ cậu đi qua. Cậu không thể không trông thấy bà, ấy vậy mà cậu vẫn vờ như không thấy, cậu mở đường thoát rồi nhanh chóng đi theo lối cửa bên sân khấu rạp hát. Liền đó, cậu lại cảm thấy giận dữ với chính mình, vì cậu biết quá rõ bà Kerich chẳng hề có

ý định gì xấu với cậu. Nhưng cậu cũng lại biết rằng trong tình huống tương tự cậu sẽ vẫn lặp lại lối cư xử như thế. Cậu luôn sống trong tâm trạng sợ hãi đứng phải bà ta trên đường phố. Cứ mỗi lần thấy dáng ai hao hao giống bà từ xa, cậu lại tạt sang một bên rồi rẽ vào con đường khác.

(Trích *Jean-Christophe*, Romain Rolland
Đào Thúy Hạnh dịch)

Việc 2 – Giúp em hiểu thêm sau khi đọc

1. Đoạn văn này kể chuyện gì? Gia đình bà Von Kerich khác với gia đình Jean-Christophe như thế nào?
2. Bà Von Kerich và cô con gái có tỏ ý khinh hoàn cảnh của Jean-Christophe không? Bà Von Kerich có thực sự quý trọng tài năng của Jean-Christophe không? Nhưng theo ý em, tại sao Jean-Christophe lại sợ hoặc ngại do đó cố ý tránh gặp bà Von Kerich và cô con gái bà?
3. Em thử đoán điều này: về sau, tiếp tục câu chuyện, chàng nhạc sĩ thiếu niên Jean-Christophe còn có dịp gặp lại bà Von Kerich và cô con gái bà không? Cuộc gặp nếu có sẽ dẫn tới một mối liên kết nào không? Tại sao có hoặc tại sao không?

SỨ MỆNH CỦA ÂM NHẠC (tiếp)

Việc 1 – Đọc thầm

Bác Gottfried

Giờ nó đã là một nhà soạn nhạc rồi, nên từ bữa đó thằng bé lao vào sáng tác. Trước cả khi học viết chữ, nó đã học ghi ký hiệu các nốt nhạc và dấu móc lên những mảnh giấy xé từ sổ ghi chép chi tiêu trong nhà. Có điều là thằng bé càng cố tìm hiểu nó đang nghĩ gì và ghi lại rõ ràng rành mạch lên giấy thì nó chỉ thấy nó chẳng làm sao nghĩ được điều gì ngoài cái điều rằng nó muốn được nghĩ tới điều gì đó. Nhưng điều này chẳng thể khiến nó từ bỏ việc viết nhạc, và vốn là một nhạc sĩ bẩm sinh, thế nào nó cũng viết ra được điều gì đó dù là vô nghĩa. Rồi nó háo hức đem khoe với ông những nhạc phẩm vừa viết được, và ông khóc òa vui sướng. Giờ đây đã về già, ông càng mau nước mắt và một mực cho rằng đó là những nhạc phẩm tuyệt vời.

Mấy thứ đó xem chừng đã làm hư thằng bé. May sao, thằng bé vẫn có chút thiên lương khiến có làm hư thì nó cũng chẳng sao hết, thêm vào đó lại chịu ảnh hưởng của một con người cả đời chẳng có tham vọng tác động tới kẻ khác, người này bao giờ cũng đem cái khôn ngoan tự nhiên của loài người để nhìn mọi việc ở đời. Con người ấy là anh của Louisa.

Giống cô em gái, ông ta có dáng người nhỏ, gầy với đôi vai tròn. Chẳng ai biết đích xác ông bao nhiêu tuổi, chắc không thể quá bốn mươi, nhưng bề ngoài như thể đã ngoài năm chục. Khuôn mặt đã có nếp nhăn, làn da hồng hào, đôi mắt xanh nhạt hiền từ, như những bông lưu ly nhạt phai. Vì sợ gió máy, đi đâu ông cũng cẩn thận đội một chiếc mũ. Lúc bỏ mũ ra, ông để lộ cái đầu hói đáng nhỏ dần lên phía trên với mảng da đầu hồng hồng khiến Jean-Christophe và mấy anh em vô cùng

khoái. Bọn trẻ thích hỏi bác để tóc đầu hết rồi, và được mấy câu pha trò của Melchior khuyến khích, bọn trẻ chỉ chực vỗ lên cái đầu hói của bác mình. Ông bác là người đầu tiên cười với chúng và kiên nhẫn chịu đựng sự chòng ghẹo của chúng.

Ông bán hàng rong, với túi hàng trên lưng ông lang thang từ làng này sang làng khác. Trong túi có đủ mọi thứ: tạp phẩm, đồ dùng văn phòng, bánh kẹo, khăn tay, khăn quàng, giày dép, rau dưa muối,... cả những cuốn lịch, thơ ca, và thuốc men. Ông đã làm đủ thứ để ổn định cuộc sống và mua một cửa hiệu nho nhỏ bán tạp hóa hay vải vóc. Nhưng ông không thể ở yên một chỗ. Một đêm kia, ông tỉnh dậy, nhét chìa khóa dưới cửa rồi lại lên đường với túi hàng trên lưng. Bẵng đi nhiều tuần rồi nhiều tháng mới lại thấy mặt ông. Ông bỏ đi rồi lại tự mò về thôi. Một buổi tối kia lại thấy ông lóng ngóng bên ngoài cánh cửa hé mở và chiếc đầu hói nhỏ nhắn lịch sự bỏ mũ xuất hiện cùng đôi mắt hiền từ và nụ cười e dè. Ông nói: “Chào cả nhà” và cẩn thận chùi giày trước khi vào nhà, chào hỏi mọi người bắt đầu từ người cao tuổi nhất, rồi đến ngòai góc trong cùng của căn phòng. Ông ngồi đó châm tẩu thuốc và lặng lẽ chờ cho qua đi trận bão câu hỏi quá quen thuộc.

Hai người trong nhà Krafft, ông và cha của Jean-Christophe vốn khinh thường giễu cợt ông. Họ thấy cuộc sống lang thang nay đây mai đó thật lố lăng, họ cao ngạo nên không mấy may xúc động trước hoàn cảnh thấp hèn của ông hàng rong. Họ tỏ rõ cho ông hàng rong cảm nhận được điều khinh thị đó. Song ông dường như chẳng một chút bận tâm về điều ấy, và vẫn tỏ lòng kính trọng sâu sắc tới hai người khiến họ phát chán, nhất là người ông của Jean-Christophe, một người rất nhạy cảm với những gì người khác nghĩ về mình. Họ vẫn giày vò ông bán hàng rong bằng những lời bỡn cợt quá mức khiến Louisa thẹn đỏ mặt. Song đã quen khuất phục trước trí tuệ rành rành hơn người của những thành viên trong nhà Krafft nên chẳng bao giờ Louisa có chút nghi ngờ về việc

chồng hay bố chồng luôn luôn đúng. Nhưng Louisa lại yêu anh trai mình, và anh bà cũng dành cho cô em gái tình yêu thương cảm lặng. Trong gia đình chỉ còn lại hai người là anh em máu mủ, cả hai lại đều khiêm nhường, dễ bị bắt nạt, và mặc cho dòng đời run rủi. Họ gắn kết với nhau bằng nỗi buồn và sự trù mến bởi lòng thương cảm lẫn nhau cùng âm thầm chịu chung nỗi khổ đau. So với những người nhà Krafft mạnh mẽ, ồn ào, cục súc, với vóc dáng rắn rỏi đầy sức sống và ham sống, thì hai tạo vật yếu ớt, hiền hậu này nằm ngoài môi trường và cuộc sống của họ. Hai anh em hiểu và thương xót nhau chẳng cần nói ra.

Jean-Christophe, với sự vô tình độc ác của đứa trẻ, cũng hòa cùng ông và cha mình khinh rẻ ông bán hàng rong bé nhỏ. Thằng bé trêu chọc và coi ông chẳng khác một kẻ mua vui. Nó giày vò bác mình với đủ trò trêu ghẹo ngớ ngẩn mà bác nó đã phát ngán nên luôn luôn phớt lờ.

Nhưng không rõ vì lý do gì mà Jean-Christophe vẫn yêu quý ông. Trước hết nó yêu ông vì ông là một thứ đồ chơi nó muốn làm gì thì làm. Nó yêu ông còn vì ông thường cho nó thứ gì đó xinh xinh, một bức tranh, hay một đồ chơi thú vị. Sự trở về của người đàn ông nhỏ bé ấy là một niềm vui cho bọn trẻ, vì lúc nào ông cũng đem lại cho chúng một điều ngạc nhiên. Nghèo đến đâu chẳng nữa, ông cũng xoay sở cho mỗi đứa cháu một món quà và ông cũng không bao giờ quên sinh nhật của mọi người trong gia đình. Ông luôn xuất hiện vào những ngày tháng Tám, rồi rút trong túi ra một món quà vui nhộn được lựa chọn cẩn thận. Bọn trẻ đã quá quen với việc ông về là được nhận quà, đến độ chúng gần như chẳng nghĩ đến chuyện cảm ơn ông nữa. Cứ như thế đó là lẽ tự nhiên và niềm vui ông đem lại cho người khác là đủ đền bù cho việc ông xuất hiện trở lại.

Nhưng Jean-Christophe vốn khó ngủ, về đêm thường nhớ lại những sự kiện trong ngày, đôi lúc nó nghĩ bác nó quá tốt bụng và lòng nó tràn ngập lòng biết ơn với người đàn ông đáng thương ấy. Nhưng sáng hôm

sau thằng bé chẳng bao giờ biểu lộ điều này bởi vì nó cho rằng những người khác sẽ cười nhạo nó mất. Chưa kể là thằng bé cũng còn quá nhỏ để nhận ra giá trị hiếm hoi của lòng tốt. Trong ngôn ngữ của bọn trẻ, tốt bụng và ngớ ngẩn tương tự như nhau, và bác Gottfried xem chừng là nhân chứng sống cho nhận định này.

Một tối Melchior không ăn ở nhà, Gottfried ngồi một mình trong phòng khách còn Louisa đang cho bọn trẻ đi ngủ. Ông đi ra ngoài và ngồi lại bên bờ sông chỉ cách nhà vài bước. Vì chẳng có việc gì làm nên Jean-Christophe đi theo bác, và theo lệ thường nó chòng ghẹo ông bằng những trò nghịch ngợm trẻ con đến lúc nó hỗn hển thở và nằm sõng soài xuống thảm cỏ dưới chân. Nó nằm sấp và dúi mũi xuống lớp đất cỏ. Khi hơi thở trở lại bình thường, nó cố nghĩ thêm cái gì đó điên rồ để nói. Khi tìm được điều đó, nó hét to lên rồi lăn lộn cười mặt vẫn vùi trong đất. Nó chẳng thấy bác mình phản ứng gì hết. Ngạc nhiên vì thấy yên lặng, thằng bé nhồm đầu dậy rồi bắt đầu nhắc lại lời nói đùa. Nó nhìn thấy gương mặt Gottfried sáng bừng những tia nắng cuối ngày khi mặt trời lặn xuyên qua lớp sương ánh vàng. Ông nhin không nói ra điều gì. Gottfried mỉm cười, đôi mắt lim dim miệng hé mở, và trong khuôn mặt u sầu của ông lộ ra nỗi buồn và nỗi sầu muộn nào đấy không sao diễn tả cho được.

Hai bàn tay vẫn che trên mặt, Jean-Christophe quan sát bác nó. Đêm tối buông dần, khuôn mặt Gottfried cũng dần tan biến. Im lặng ngự trị. Giờ thì đến lượt Jean-Christophe thấy chất chứa những cảm xúc bí ẩn như những cảm xúc được phản chiếu hồi nãy trên khuôn mặt bác Gottfried. Nó rơi vào trạng thái ngơ ngẩn mơ màng. Không gian chìm trong bóng tối, bầu trời thì sáng và những ngôi sao hiện ra. Sóng dưới sông nhẹ nhẹ vỗ. Thằng bé thấy buồn ngủ. Chẳng cần nhìn, nó cắn đứt mấy nhánh cỏ. Một con châu chấu kêu rúc rích ngay chỗ nó nằm. Như thể là nó sắp chìm vào giấc ngủ.

Đột nhiên, trong bóng tối, Gottfried cất giọng hát. Ông hát bằng chất giọng khàn, yếu, như thể chỉ hát riêng cho mình nghe, chắc nó không nghe thấy ông hát nếu đứng cách đấy hai chục bước. Nhưng giọng hát ấy đầy chân thành và giàu cảm xúc, như là ông đang đọc lên những suy nghĩ trong lòng mình qua bài hát như qua làn nước trong làn hơi soi rọi cả phần sâu thẳm nhất trong trái tim ông. Chưa bao giờ Jean-Christophe nghe thấy lối hát như vậy và cũng chưa nghe một bài hát kiểu đó bao giờ. Bài hát chậm chậm, giản dị, ngây ngô, giai điệu trang nhã mà bàng bạc buồn, từ tốn, chẳng khi nào vồn vã với những chỗ ngắt dài rồi lại cất lên theo cái lối riêng của nó, chẳng biết tiếng hát ấy sẽ đi đâu và lạc mất trong đêm tối. Như thể nó đến từ một nơi xa xôi nào đấy và đi đến nơi nào cũng chẳng ai hay. Giọng hát trầm lặng chất chứa phiền muộn, và dưới cái vẻ yên bình ấy lại ẩn chứa một sự đau đớn chất chứa từ lâu. Jean-Christophe nín thở, nó chẳng dám cử động, người nó run lên xúc động. Bài hát kết thúc, nó bò về phía bác Gottfried, giọng nghẹn ngào, nó gọi:

“Bác!”

Gottfried không đáp lại.

Thằng bé gọi lại lần nữa: “Bác!”, cầm nó, tay nó tì vào đầu gối Gottfried.

Gottfried dịu dàng trả lời:

“Sao thế, cậu bé...”

“Cái gì thế bác? Nói cho cháu biết! Bác vừa hát cái gì thế?”

“Ta không biết.”

“Cho cháu biết đó là cái gì đi mà!”

“Ta không rõ. Chỉ là một bài hát thôi.”

“Một bài hát bác sáng tác.”

“Không, không phải ta! Nghĩ gì mà kỳ!... Một bài hát cũ rồi.”

“Ai đã viết ra nó?”

“Không ai biết...”

“Viết nó tự khi nào?”

“Không ai biết...”

“Lúc bác còn nhỏ?”

“Trước khi ta sinh ra, trước khi bố ta sinh ra, và trước cả khi bố của bố ta, rồi trước cả bố của ông ta... Nó đã luôn có như thế.”

“Lạ thật đấy! Chẳng ai cho cháu biết những điều như thế.”

Nó nghĩ một lát.

“Bác, bác còn biết bài nào khác không?”

“Có chứ.”

“Hát một bài nữa đi bác.”

“Sao phải hát bài nữa nhỉ? Một là đủ rồi. Con người ta chỉ hát khi muốn hát hay khi không thể không hát. Không hát chỉ vì hát cho vui.”

“Còn khi người ta viết nhạc thì sao?”

“Đó không phải là âm nhạc.”

Thằng bé miên man suy nghĩ. Nó không hoàn toàn hiểu những điều này. Nhưng nó cũng chẳng đòi giải thích. Nhưng đúng, đó không phải âm nhạc, nó không giống những bài hát khác. Thằng bé tiếp tục hỏi:

“Bác đã viết bao giờ chưa?”

“Viết cái gì cơ?”

“Những bài hát ý!”

“Những bài hát? Ô! Ta viết chúng sao được? Chẳng thể viết nổi những bài hát đâu.”

Thằng bé quả quyết theo lối suy luận thường tình:

“Nhưng... bác... ắt hẳn nó từng được viết vào lúc nào đó...”

Gottfried khẳng khái lắc đầu.

“Nó có sẵn như thế thôi.”

Thằng bé lại hỏi dồn:

“Nhưng bác, không thể viết những bài hát khác được à, những bài mới ý?”

“Sao phải viết những bài mới? Đã có đủ cho tất cả rồi. Có những bài cho cháu hát khi buồn khi vui, khi mệt mỏi, khi cháu nhớ nhà, khi cháu thấy khinh ghét chính bản thân mình vì đã gây ra một tội lỗi xấu xa, thấy mình như một con sâu trên trái đất này, khi cháu muốn khóc vì mọi người đã không đối xử tốt với cháu, và khi con tim cháu vui vì thế giới này tươi đẹp, và cháu nhìn thấy thiên đường của Chúa, cũng như Ngài, luôn luôn hiền từ và như thể đang cười nhạo cháu... Luôn có những bài hát cho mọi thứ, tất cả. Tại sao ta còn phải viết những bài hát mới?”

“Để trở thành một con người vĩ đại!” thằng bé trả lời, như cái cách ông nó dạy và như những mơ ước nhỏ dại của nó.

Gottfried khẽ cười. Jean-Christophe thấy bị xúc phạm đôi chút, nó hỏi:

“Sao bác lại cười?”

“Ồ, ta á?... Ta chẳng là ai cả.”

Ông hôn lên đầu thằng bé rồi nói:

“Cháu muốn trở thành một con người vĩ đại?”

“Vâng”, Jean-Christophe trả lời đầy kiêu hãnh. Nó chắc nhảm Gottfried sẽ cảm phục nó lắm.

Nhưng Gottfried hỏi lại:

“Để làm gì?”

Jean-Christophe bị bất ngờ. Suy nghĩ giây lát, nó trả lời:

“Để viết được những bài hát hay!”

Gottfried lại cười:

“Cháu muốn viết những bài hát hay để trở thành một người vĩ đại, rồi cháu muốn trở thành một người vĩ đại để viết những bài hát hay. Cháu như một con chó đang đuổi bắt cái đuôi của nó vậy.”

Jean-Christophe chán nản. Nếu là những lúc khác, nó đã không nhin được mà cười nhạo lại ông, vốn là người mà nó vẫn hay giễu cợt.

Đồng thời nó cũng không bao giờ nghĩ Gottfried đủ thông minh dồn nó vào chỗ bí trong một cuộc tranh luận. Nó cố gắng nghĩ ra câu trả lời nào đó hoặc cái gì đó dù không thích hợp để đáp trả ông, nhưng nó chẳng tìm được gì. Gottfried tiếp tục:

“Khi cháu vĩ đại, khi cháu to như con đường từ đây đến tận Coblenz, cháu sẽ không bao giờ viết nổi một bài hát.”

Jean-Christophe phản kháng lại.

“Và nếu cháu vẫn sẽ làm được!...”

“Càng ham muốn cháu càng khó làm được. Để viết ra những bài hát, cháu phải như những sinh vật kia kia. Lắng tai nghe đi...”

Mặt trăng tròn sáng, nhô ra từ phía cánh đồng. Sương mù bàng bạc lơ là bay trên mặt đất và lờ lờ trên nước sông lung linh. Ếch cất giọng kêu khàn khàn, và trên đồng cỏ vang lên tiếng cóc du dương. Tiếng châu chấu réo gọi nhau như trả lời nhịp sáng lấp lánh của những vì sao. Gió xào xạc qua những nhánh cây trăn. Từ ngọn đồi bên sông vọng về tiếng hót ngọt ngào dịu nhẹ của một con sơn ca.

“Còn cần hát gì thêm nữa?” Gottfried thở dài sau hồi lâu im lặng (chẳng rõ là ông nói với mình hay với Jean-Christophe):

“Chẳng phải những sinh vật này cất giọng ngọt ngào hơn bất cứ cái gì cháu có thể viết được sao?”

Jean-Christophe vẫn thường nghe những âm thanh của đêm, và nó yêu những âm thanh ấy. Nhưng chưa bao giờ nó nghe theo cái cách nó đang lắng nghe lúc này. Quả thực: thế này còn cần hát thêm gì nữa?... Lòng nó dịu lại rồi chìm trong xúc cảm buồn. Nó vui lòng được ôm choàng lấy cánh đồng, dòng sông, bầu trời và những ngôi sao sáng.

Lòng nó tràn đầy yêu thương dành cho bác Gottfried, lúc này nó thấy bác mình là người tốt nhất, thông minh nhất, đẹp trai nhất trong những người đàn ông. Nó nghĩ nó đã sai lầm biết bao khi nhận định sai về bác, và cho rằng hẳn bác đã buồn vì nó, thằng cháu Jean-Christophe

này vì đã nghĩ không đúng về bác. Nó hối hận. Nó muốn nói to lên: “Bác ơi, đừng buồn! Cháu sẽ không nghịch ngợm nữa. Tha lỗi cho cháu, cháu yêu bác!” Nhưng nó không dám nói. Rồi bất ngờ nó lao vào vòng tay Gottfried, nhưng nó vẫn không thể thốt nên lời, nó cứ lặp đi lặp lại: “Cháu yêu bác!” và hôn ông nồng nàn. Gottfried ngạc nhiên và xúc động, liên tục hỏi: “Sao cơ? Có chuyện gì?” và cũng hôn lại nó. Rồi ông ngồi dậy, dắt nó trong tay, ông nói: “Chúng ta phải về nhà thôi.” Jean-Christophe thấy buồn vì ông đã không hiểu nó. Nhưng trên đường vào nhà, Gottfried bảo: “Nếu cháu thích, chúng ta sẽ lại đi để được nghe thứ âm nhạc của Chúa, và ta sẽ hát tặng cháu vài bài nữa.” Và lúc Jean-Christophe hôn tạm biệt ông với lòng đầy biết ơn, nó biết bác nó đã hiểu.

(Trích Jean-Christophe, Romain Rolland

Đào Thúy Hạnh dịch)

Việc 2 – Luyện tập

1. Đoạn văn này nói chuyện gì? Hai anh em bác Gottfried có cách sống khác với ông nội và bố Jean-Christophe như thế nào? Bên nội của Jean-Christophe làm cho Jean-Christophe quen coi thường bác Gottfried như thế nào? Bên nội cũng làm cho cậu tiếm nhiễm những quan điểm sai lệch đối với âm nhạc như thế nào?
2. Buổi đi chơi của hai bác cháu lúc chiều buông xuống khiến Jean-Christophe bắt đầu hết coi thường, hơn nữa, còn yêu quý bác Gottfried từ một sự việc như thế nào? Nhờ người bác mà Jean-Christophe bắt đầu cảm nhận mơ hồ một điều gì mới mẻ về âm nhạc?
3. Trong khi trao đổi quan niệm về sứ mệnh của âm nhạc và sứ mệnh của người nhạc sĩ, Jean-Christophe bộc lộ quan niệm gì khiến cho bác Gottfried phê phán:
“Cháu muốn viết những bài hát hay để trở thành một người vĩ đại, rồi cháu muốn trở thành một người vĩ đại để viết những bài hát hay. Cháu như một con chó đang đuổi bắt cái đuôi của nó vậy.”
Cậu bé Jean-Christophe đang mắc bệnh “ngôi sao” có phản ứng như thế nào khi đó? Nó có hiểu hết bác nó không?
4. Em viết một bài để nói ý kiến của em về sứ mệnh của âm nhạc và nhiệm vụ của nhạc sĩ. Có phải nhạc sĩ sinh ra để đua nhau trở thành “ngôi sao”, để được tung hô và để hái ra tiền? Em lên án những quan niệm sai nào trong cuộc sống hiện nay về âm nhạc và về nhạc sĩ?

Bài 2

HOẠT ĐỘNG NGHỆ THUẬT**Cách thể hiện tình cảm bằng
NGHỆ THUẬT NHẢY MÚA****NGÔN NGỮ NGHỆ THUẬT CƠ THỂ****Quan sát – cảm nhận – suy nghĩ**

Trên mặt trống đồng đào được qua khai quật khảo cổ ở nước ta, thấy có những hình ảnh người già gạo nhưng trông không khác mấy với hình ảnh những người đang múa điệu già gạo.



Hãy tưởng tượng các em là người đời xưa. Các em chia nhóm cùng tạo ra các hoạt động nhảy múa để ăn mừng một chuyện vui trong cộng đồng – mỗi nhóm một kiểu múa:

- Múa mừng khi đi săn về.
 - Múa mừng có trẻ nhỏ mới sinh.
 - Múa gánh lúa ở nương về.
 - Múa đi săn chim, múa kéo lưới bắt cá, múa chèo thuyền...
- Và những cảnh khác do các em nghĩ ra.

Các em thử giải thích tại sao người ta lại múa trong những dịp đó?

AI DẠY NGƯỜI XƯA NHẢY MÚA?

Con người hiện đại nhiều lúc đã quên mất nhiều điều tốt đẹp mình từng có... quên mất những lối nhảy chân sáo khi đi và chỉ nhớ những lớp học múa, chỉ biết những quán bar cùng những cuộc biểu diễn của những vũ công nổi tiếng.



Nhảy chân sáo



Học khiêu vũ

Thực hành

1. Các em còn nhớ cách vừa đi vừa nhảy chân sáo không? Các em lần lượt thực hành nhảy chân sáo trước cả lớp. Thi xem em nào thể hiện đáng yêu hơn...
2. Các em vỗ nhịp hành khúc để hát bài *Lên đàn*. Các em thi nhau từng nhóm tạo ra những tư thế nhảy múa thật phù hợp với nhịp của bài ca đó.
3. Chia lớp thành hai, một nửa vỗ nhịp và hát bài *Làng tôi còn* một nửa nhảy múa theo nhịp và hát theo tiếng hát của các bạn.

Thảo luận

1. Ai dạy người xưa nhảy múa? Ai dạy trẻ em đi lại tung tăng?
2. Tại sao con người lại nghĩ ra được các loại nhịp cho âm nhạc và nhảy múa? Hơi thở và nhịp đập tự nhiên của tim có ảnh hưởng gì đến việc “nghĩ ra” nhịp cho nhảy múa và âm nhạc?

LUYỆN TẬP NGÔN NGỮ NGHỆ THUẬT CƠ THỂ

1. Trò chơi đứng nhịp

a. Nhóm thi đứng vòng tay thành vòng tròn



- b. Quản trò hô “Văn Cao – Làng tôi” thì các bạn chơi phải đếm 1 – 2 – 3 và chân giậm như sau: giậm chân trái hô 1, giậm chân phải hô 2, chạm chân phải chéo sang trái hô 3.
- c. Quản trò đổi lệnh hô “Lưu Hữu Phước – Lên đàn” thì các bạn chơi phải đếm 1 – 2 và chân giậm như sau: giậm chân trái hô 1, giậm chân phải hô 2.

Quản trò tăng tốc độ đổi lệnh để các bạn bị cuống và mắc lỗi. Nhưng nếu các bạn giỏi quá, không chịu mắc lỗi, thì quản trò chuyển sang cách chơi dưới đây:

2. Trò chơi lờ nhịp

Quản trò cố ý hô nhầm “Lưu Hữu Phước – Làng tôi” hoặc hô “Văn Cao – Lên đàn” hoặc hô “Lưu Hữu Phước – Văn Cao” hoặc hô “Làng tôi – Lên đàn” – cho nhóm đang chơi bị lờ nhịp, phải nhường nhóm khác vào chơi.

LUYỆN TẬP NGÔN NGỮ NGHỆ THUẬT CƠ THỂ

Trò chơi “Chiếc gậy Trường Sơn”



Cách chơi: Các em tổ chức dàn dựng nhảy múa kèm với sắp đặt (kể câu chuyện có kèm hình thức nhảy múa) với:

- a. Nhạc nền là bài hát *Chiếc gậy Trường Sơn* do một nhóm đồng ca thể hiện.
- b. Có ba kiểu nhân vật trong cảnh tiến đưa thanh niên lên đường chiến đấu:
 - Nhân vật CỤ GIÀ tặng gậy: cụ già còng lưng dẫn đầu phía sau là thanh niên đi theo.
 - Nhân vật EM BÉ tặng sách và cầm gậy kéo các anh bộ đội đi theo quanh sàn diễn.
 - Nhân vật CÔ GÁI tặng khăn, áo và cùng cầm gậy kéo thanh niên quanh sàn diễn làm động tác có ý nói đến việc tòng quân lên đường chiến đấu.
- c. Trong cảnh tiến đưa vào phút cuối còn có vài ba người mẹ già buồn rầu đứng nhìn các thanh niên mang những *Chiếc gậy Trường Sơn* ra đi.

LUYỆN TẬP NGÔN NGỮ NGHỆ THUẬT CƠ THỂ

Trò chơi “Nhạc rừng bật... tắt... bật... tắt...”



Cách chơi:

1. Chia lớp thành nhiều nhóm. Các nhóm ngồi xa nhau một chút sao cho khi... bật... chung, thì các nhóm của cả lớp vẫn hát đồng ca được, và khi... tắt... một nhóm hoặc vài nhóm, thì các nhóm khác vẫn... bật...
2. Quản trò đứng giữa và hai tay cầm hai vật đánh tín hiệu... bật... tắt... khác nhau.
3. Bắt đầu chơi.
 - a. Quản trò khua trên đầu mình tín hiệu... bật... cả lớp cùng hát (“Cúc cu... cúc cu... chim rừng...”) hát cho tới khi có lệnh.
 - b. Quản trò dùng tín hiệu... tắt... chỉ vào một hoặc hai nhóm nào đó, thì hai nhóm đó phải im tiếng ngay, trong khi cả lớp vẫn cùng tiếp tục hát...
 - c. Quản trò tiếp tục dùng tín hiệu... bật... chỉ vào một hoặc hai nhóm đang tắt và dùng tín hiệu... tắt... chỉ vào một hoặc hai nhóm nào đó đang bật...

Biến thể của trò chơi này: thay bài *Nhạc rừng* bằng bài *Làng tôi* hoặc bài nào khác nữa cũng được...

SƠ KẾT NGÔN NGỮ NGHỆ THUẬT CƠ THỂ

Thảo luận

Mỗi câu hỏi sau được đưa ra thảo luận chung trước cả lớp trong vòng 3 phút. Chú ý: thảo luận nhưng không có kết luận chung. Từng em ghi cảm nhận riêng của mình vào Sổ tay học văn và hãy thể đã.

Câu hỏi 1 – Nhảy múa thường hay gắn với âm nhạc. Chúng ta hát và có những bước nhảy kèm bài hát, điệu hát. Chúng ta nhảy và hình như có thể hát theo, có khi hát to, có khi hát thầm.

Các em thảo luận xem: từ xa xưa, khi con người bắt đầu muốn thể hiện niềm vui bằng nhảy múa, có bắt buộc có tiếng hát đi kèm không?

Câu hỏi 2 – Ngày xưa, trong xã hội có riêng hẳn những người chuyên sống bằng nghề nhảy múa không? Đi săn được con thú rừng về cùng ăn, có thuê người đến nhảy múa cho vui không? Những ai nhảy múa khi đó?

Các em đoán xem: khi nào thì trong xã hội có riêng những người sống bằng nghề nhảy múa?

Câu hỏi 3 – Em biết tên nghệ sĩ múa hiện đại nào? Em biết tên vở kịch múa nào? Em có nghe tên các vở diễn này bao giờ chưa: vở múa ba-lê *Hồ thiên nga* – vở nhạc kịch *Carmen* – vở nhạc kịch *Cô Sao*? Và những vở khác?

Các em giải thích lẫn cho nhau: múa ba-lê, múa đương đại, nhạc vũ kịch, nhạc kịch... là gì?

SƠ KẾT NGÔN NGỮ NGHỆ THUẬT CƠ THỂ

Em đọc thầm và ngâm nghĩ:

Những lời bàn về nhảy múa



“Nhảy múa” – tranh của Henri Matisse (1909)

- Một nghệ sĩ nhảy múa bước ra nhảy múa vì máu của người đó đang nhảy múa trong các mạch máu của mình.
(Anna Pavlova, 1881–1931, nghệ sĩ múa người Nga)
- Cơ thể của bạn là cây đàn thụ cảm của tâm hồn bạn. Và chính bạn là người khiến cho cây đàn ấy rung lên những ngân vang bồi hồi hoặc những tiếng nhạc dịu dàng.
(Khalil Gibran, 1883–1931, nhà thơ người Mỹ gốc Liban)

- Hễ cứ có một ngày nào mà tôi không nhảy múa, thì cái ngày đó đều bị tôi coi là phí hoài.
(F. Nietzsche, 1844–1900, nhà triết học, nhạc sĩ, nhà thơ, nhà phê bình văn học người Đức)
- Khi bạn nhảy múa, bạn thoát ra khỏi thể xác mình, bạn thấy mình cao lớn hơn, mạnh mẽ hơn, và đẹp đẽ hơn. Trong vài ba phút, bạn thấy mình thành con người hùng dũng. Đó là sức mạnh. Đó là vinh quang ngay trên mặt đất này. Và điều đó là của bạn, mỗi khi bạn nhảy múa.
(Agnes de Mille, 1905–1993, nữ nghệ sĩ múa và diễn viên kịch nghệ người Mỹ)
- Nhảy múa ấy à... đó là giải thích ít nhất, kể lẻ cũng ít nhất, còn cảm giác thì nhiều đến vô cùng.
(Maurice Béjart, 1927–2007, nghệ sĩ múa người Pháp)
- Hơn hẳn bất kỳ ngành nghệ thuật nào khác, nhảy múa có khả năng đem lại cho chúng ta điều cơ bản gửi trong các huyền thoại.
(Maurice Béjart)
- Bản chất của mọi nghệ thuật là tự đem lại khoái cảm cho mình khi mình mang lại khoái cảm cho mọi người.
(M. Barishnikov, sinh năm 1948, nghệ sĩ múa người Mỹ gốc Nga)
- Những nghệ sĩ múa nổi tiếng không nổi tiếng vì kỹ thuật múa mà nổi tiếng vì niềm đam mê của họ.
(Martha Graham, 1894–1991, nghệ sĩ múa người Mỹ)
- Phù du, bất tử, thất thường, nhảy múa là môn nghệ thuật duy nhất mặc dù không để lại dấu vết nào trên trái đất song lại ám ảnh những con người nào đó bằng những kỷ niệm tuyệt vời.
(Jean Babilée, sinh năm 1923, nghệ sĩ múa người Pháp)

- *Khi thấy nhịp điệu của nhảy múa, ý tưởng đầu tiên đến với tôi, đó là nhịp điệu của sóng.*
(Isadora Duncan, 1877–1927 nghệ sĩ múa người Mỹ)
 - *Nhảy múa là trí tuệ cao nhất của cái cơ thể tự do nhất.*
(Isadora Duncan)
 - *Có ba hạng vũ công: trước hết là những vũ công coi nhảy múa như một thứ rèn luyện thể lực, gồm những động tác uốn éo vô cảm và duyên dáng; thứ hai, đó là những vũ công tập trung tư tưởng để dẫn cơ thể đi vào những nhịp điệu của một cảm xúc đang mong đợi đặt biểu đạt một tình cảm được nhớ lại hoặc một trải nghiệm. Và sau hết, là những vũ công muốn chuyển đổi cơ thể mình thành một chất nước chảy long lanh bó mình trong cảm hứng của tâm hồn.*
(Isadora Duncan)
 - *Trước nhất, chúng ta hãy dạy cho từng em nhỏ biết thở, biết rung động, biết cảm nghĩ, và được hòa làm một bằng sự hài hòa chung với nhịp điệu của thiên nhiên.*
(Isadora Duncan)
1. Những ý kiến nào em thấy thú vị, vì em thấy y như là ý kiến của em vậy? Em đánh dấu những ý đó.
 2. Những ý kiến nào em thấy khó hiểu? Em hãy nêu ra với cô giáo để cô cho các em thảo luận tìm hiểu thêm.
 3. Bây giờ, mời em chuẩn bị làm bài viết.

SƠ KẾT NGÔN NGỮ NGHỆ THUẬT CƠ THỂ

Viết bài

Hỏi ý kiến các em: Nghệ sĩ múa Slovakia Rudolf von Laban (1879–1958) nói:

“Nhảy múa có vai trò cực kỳ quan trọng trong quan hệ giữa người với người, đó là nhà trường của ứng xử xã hội, nhà trường dạy sự hài hòa trong mỗi nhóm người. Nhảy múa là nhà trường dạy độ lượng và tình yêu, dạy ý nghĩa của cộng đồng và dạy sự kết đoàn của nhân loại.”

Đề nghị các em viết bài giải thích theo cách hiểu của em, tại sao nhảy múa lại:

- Là điều vô cùng quan trọng trong quan hệ giữa người với người?
- Là nhà trường của ứng xử xã hội?
- Là nhà trường dạy sự hài hòa trong mỗi nhóm người?
- Là nhà trường dạy độ lượng và tình yêu?
- Là nhà trường dạy ý nghĩa của cộng đồng và dạy sự kết đoàn của nhân loại?

Sau khi viết bài, các em nên tổ chức đọc bài của mình cho cả lớp cùng nghe, cùng đánh giá bài của mọi người.

Đây là mấy tiêu chuẩn để mọi người đánh giá:

Giải thích đủ

☐

Giải thích đủ
dẫn chứng hay

☐

Giải thích đủ
và hấp dẫn

☐

Bài 3

HOẠT ĐỘNG NGHỆ THUẬT

Cách thể hiện tình cảm bằng
NGHỆ THUẬT TẠO HÌNH

NGÔN NGỮ NGHỆ THUẬT TẠO HÌNH**Việc 1 – Tưởng tượng**

Hãy tưởng tượng các em là người đời xưa. Trong khi cộng đồng nhảy múa ăn mừng một chuyện vui thì em lẳng lặng ngồi vẽ một mình trong hang động.



Việc 2 – Thảo luận

1. Em có để ý điều này không: người ta có thể hát tập thể, người ta cũng có thể nhảy múa tập thể, nhưng với việc vẽ tranh và nặn tượng – những công việc thuộc nghệ thuật tạo hình – liệu có làm theo lối tập thể được không?
2. Em nhìn vào hình vẽ người họa sĩ ở trang trước, em cảm thấy người đó đang nghĩ ngợi điều gì?

NGÔN NGỮ NGHỆ THUẬT TẠO HÌNH

Việc 1 – Tìm cảm hứng từ tranh

Em tưởng tượng em là họa sĩ thời xưa. Khi mọi người đang vui vẻ, em vào hang vẽ một mình... Khi đó em có những ý nghĩ gì, em nói to ra cho các bạn cùng chia sẻ.



“Tại sao mình lại thích vẽ con bò tót sừng dài này nhỉ?”



“Bầy ngựa dũng mãnh thế này mà cũng bị bắt đấy!”

Việc 2 – Tranh cãi về những bức tranh Độc thẩm:

Tranh hang động Chauvet nước Pháp

Tháng 12 năm 1994, tại vùng thung lũng Ardèche nước Pháp, một nhóm ba nhà hang động học đã tìm thấy vùng hang động Chauvet, ở bên trong có hơn 300 tranh vẽ và tác phẩm khắc vào đá.

Đo tuổi của các bức tranh, thì biết chúng đã ra đời chừng hơn 30.000 năm trước đây. Các bức tranh đều có nội dung là những con thú người xưa săn bắt được: voi ma-mút, gấu, tê giác, và rất nhiều ngựa và bò.

Dĩ nhiên, đó không thể là tranh của các họa sĩ đương thời nông cuồng chui vào hang mà vẽ! Người ta còn thấy rõ là các màu đem dùng để vẽ các bức tranh ở hang Chauvet đều là những màu cơ bản chưa hề có bàn tay pha phách của những nghệ sĩ như vào thời nay.

(Theo CAND.com.vn)

Tranh cãi

Các em hãy đóng vai:

- Nhà hang động học.
- Nhà báo đi săn tin tức.
- Nhà xuất bản chụp các hình để in và phổ biến.
- Thầy giáo và học sinh muốn đến nghiên cứu, học tập.
- Nhà tổ chức các tour du lịch.
- Nhà chức trách địa phương...

Mỗi nhóm được đóng vai trong vòng 2 phút để đài truyền hình quay. Các em hỏi và đáp về những tác phẩm hội họa và điều khắc đó...

NGÔN NGỮ NGHỆ THUẬT TẠO HÌNH

Việc 1 – Đọc thầm cuộc trò chuyện sau

Đoạn 1

Cô giáo: Em thích vẽ không?

Em: Em rất thích ạ. Em biết vẽ từ khi còn ẵm ngửa, từ khi chưa đầy một tuổi!

Cô giáo: Thật không!? Lúc đó em biết gì?

Em: Mẹ em kể mà! Em nhúng tay vào bát bột rồi vẽ vào má, vẽ vào ngực, vẽ vào áo của mẹ... Vẽ nhiều lắm!

Cô giáo: Ôi, em vừa nói một chân lý về hội họa đó! Thuở xa xưa, làm gì có họa sĩ như Picasso, như Bùi Xuân Phái? Chỉ có người nghịch màu sắc và hình thù...

Em: Thế em cũng nghịch và em cũng là họa sĩ à cô?

Cô giáo: Khoan... Em hãy so sánh các tác phẩm này:



Em: Cái nào cũng đẹp!

Cô giáo: Bây giờ em đặt tên cho từng tác phẩm xem nào.

Em: Tranh số 1 em đặt tên là *Nghịch*. Tranh số 2 là *Cả lớp cùng nghịch*. Tranh số 3 em đặt tên là *Nghịch đẹp*. Tranh số 4...

Cô giáo: Số 4 không phải là tranh mà là tượng. Ba tranh số 1, số 2, số 3 thực ra là không có tên. Đúng là nghịch. Nghịch màu và nghịch sắp đặt ở lớp mẫu giáo đấy. Còn bức tượng số 4 của nhà điêu khắc Auguste Rodin lại có tên là *Thánh đường*.

Em: Ôi thưa cô, bây giờ nghe tên bức tượng, em nhìn lại, em thấy nó khác hẳn... Em liên tưởng đến những con người lao động nặng nhọc bằng đôi bàn tay xù xì...

Cô giáo: Rất hay! Cô khen em có liên tưởng hay. Bây giờ em hãy nghĩ về câu nói này của nhà tâm lý học nghệ thuật André Malraux:

“Người nghệ sĩ có một con mắt nhìn riêng, nhưng không phải là từ hồi mười lăm tuổi đâu; và còn cần biết bao nhiêu ngày tháng nữa để có cái tầm nhìn đế vương của các đại danh họa”.

Em: Em hiểu rồi! Em hiểu rồi! Em hiểu rồi cô ơi!... Còn cần biết bao ngày tháng để hết nghịch với màu sắc và hình thù và thành một họa sĩ...

Cô giáo: Cảm ơn em.

Việc 2 - Thảo luận và tự sơ kết

Qua cuộc trò chuyện giữa cô giáo và học sinh trên đây, các em cho biết:

1. Người đời xưa có bị bố mẹ thúc ép phải trở thành họa sĩ tài ba không?
2. Đặc điểm của người nghệ sĩ đời xưa là sự hồn nhiên. Tính chất hồn nhiên ảnh hưởng thế nào đến tình cảm nghệ thuật?

NGÔN NGỮ NGHỆ THUẬT TẠO HÌNH

Việc 1 – Đọc thầm cuộc trò chuyện sau

Đoạn 2

Cô giáo: Cô và em, chúng ta lại bàn chuyện nghệ thuật nhỉ?

Em: Vâng, em rất thích trò chuyện với cô.

Cô giáo: Cô hỏi em câu này: từ xưa từ xưa xa lắm... ai nghĩ ra âm nhạc?

Em: Không ai cả! Mọi người khi vui cứ thỏa sức reo hò rú rít, rồi nhảy lên đánh vào người nhau, rồi bốc cát rắc lên đầu lên tóc nhau cho thỏa nỗi mừng vui... Em nghĩ thế, cô ạ, chả biết có đúng không.

Cô giáo: Khi xưa xa xôi đó có ai là nhạc sĩ không?

Em: Ôi... khi xưa xa xôi đó làm gì có nhạc sĩ ạ!

Cô giáo: Thế có ai là nghệ sĩ múa không?

Em: Làm gì có nghệ sĩ múa ạ!

Cô giáo: Chính xác! Lúc đó chưa có người chuyên sáng tác bài hát, cũng chưa có người chuyên nghĩ ra một điệu múa.

Em: Nhưng vẫn có âm nhạc, cô ạ.

Cô giáo: Mọi âm thanh tự tạo ra khi đó cộng với nhịp là thành âm nhạc và nhảy múa. Riêng với hội họa thì khác...

Em: Thời xưa đó đã có họa sĩ ạ?

Cô giáo: Ý cô muốn phân biệt điều này: âm nhạc và nhảy múa thì mọi người cùng tạo ra. Riêng hội họa thì chỉ có một cá nhân làm. Không thể vẽ tập thể được. Đúng thế không?

Em: Em nghĩ là em khó bắt bẻ được ý cô. Nhưng...

Cô giáo:... Nhưng gì nào? Bây giờ em và các bạn cùng suy nghĩ tiếp về cách làm việc của người họa sĩ từ xưa từ xưa.

Việc 2 – Thảo luận và sơ kết

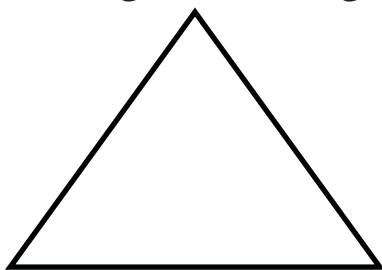
Có thể tóm tắt nội dung Đoạn 2 cuộc trò chuyện giữa cô giáo và học sinh như sau không:

Người họa sĩ đầu tiên thời xa xưa
là người đầu tiên thích tạo ra cái đẹp nghệ thuật theo lối
LÀM VIỆC MỘT MÌNH.

Với âm nhạc và nhảy múa
cả cộng đồng có thể cùng chung vui
nhưng không cộng đồng nào cùng vẽ một bức tranh.

Vẽ không phải là nghịch bằng các màu và các nét vẽ.
Vẽ là biểu đạt một suy nghĩ.

Nghĩ gì khi vẽ?
(a) Nghĩ hào hùng



(b) Nghĩ bi tráng

(c) Nghĩ hy vọng

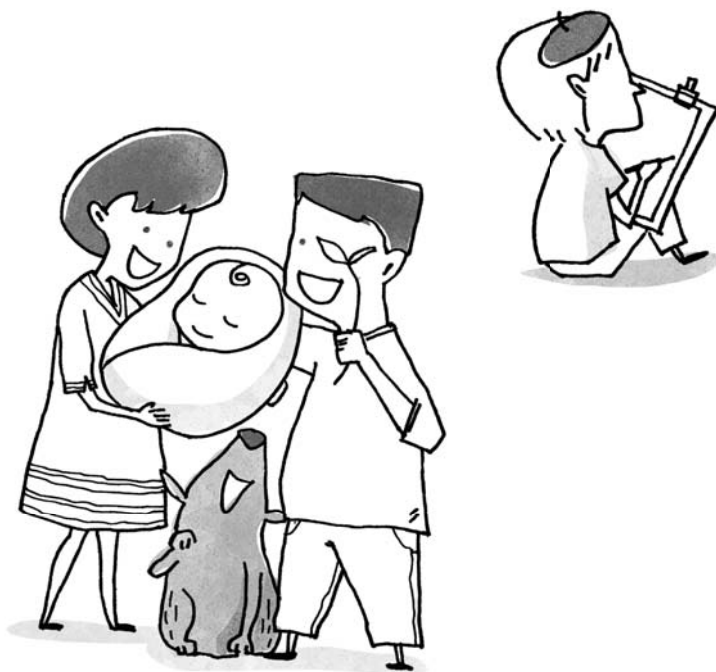
LUYỆN TẬP NGHỆ THUẬT TẠO HÌNH

Sống lại tâm trạng người họa sĩ thời xa xưa

1. Từng em lấy giấy bút vẽ lại một hình trong hang động.
Lưu ý: Trong khi vẽ, em hình dung ngoài cửa hang bà con đang nhảy múa, hò hét, ai ai cũng thấy mình no nê, sung sướng.
Vẽ xong, em viết một lời đề tặng ngắn bức tranh đó cho một người mà em muốn tặng (Người được em nhớ đến và đề tặng có thể là người đời xưa, cũng có thể là người thời nay, thậm chí người trùng tên với bạn em hoặc cô giáo của em!).
2. Từng em lấy đất sét nặn một hình như hình vẽ trong hang động. Trong khi nặn, em hình dung ngoài cửa hang bà con đang nhảy múa vui vẻ, sung sướng hết cỡ.
Các hình con vật săn bắt được mà các em đã nặn sẽ đem bày trong lớp. Hãy tìm cách gì để không tốn chỗ mà vẫn triển lãm đủ các tác phẩm do các em nặn ra (Gợi ý: bậu cửa sổ, làm giá treo trên tường...).



3. Làm việc theo nhóm năm em. Các em có nhiệm vụ dựng lại khu vực người xưa đã ở gồm có: cái hang, bãi đất trống trước hang để cùng nhảy múa đốt lửa vui chung, khu vực nhốt những con vật săn bắt được để ăn dần (về sau vô tình thành trại nuôi súc vật), khu vực chôn người chết, khu vực rừng cây săn bắt xung quanh... và bắt đầu có một hai cái lều cho những người thích ở ngoài không thích ở trong hang nữa! Các em cùng nhau làm một sa bàn khu vực có các cảnh vật đã nói.



Các em tổ chức triển lãm *Ngôi nhà chung khi xưa* với những hình ảnh vui và buồn, với những cảnh được người họa sĩ ghi lại rồi vô tình đã kéo dài được trí nhớ của con người...

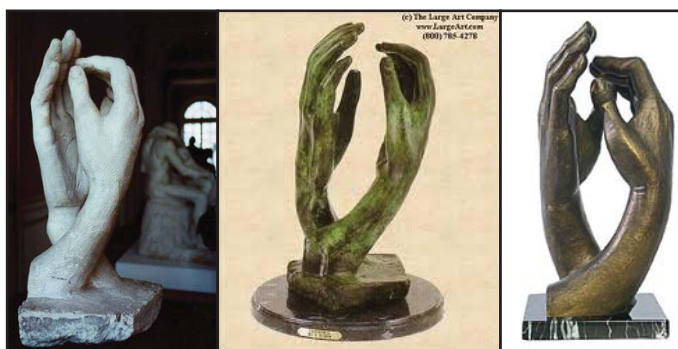
Gợi ý: Nhân dịp cô giáo cho đi cắm trại ngoài trời, có thể đề nghị cô cho xây dựng *Ngôi nhà chung khi xưa*.

NGHỆ SĨ TẠO HÌNH HIỆN ĐẠI

Các em ngắm nhìn những hình dưới đây là tác phẩm của nhà tạc tượng hiện đại Auguste Rodin. Có phải chỗ khác nhau giữa Rodin và các nghệ sĩ vô danh trong hang động là ở điểm này không:

Người xưa: vẽ những điều cụ thể – không cần nghĩ đến sắp xếp – bố cục.

Người nay: vẽ những điều tượng trưng – rất chú trọng đến sắp xếp – bố cục.



Những tượng Bàn tay khác nhau của Auguste Rodin



Tượng “Người suy tưởng” của Auguste Rodin

NGHỆ SĨ TẠO HÌNH HIỆN ĐẠI

Đọc thầm

Khoảnh khắc và bất tử

Nhà điêu khắc Auguste Rodin có cụm tượng “Thị dân thành Calais”. Nhà thơ Đức Rainer Maria Rilke giới thiệu tác phẩm đó như một mẫu mực Rodin, làm cho khoảnh khắc trở thành bất diệt.

Câu chuyện được ghi lại sơ sài bởi một người chép sử nghiệp dư tên là Froissart. Năm 1347, vua Edouard III nước Anh bao vây thành Calais, tức tối không hiểu sao dân không sợ chết đói, dám chống cự đến cùng. Rồi ông vua này quyết định khoan hồng cho Calais, nhưng với điều kiện sáu người quyền quý nhất phải tự nộp mạng để nhà vua muốn làm gì thì làm. Sáu người này phải ra khỏi thành, đầu để trần, mặc áo sơ mi, cổ quấn một vòng dây, tay mang chìa khoá thành Calais...



“Thị dân thành Calais” – Auguste Rodin

Người chép sử nghiệp dư kể rằng sáu người đã tự nguyện nhận trách nhiệm đi vào cối chết. Người chép sử run tay ghi lại những tiếng la hét, những giọt nước mắt. Rồi ông trấn tĩnh ghi tên mấy đại biểu kia. Nhưng chỉ ghi được tên bốn người, còn hai người lại quên mất. Và cũng ghi sơ sài, người thứ nhất giàu nhất Calais, người thứ hai gia sản đồ sộ và hai con gái xinh đẹp, người thứ ba gia tài bố mẹ để lại rất lớn, người thứ tư là em trai của người thứ ba... Nhà chép sử nói họ cởi bỏ hết áo ấm chỉ mặc một áo sơ mi, cổ quấn dây, tay mang chìa khóa... Họ đến chỗ vua Anh, vị vua này đối đãi cực kỳ tàn bạo, nhưng cuối cùng do vợ vua sắp đến kỳ sinh nở đã xin gia ân cho họ...

Bản ghi của nhà chép sử nghiệp dư dừng lại ở đó. Nhưng nó đã gợi hứng sáng tác cho Rodin, vì nhà tạc tượng vĩ đại đã nhận thấy trong câu chuyện kia một khoảnh khắc bất tử...

(Phạm Toàn kể theo tài liệu của Bảo tàng Rodin)

Luyện tập

1. Em đặt tên khác cho cụm tượng *Thị dân thành Calais*. Nếu có thể, em vui lòng giải thích vì sao em đặt tên đó.
2. Các em cùng nhau dựng kịch dạng sắp đặt cho câu chuyện *Thị dân thành Calais*. Gợi ý các việc:

Người kể chuyện nói lời dẫn:

Cảnh 1: Vua Anh ra lệnh cho dân thành Calais đầu hàng.

Cảnh 2: Vợ vua Anh (đang mang thai) van xin chồng tha cho những người tự nộp mạng.

Cảnh 3: Sáu thị dân đáng kính của thành Calais đến gặp vua Anh xin quân Anh ngừng bao vây thành phố để cứu dân khỏi chết đói.

Người kể chuyện: nói lời kết thúc.

NGHỆ SĨ TẠO HÌNH HIỆN ĐẠI (tiếp)

Viết bài

Mời các em chọn một đề tài để viết bài:

Đề tài 1:

Trong vai trò tưởng tượng của người chép sử nghiệp dư, em gặp nhà điêu khắc Rodin, em kể lại cho Rodin nghe câu chuyện “Thị dân thành Calais”... Sau đó, em quan sát Rodin nặn tượng... Hai người bàn nhau các cách đặt tên cho nhóm tượng.

Đề tài 2:

Trong vai trò tưởng tượng của chính một người thị dân thành Calais, em xung phong đi chết thay cho toàn thành phố. Nhưng em được vua nước Anh tha. Em trở về kể lại câu chuyện và tâm trạng em cho nhà điêu khắc Rodin nghe. Em giúp Rodin hoàn thành nhóm tượng và cùng bàn nhau đặt tên cho tác phẩm đó.

Đề tài 3:

Trong vai trò của chính em bây giờ – một học sinh lớp Năm với những am hiểu và đam mê nghệ thuật – em viết một bài văn giới thiệu một tác phẩm do em chọn:

- Một bức tranh hang động.
- Một họa tiết trên trống đồng Đông Sơn.
- Bức tượng *Người suy tưởng* của Rodin.

LIÊN HOAN NGHỆ THUẬT LÀM VÀ CHƠI ĐÈN KÉO QUÂN

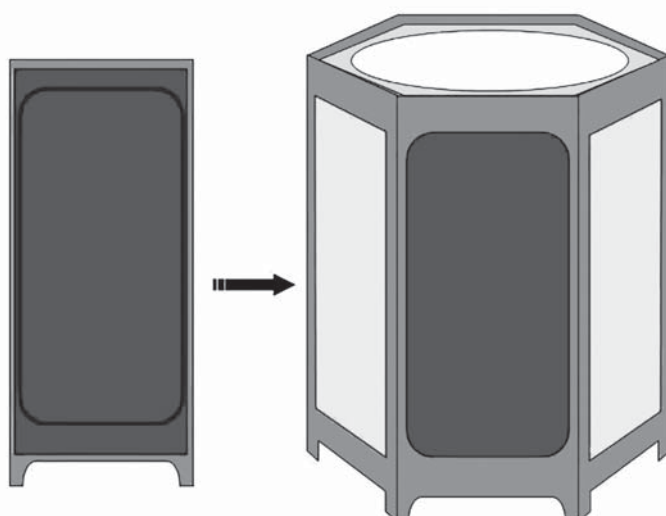
1. Mục đích

Làm và chơi đèn kéo quân do chính bàn tay học sinh lớp Năm chúng ta làm ra là điều rất có ý nghĩa:

- Tự tay ta làm ra sản phẩm mang cái Đẹp nghệ thuật;
- Đèn kéo quân là hồn dân tộc cho trẻ em Việt Nam;
- Không xin tiền phí phạm vào đồ chơi kém giá trị nghệ thuật và đôi khi rất thiếu tính giáo dục.
- Chúng ta là học sinh lớp Năm! Làm và chơi đèn kéo quân với các em nhỏ trong trường là niềm vui và trách nhiệm của chúng ta – các anh các chị lớp Năm!

2. Tổ chức làm đèn

Khung đèn hết sức đơn giản:





Đèn sau khi hoàn thành có dáng như thế này. Khi chưa làm được các nhân vật biết cử động, thì cứ làm được như hình trên đây cũng đã đủ vui rồi!

3. Vui chơi

Làm xong đèn kéo quân, có cần phải bày cho học sinh lớp Năm cách tổ chức vui chơi nữa không nhỉ?



Các em thân mến,

Các em đã học xong ba bài về những
loại hình nghệ thuật không cần đến lời nói.

Mời các em học tiếp sang các
loại hình nghệ thuật biểu đạt bằng lời.

Bài 4

HOẠT ĐỘNG NGHỆ THUẬT

Cách thể hiện tình cảm bằng NGHỆ THUẬT TRỮ TÌNH

TIẾNG NÓI TRỮ TÌNH

Các em thân mến,

Các em đã học thơ trữ tình chưa? Học từ lớp mấy? Em nhớ được bài thơ nào? Của tác giả nào?

Tại sao hôm nay lại học *tiếng nói trữ tình*?

Đó là vì các em đã là học sinh lớp Năm, học sinh lớp cuối bậc Tiểu học! Các em cần gói ghém hành trang nghệ thuật để dư sức học lên lớp trên.

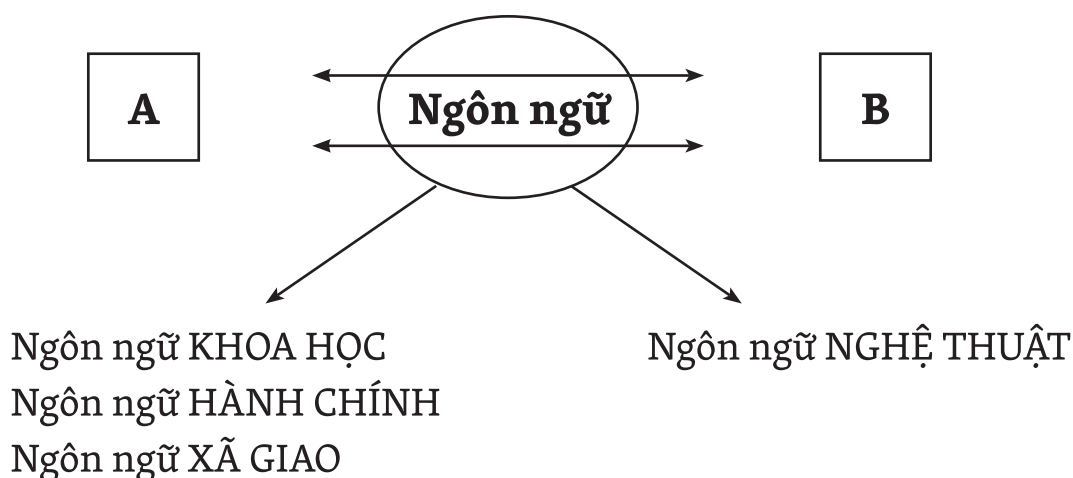
Các em có thể làm việc một mình hoặc làm việc theo nhóm.

Các em tự trả lời các câu hỏi để tự chọn bộ hành trang thích hợp cho mình.

Câu hỏi 1: Sơ đồ gì đây?

Em đặt tên cho sơ đồ và dùng ví dụ để giải thích sơ đồ sau

Em đặt tên sơ đồ:



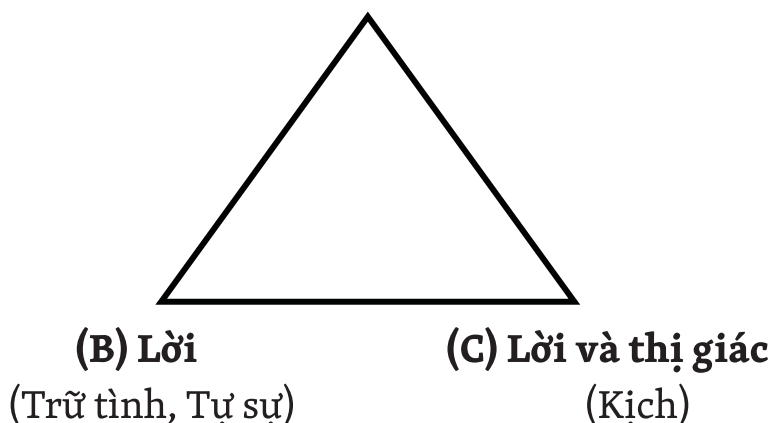
Câu hỏi 2: Sơ đồ gì nữa đây?

Em đặt tên cho sơ đồ và dùng ví dụ để giải thích sơ đồ sau:

Em đặt tên sơ đồ:

(A) Cơ thể - Thị giác - Thính giác

(Hát, nhảy múa, tạo hình)



Câu hỏi 3: Sơ đồ gì nữa đây?

Em đặt tên cho sơ đồ và dùng ví dụ để giải thích sơ đồ sau

Em đặt tên sơ đồ:

(A) MÚA-HÁT-VẼ

- Công kênh
- Khó di chuyển
- Vật liệu tốn kém
- Dễ bị mai một

(B) LỜI THƠ - LỜI KỂ

- Nhẹ nhàng
- Đi liền theo người
- Vật liệu không mất tiền
- Truyền đời được

TIẾNG NÓI TRỮ TÌNH

Gốc của cách biểu đạt tình tế

Các em tự trả lời ngắn gọn để có thể tự ghi vào vở hoặc vào SỔ TAY HỌC VẤN:

1. Em nhớ lại và kể ra một vài lời thơ lục bát một người mẹ thường hát để ru con ngủ. Sau khi đứa con nhỏ đã ngủ ngon rồi, người mẹ vẫn tiếp tục hát bài ru con đó, có khi còn hát sang cả những bài khác nữa.

Em trả lời: khi tiếp tục hát ru lúc con đã ngủ, người mẹ nói với mình điều gì gửi trong lời hát ru?

2. Một bé gái ru em khi mẹ đi vắng. Dĩ nhiên bé gái đó chưa có con. Nhưng bé gái vẫn dùng những lời lẽ bài hát ru như thể đang trò chuyện, tâm sự với con của chính mình.

Em trả lời: khi một bé gái ru em, tuy chưa có con nhưng đã yêu thích và thuộc để dùng được lời ru của người mẹ, điều đó cho thấy thơ trữ tình có ý nghĩa gì?

3. Ban đầu, người làm thơ trữ tình tự nói với mình, tự mình tâm sự với mình, tự nói những điều thầm kín với chính mình. Ban đầu là như vậy, nhưng có khi nào người làm thơ trữ tình muốn nói với người khác?

Em trả lời: khi nào thì người làm thơ trữ tình muốn gửi tâm sự với người khác, muốn nói những điều thầm kín với người khác?

TIẾNG NÓI TRỮ TÌNH TRONG CA DAO

Việc 1 – Đọc thầm

Trâu ơi ta bảo trâu này,
Trâu ra ngoài ruộng trâu cày với ta.
Cấy cày vốn nghiệp nông gia,
Ta đây trâu đấy ai mà quản công.
Bao giờ cây lúa có bông,
Thời còn ngọn cỏ ngoài đồng trâu ăn.

(Ca dao Việt Nam)

Việc 2 – Luyện tập

1. Giống như đã gặp ở lời hát ru, em có thấy ở bài ca dao này lời người nông dân nói với con trâu không? Đó là lời của ai nói với ai qua cái cố là con trâu?
2. Em cảm nhận tình cảm người làm ra bài ca dao này thế nào? Em đặt tên cho bài ca dao này để nói được tình cảm đó của tác giả.
3. Em có thể tìm được tên họ, quê quán, tuổi tác... của người làm bài ca dao này không? Tại sao không thể biết ai là tác giả ca dao, tục ngữ, cổ tích, và tác giả tranh hang động...?
4. Tranh làng Hồ (Đông Hồ) có là sản phẩm văn hóa nghệ thuật dân gian không? Tại sao em biết?



“Lợn đàn” – Tranh dân gian Đông Hồ

TIẾNG NÓI TRỮ TÌNH TRONG CA DAO

Tự luyện tập thêm

Các em thi nhau học thuộc các bài ca dao sau. Với mỗi bài, các em nghĩ thêm một câu tâm sự của người “tác giả không tên” (vô danh) đã gửi gắm trong bài ca dao đó.

Cày đồng đang buổi ban trưa,
Mồ hôi thánh thót như mưa ruộng cày.
Ai ơi bưng bát cơm đầy,
Dẻo thơm một hạt đắng cay muôn phần.

Người ta đi cấy lấy công,
Tôi nay đi cấy còn trông nhiều bề.
Trông trời, trông đất, trông mây,
Trông mưa, trông nắng, trông ngày, trông đêm.
Trông cho chân cứng đá mềm,
Trời yên biển lặng mới yên tấm lòng.

Ngang lưng thì thắt bao vàng,
Đầu đội nón dẫu, vai mang súng dài.
Một tay thì cầm hỏa mai,
Một tay cầm giáo quan sai xuống thuyền.
Thùng thùng trống đánh ngũ liên,
Bước chân xuống thuyền nước mắt như mưa.

Con cò mà đi ăn đêm,
Đậu phải cành mềm lộn cổ xuống ao.
Ông ơi ông vớt tôi nao,
Tôi có lòng nào, ông hãy xáo măng.
Có xáo, thì xáo nước trong,
Đừng xáo nước đục, đau lòng cò con.

Đêm khuya ra đứng bờ ao,
Trông cá cá lặn, trông sao sao mờ.
Buồn trông con nhện giăng tơ,
Nhện ơi, nhện hỡi, nhện chờ mối ai.

Ai về em gửi bức thơ,
Hỏi người bạn cũ bây giờ nơi nao.
Non kia ai đắp mà cao,
Sông kia, biển nọ ai đào mà sâu.

Anh đi, em ở lại nhà
Hai vai gánh vác mẹ già, con thơ
Lầm than bao quản muối dưa
Anh đi, anh liệu chen đua với đời.

Bao giờ cho đến tháng Mười,
Thối nổi cơm nếp vừa cười vừa ăn.
Bao giờ cho đến tháng Năm,
Thối nổi cơm nếp vừa ăn vừa cười.

Đố ai biết lúa mấy cây,
Biết sông mấy khúc, biết mây mấy tầng.
Đố ai quét sạch lá rừng,
Để ta khuyen gió, gió đừng rung cây.
Rung cây, rung cối, rung cành,
Rung sao cho chuyển lòng anh với nàng.

Đôi ta chẳng được sum vầy,
Khác nào cánh nhạn lạc bầy kêu sương.
Vì sương nên núi bạc đầu,
Cành lay bởi gió hoa sầu vì mưa.



TIẾNG NÓI TRỮ TÌNH TRONG THƠ CỔ ĐIỂN

Bài luyện tập mẫu

Thăng Long thành hoài cổ

Tạo hóa gây chi cuộc hí trường,
Đến nay thấm thoát mấy tinh sương.
Dấu xưa xe ngựa hồn thu thảo,
Nền cũ lâu đài bóng tịch dương.
Đá vẫn trơ gan cùng tuế nguyệt,
Nước còn cau mặt với tang thương.
Ngàn năm gương cũ soi kim cổ,
Cảnh đấy người đây luống đoạn trường.

(Bà Huyện Thanh Quan)

Việc 1 – Hiểu từ ngữ (nghĩa đen)

- Những cách diễn đạt bằng từ Hán-Việt: Thăng Long thành – hoài cổ – tạo hóa – hí trường – thu thảo – tịch dương – tuế nguyệt – tang thương – kim cổ – đoạn trường.
- Những cách diễn đạt bằng tiếng Việt cổ hoặc bằng những từ thuần Việt khó hiểu: gây chi – thấm thoát – tinh sương – dấu xưa – xe ngựa – trơ gan – luống.

Việc 2 – Hiểu tâm trạng

- Tại sao nhà thơ lại hoài cổ trước cảnh thành Thăng Long không còn như xưa?
- Tại sao lại có cảnh đấy người đây khiến con người tác giả tưởng như đứt ruột?

Việc 3 – Tự cảm nhận

Em nhớ lại những công việc phải làm khi gặp thơ trữ tình kiểu tám câu bảy tiếng:

- a. Em tìm tứ thơ của bài thơ. Em tưởng tượng em là nhà thơ, cảm nhận việc em thấy tứ thơ xuất hiện trong lòng và biến thành lời.

Nhắc em: tìm ở phần ĐỀ trong thơ trữ tình kiểu tám câu bảy tiếng.

- b. Em tìm sự phát triển tứ thơ thành toàn bộ ý thơ.

Nhắc em: tìm ở phần THỰC, LUẬN trong thơ trữ tình kiểu tám câu bảy tiếng. Em cần liên tưởng tới nhiều kỷ niệm của tác giả trước con đường rêu phủ, không còn ngựa xe tấp nập, trước những nền lâu đài bị kiêu binh phá tan, trước sự vắng lặng ở nơi trước đây tác giả từng có rất nhiều bạn văn chương...

- c. Em nói thật ngắn phần KẾT hộ nhà thơ:

- Một đêm trăng ngồi uống trà... một sớm mai ra vườn ngắm nhìn những giọt sương mai... một buổi đón tiếp các nhà quý tộc...
- Em nói hộ nhà thơ một điều với bóng mặt trời chiều rọi nhàn nhạt lên những đồ nát ở kinh thành Thăng Long.
- Em là nhà thơ, em đứng trước núi đá và hồ nước trong Hoàng thành, em đặt những câu hỏi tại sao cho những vật vô tri không biết trả lời đó.

TIẾNG NÓI TRỮ TÌNH TRONG THƠ CỔ ĐIỂN

Cuốc kêu cảm hứng

Khắc khoải sầu đưa giọng lững lơ,
 Ấy hồn Thục Đế thác bao giờ.
 Năm canh máu chảy đêm hè vắng,
 Sáu khắc hồn tan bóng nguyệt mờ.
 Có phải tiếc xuân mà đứng gọi,
 Hay là nhớ nước vẫn nằm mơ?
 Thâu đêm rông rã kêu ai đó?
 Giục khách giang hồ dạ ngẩn ngơ.

(Nguyễn Khuyến)

Việc 1 – Hiểu từ ngữ (nghĩa đen)

- Các em tự trả lời vì đã học: hồn Thục Đế liên quan đến điển tích gì?
- Giúp các em giải nghĩa: đêm năm canh và ngày sáu khắc.

Ngày xưa tính giờ một đêm là năm canh trong đó canh một là giờ Tuất (bắt đầu lúc 7 giờ tối), canh ba là giờ Tý (giữa đêm) và canh năm là giờ Dần (kết thúc lúc 5 giờ sáng). Ca dao kể về người phụ nữ *Canh 1 dọn cửa dọn nhà, canh hai dệt cửi, canh ba đi nằm...*

Ngày xưa tính giờ một ngày là sáu khắc trong đó lúc chính Ngọ là giữa trưa.

Việc 2 – Hiểu tâm trạng

Em đoán tâm trạng Nguyễn Khuyến qua hai câu thơ này:

Thâu đêm rông rã kêu ai đó?
 Giục khách giang hồ dạ ngẩn ngơ.

Việc 3 – Tự cảm nhận

Em đặt lại tên cho bài thơ và ghi lại hai câu thơ em thấy nhớ hơn cả.

TIẾNG NÓI TRỮ TÌNH TRONG THƠ CỔ ĐIỂN

Chốn quê

Năm nay cày cấy vẫn chân thua,
 Chiêm mất đặng chiêm mùa mất mùa.
 Phần thuế quan Tây, phần trả nợ,
 Nửa công đứa ở, nửa thuê bò.
 Sớm trưa dưa muối cho qua bữa,
 Chợ búa trâu chè chẳng dám mua.
 Tàn tiện thế mà sao chẳng khá?
 Nhờ trời rồi cũng mấy gian kho!

(Nguyễn Khuyến)

Việc 1 – Hiểu từ ngữ (nghĩa đen)

Các em cùng nhau nói thành câu để tìm nghĩa đen của:

Chốn quê (so sánh để tìm nghĩa chốn thị thành, chốn sơn lâm, chốn tu hành, chốn quan trường...)

Em còn nhớ câu này không: *kể chốn Chương đài người lữ thứ...*

Phần thuế quan Tây là sao? Nhà thơ Nguyễn Khuyến sống thời nào mà có chuyện quan Tây?

Việc 2 – Hiểu tâm trạng

Bài thơ nói chuyện không vui nhưng không dùng giọng buồn bã, bi thảm... Em có nhận thấy tiếng nói trữ tình ở bài *Chốn quê* vẫn có nét cười cợt, vui vui...? Đố biết hai câu nào cố ý làm rõ chất vui vui, cười cợt của bài thơ trữ tình? Các em thi nhau đọc toàn bài thơ theo giọng cười cợt, vui vui đi.

Việc 3 – Tự cảm nhận

Em đặt lại tên khác cho bài thơ.

Em ghi lại hai câu thơ trong bài em thích hơn cả.

TIẾNG NÓI TRỮ TÌNH TRONG THƠ CỔ ĐIỂN

Hội Tây

Kìa hội thăng bình tiếng pháo reo,
 Bao nhiêu cờ kéo với đèn treo!
 Bà quan tênh nghếch xem bơi trái,
 Thằng bé lom khom ghé hát chèo.
 Cây sức, cây đu nhiều chị nhún,
 Tham tiền, cột mỡ lắm anh leo.
 Khen ai khéo vẽ trò vui thế,
 Vui thế bao nhiêu, nhục bấy nhiêu!

(Nguyễn Khuyến)

Việc 1 – Hiểu từ ngữ (nghĩa đen)

Các em cùng nhau tìm và mô tả những trò vui được tổ chức nhân ngày Hội Tây (Ngày 14 tháng 7 hằng năm là ngày Quốc khánh nước Pháp, khi tổ chức ở thuộc địa Việt Nam, dân ta gọi tên ngày đó là “Hội Tây”).

Việc 2 – Hiểu tâm trạng

Các em tìm những lời lẽ dùng trong bài thơ cho thấy nhà thơ rất ghét ngày “Hội Tây” nhục nhã, nô lệ.

Những lời lẽ nào trong bài thơ cho thấy nhà thơ tỏ vẻ buồn trước trình độ dân trí thấp của người Việt Nam khi xem “Hội Tây”.

Việc 3 – Tự cảm nhận

1. Tiếng nói trữ tình ngoài giọng mơ mộng lãng mạn, ngoài giọng điệu sang trọng, còn có cả giọng giễu cợt, quẻ mùa, châm chọc, em có nhận thấy thế không?
2. Em tự làm tư liệu, ghi lại vài nét về cuộc đời nhà thơ Nguyễn Khuyến.

TIẾNG NÓI TRỮ TÌNH CẢM KHÁI

Thà đui

Thà đui mà giữ đạo nhà
 Còn hơn có mắt ông cha không thờ
 Thà đui mà khỏi danh nhơ
 Còn hơn có mắt ăn dơ tanh rình
 Thà đui mà đừng trợn mình
 Còn hơn có mắt đổi hình tóc râu
 Sáng chi theo thói tha cầu
 Dọc ngang chẳng đoái trên đầu có ai
 Sáng chi đắm sắc tham tài
 Lung lòng nhân dục mang tai họa trời
 Sáng chi sàm nịnh theo đòi
 Nay vinh mai nhục mang lời thị phi
 Sáng chi nhân nghĩa bỏ đi
 Thảo ngay chẳng biết, lỗi nghi thiên luân
 Thấy rồi muôn việc trong trần
 Xin còn hai chữ “tâm thần” ở ta.

(Nguyễn Đình Chiểu)

Việc 1 – Hiểu từ ngữ (nghĩa đen)

Đọc thầm:

Nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu sinh ra ở tỉnh Bến Tre. Ông sống trong thời gian nước Việt Nam ta dần dần rơi vào tay thực dân Pháp. Ông cũng được chứng kiến cuộc nổi dậy của Lê Văn Khôi (con của Tả quân Lê Văn Duyệt). Ông còn được mời viết văn tế những chiến sĩ nông dân nổi dậy bị giết ở trận Cần Giuộc.

Bài thơ *Thà đui* là một trích đoạn trong truyện thơ *Ngư tiều y thuật vấn đáp*, (nghĩa đen là “Hỏi và Đáp giữa ông thầy thuốc và ông hái củi rừng) nói tâm sự của Thầy thuốc Nhân Sư (nhân vật trong truyện), qua đó Nguyễn Đình Chiểu gửi tâm sự của chính mình trong nhân vật này. Đây là một trích đoạn nhưng có thể coi như một bài thơ riêng biệt về cách sống làm người.

Bài thơ *Thà đui* có giọng cảm khái của người bị mù mắt vì khóc thương mẹ chết khi ở xa không về kịp và cả vì gia đình tan nát... Trong bài thơ có nhiều từ dùng theo lối cổ, các em cần biết.

Đui: mù.

Đạo nhà: đạo thờ kính tổ tiên, ông bà cha mẹ. “Đạo” là “con đường đi”, mang nghĩa như là một tôn giáo (đạo Phật, đạo Khổng, đạo Công giáo, v.v...). Nguyễn Đình Chiểu chủ trương đạo nhà.

Nhờ (bần), dơ (bần) như nghĩa “nhờ nhuốc”, “dơ dáy”.

(Thói) **tha cầu:** thói xấu thích riêng rẽ, ích kỷ.

Đắm sắc tham tài: mê đắm sắc đẹp và tham chuyện tiền tài.

Sàm nịnh: “sàm” có nghĩa là “không chính đáng” (nịnh nọt, bợ đỡ những thứ không chính danh, thì chẳng những nay vinh mai nhục (không bền) mà lại còn bị mang lời thị phi nữa.

Việc 2 – Hiểu tâm trạng

Em viết một câu nhận xét tâm trạng nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu qua đoạn thơ trích *Thà đui*.

Việc 3 – Tự cảm nhận

Em có cho rằng những lời khuyên của nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu trong đoạn thơ này sẽ được tất cả mọi người theo được hay không? Tại sao theo được hoặc không theo được?

TIẾNG NÓI TRỮ TÌNH CẢM KHÁI

Đêm rằm tháng 11 năm Tân Dậu (tức ngày 16 tháng 12 năm 1861), những nghĩa sĩ vốn là nông dân, vì quá căm phẫn kẻ ngoại xâm, đã bất ngờ đánh vào đồn Pháp ở Cần Giuộc, tiêu diệt được một số quân của đối phương và viên tri huyện người Việt đang làm cho Pháp. Khoảng mười lăm nghĩa sĩ đã bỏ mình. Những tấm gương đó đã gây nên niềm xúc động lớn trong nhân dân. Theo yêu cầu của Tuần phủ Gia Định là Đỗ Quang, nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu làm bài “Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc”, để đọc tại buổi truy điệu các nghĩa sĩ đã hy sinh trong trận đánh này.

Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc

Hỡi ôi!

Súng giặc đất rền; lòng dân trời tỏ.

Mười năm công võ ruộng chưa ắt còn danh nổi như phao; một trận nghĩa đánh Tây tuy là mất tiếng vang như mõ.

Nhớ linh xưa:

Cui cút làm ăn, toan lo nghèo khó.

Chưa quen cung ngựa đâu tới trường nhung; chỉ biết ruộng trâu ở trong làng bộ.

Việc cuốc, việc cày, việc bừa, việc cấy, tay vốn quen làm; tập khiên, tập súng, tập mác, tập cờ mắt chưa từng ngó.

Tiếng phong hạc phập phồng hơn mười tháng, trông tin quan như trời hạn trông mưa; mùi tinh chiên vấy vá đã ba năm, ghét thói mọi như nhà nông ghét cỏ.

Bữa thấy bông bong che trắng lớp, muốn tới ăn gan; ngày xem ống khói chạy đen sì, muốn ra cắn cổ.

Một mối xa thư đồ sộ, há để ai chém rắn đuổi hươu; hai vầng nhật nguyệt chói lòa, đâu dung lũ treo dê bán chó.

Nào đợi ai đòi ai bắt, phen này xin ra sức đoạn kình; chẳng thèm trốn ngược trốn xuôi, chuyến này dốc ra tay bộ hổ.

Khá thương thay!

Vốn chẳng phải quân cơ, quân vệ, theo dòng ở lính diễn binh; chẳng qua là dân ấp dân lân, mến nghĩa làm quân chiêu mộ.

Mười tám ban võ nghệ, nào đợi tập rèn; chín chục trận binh thư, không chờ bày bố.

Ngoài cật có một manh áo vải, nào đợi mang bao tấu, bầu ngòi; trong tay cầm một ngọn tầm vông, chi nài sắm dao tu, nón gõ.

Hỏa mai đánh bằng rơm con cúi, cũng đốt xong nhà dạy đạo kia; gươm đeo dùng bằng lưỡi dao phay, cũng chém rớt đầu quan hai nọ.

Chi nhọc quan quân giống trống kỳ trống giục, đạp rào lướt tới, coi giặc cũng như không; nào sợ thằng Tây bắn đạn nhỏ, đạn to, xô cửa xông vào, liều mình như chẳng có.

Kẻ đâm ngang, người chém ngược, làm cho mã tà, ma ní hồn kinh; bọn hè trước, lũ ó sau, trối kệ tàu sắt, tàu đồng súng nổ.



Quân Pháp đánh chiếm thành Sài Gòn – Gia Định (Nguồn: Internet)

Ôi!

Những lăm lòng nghĩa lâu dùng; đâu biết xác phàm vội bỏ.

Một chắc sa trường rằng chữ hạnh, nào hay da ngựa bọc thây; trăm năm âm phủ ấy chữ quy, nào đợi gương hùm treo mộ.

Đoái sông Cần Giuộc, cỏ cây mấy dặm sâu giăng; nhìn chợ Trường Bình, già trẻ hai hàng lụy nhỏ.

Chẳng phải án cướp, án gian đầy tới, mà vi binh đánh giặc cho cam tâm; vốn không giữ thành, giữ lũy bỏ đi, mà hiệu lực theo quân cho đáng số.

Nhưng nghĩ rằng:

Tắc đắc ngọn rau ớn chúa, tài bồi cho nước nhà ta; bát cơm manh áo ở đời, mắc mớ chi ông cha nó?

Vì ai khiến quan quân khó nhọc, ăn tuyết nằm sương? Vì ai xui đồn lũy tan tành, xiêu mưa ngã gió?

Sống làm chi theo quân tà đạo, quăng vùa hương, xô bàn độc, thấy lại thêm buồn; sống làm chi ở lính mã tà, chia rượu ngọt, gặm bánh mì, nghe càng thêm hổ.

Thà thác mà đặng câu địch khái, về theo tổ phụ cũng vinh; hơn còn mà chịu chữ đầu Tây, ở với man di rất khổ.

Ôi thôi thôi!

Chùa Tân Thạnh năm canh ửng đóng lạnh, tấm lòng son gửi lại bóng trăng rằm; đồn Lang Sa một khắc đặng trả hồn, túi phận bạc trôi theo dòng nước đổ.

Đau đớn bấy! Mẹ già ngồi khóc trẻ, ngọn đèn khuya leo lét trong lều, não nùng thay, vợ yếu chạy tìm chồng, cơn bóng xế dật dờ trước ngõ.

Ôi!

Một trận khói tan; nghìn năm tiết rở.

Binh tướng nó hãy đóng sông Bến Nghé, ai làm nên bốn phía mây đen, ông cha ta còn ở đất Đồng Nai, ai cứu đặng một phường con đỏ.

*Thác mà trả nước non rồi nợ, danh thơm đồn sáu tỉnh chúng đều khen;
thác mà ưng đình miếu để thờ, tiếng ngay trải muôn đời ai cũng mộ.*

*Sống đánh giặc, thác cũng đánh giặc, linh hồn theo giúp cơ binh
muôn kiếp nguyện được trả thù kia; sống thờ vua, thác cũng thờ vua, lời
dụ dạy đã rành rành, một chữ ám đủ đền công đó.*

*Nước mắt anh hùng lau chẳng ráo, thương vì hai chữ thiên dân;
cây nhang nghĩa sĩ thắp thêm thơm, cảm bởi một câu vương thổ.*

Hỡi ơi thương thay!

Có linh xin hưởng.

Việc 1 – Hiểu từ ngữ (nghĩa đen)

Trích từ Wikipedia để giúp các em tập tra cứu khi đọc:

1. **Nghĩa sĩ:** Người có hi sinh làm việc nghĩa như cứu người, cứu nước. **Cần Giuộc:** quận Cần Giuộc, nay thuộc tỉnh Long An.
2. **Cui cút làm ăn:** có nghĩa là làm ăn thâm lặng tội nghiệp.
3. **Trường nhung:** Chỗ đánh nhau (ngoài mặt trận).
4. **Làng bộ:** Làng xóm.
5. **Khiên:** Thứ đồ che chắn hình tròn đan bằng mây dùng để đỡ mũi giáo đối phương lúc xung trận.
6. **Tiếng phong hạc:** Lấy điển tích ở câu “phong thanh hạc lệ, thảo mộc giai bình”, nghĩa gốc là nói sự hồi hộp lo lắng, nghe tiếng gió thổi hạc kêu, thấy cây cỏ cũng tưởng là giặc đuổi đánh. Ở đây, “tiếng phong hạc” có nghĩa là có tin kẻ địch kéo đến.
7. **Mùi tinh chiên:** Tanh hôi, chỉ bọn thực dân Pháp.
8. **Vấy vá:** Dây dính.
9. **Bòng bong:** Giống cây dây leo có nhiều tay leo. Ở đây chỉ những lều và buồm vải có nhiều dây của quân Pháp.

10. **Xa thư:** Cổ xe và chữ viết, do chữ “xa đồng quỹ, thư đồng văn”, nghĩa là xe cộ cùng một đường (quỹ: dấu xe đi), sách viết cùng một thứ chữ, ý nói sự thống nhất hoàn toàn.
11. **Chém răn đuổi hươu:** (lấy tích Lưu Bang cướp ngôi nhà Tần) đến chiếm cướp. Ý của cả đoạn “Một mối... đuổi hươu” có nghĩa: đất nước ta là một khối thống nhất vĩ đại, không thể nào để kẻ nào đến chiếm cướp.
12. **Đoạn kình:** Chém cá kình.
13. **Bộ hổ:** Bắt hổ.
14. **Quân vệ:** Các loại đơn vị quân đội thời phong kiến.
15. **Theo dòng:** Dòng dõi cha ông.
16. **Diễn binh:** Luyện tập việc binh.
17. **Chiêu mộ:** (chiêu: vờ, mời; mộ: cầu, tìm) tuyển trên cơ sở tự nguyện.
18. **Bao tấu:** Bao đựng kiếm.
19. **Bầu ngòi:** Bầu đựng ngòi thuốc nổ.
20. **Dao tu:** Dao dài lưỡi.
21. **Nón gỗ:** Nón của người lính ngày xưa.
22. **Hỏa mai:** Mồi lửa để bắn súng (ngày xưa).
23. **Mã tà:** Theo tiếng Malaysia có nghĩa là cảnh sát.
24. **Ma ní:** Lính của Tây Ban Nha mộ ở Philippin (Manila: thủ đô Philippin).
- 25 – 26. **Bọn, lũ:** ngày trước chỉ có nghĩa là nhiều người, chưa mang nghĩa coi thường. Ở đây là chỉ các nghĩa sĩ nông dân.
27. **Xác phàm:** Xác của con người trần tục.
28. **Hạnh:** là may, ý nói may được cứu sống. **Quy:** là về, ở đây là chết.
29. **Gươm hùm treo mộ:** Một nghĩa sĩ thời Chiến Quốc không thỏa được chí mình, trước khi chết, dặn con treo gươm trên mộ để tỏ chí khí.

30. **Trường Bình:** Thuộc Cần Giuộc.
31. **Vi binh:** Làm lính.
32. **Hiệu lực:** (hiệu: hết sức) làm hết sức để chuộc tội, hoặc có tội phải đi làm những việc nguy hiểm để chuộc tội.
33. **Tài bồi:** (tài: trồng cây; bồi: vun thêm) vun đắp.
34. **Tà đạo:** Đạo bất chính, ở đây là chỉ đạo Công giáo. Bấy giờ bọn cướp nước lợi dụng đạo Công giáo để chia rẽ nhân dân. Các nghĩa sĩ của ta chưa nhận rõ đâu là kẻ theo địch, đâu là người theo đạo nên chủ trương bài đạo nói chung.
35. **Vua hương:** Bình hương.
36. **Bàn độ:** Bàn thờ tổ tiên.
37. **Địch khải:** Tinh thần chống lại kẻ mình căm giận.
38. **Tổ phụ:** Ở đây chỉ tổ tiên, ông cha nói chung.
39. **Man di:** Mọi rợ, ở đây chỉ bọn giặc Pháp.
40. **Chùa Tân Thạnh:** Một ngôi chùa ở Chợ Lớn.
41. **Ung:** Phải chịu.
42. **Đồn Lang Sa:** Đồn Pháp.
43. **Phận bạc:** Phận mỏng.
44. **Dật dờ:** Vất vơ, vất vưởng.
45. **Con đỏ:** Chữ Hán là “xích tử”, trẻ con mới đẻ còn đỏ hỏn. Nghĩa bóng là nhân dân (cần được chăm sóc như chăm sóc đứa trẻ mới đẻ).
46. **Thiên dân:** Dân của trời.
47. **Vương thổ:** Đất của vua.

Việc 2 – Hiểu tâm trạng

Các em tưởng tượng và kể về cuộc gặp gỡ giữa quan Tổng đốc Đỗ Quang và Nguyễn Đình Chiểu mời viết văn tế các nghĩa sĩ hy sinh trận Cần Giuộc.

Hai người nói với nhau những lời như thế nào để bộc lộ tâm trạng của mình tiếc thương các chiến sĩ Cần Giuộc?

Việc 3 – Tự cảm nhận

Em viết lại cuộc đối thoại giữa Tổng đốc Đỗ Quang và Nguyễn Đình Chiểu chuẩn bị cho lễ truy điệu các chiến sĩ Cần Giuộc.

TIẾNG NÓI TRỮ TÌNH HÀI HƯỚC

Cảm Tết

Anh em đừng nghĩ tết tôi nghèo
 Tiền bạc trong kho chứa lĩnh tiêu.
 Rượu cúc nhẩn đem, hàng biếng quẩy
 Trà sen mượn hỏi, giá còn kiêu.
 Bánh chưng sắp gói, e nôm chảy
 Giò lụa toan làm, sợ nắng thiu.
 Thôi thế thì thôi đành tết khác
 Anh em đừng nghĩ tết tôi nghèo.

(Trần Tế Xương)

Việc 1 – Hiểu từ ngữ (nghĩa đen)

Nhà thơ dùng những hình ảnh gì để tự giễu cảnh Tết nghèo của mình? Tiền gửi ở đâu? Rượu, chè, bánh chưng, giò chả... toàn loại ngon, đã mua đủ chưa?

Việc 2 – Hiểu tâm trạng

Em nghĩ xem: những người trí thức như Trần Tế Xương thời xưa sống bằng nguồn lợi gì? Đây là câu thơ của ai nói về vợ mình:

Quanh năm buôn bán ở mom sông,
 Nuôi đủ năm con với một chồng.
 Lặn lội thân cò khi quãng vắng,
 E sèu mặt nước buổi đò đông.

Việc 3 – Tự cảm nhận

Em viết đoạn văn năm câu (có thể dài hơn) nói về tâm trạng bế tắc của tầng lớp trí thức khi đất nước phải sống cho quen dần với văn hóa Pháp và buộc phải từ bỏ hệ thống nho học vô dụng cũ.

TIẾNG NÓI TRỮ TÌNH HÀI HƯỚC

Chúc Tết

Lẳng lẳng mà nghe nó chúc nhau:
Chúc nhau trăm tuổi bạc đầu râu.
Phen này ông quyết đi buôn cối,
Thiên hạ bao nhiêu đứa già trâu.

Lẳng lẳng mà nghe nó chúc giàu:
Trăm, nghìn, vạn mở để vào đầu?
Phen này, ắt hẳn gà ăn bạc,
Đồng rụng, đồng rơi, lọ phải cầu.

Lẳng lẳng mà nghe nó chúc sang:
Đứa thì mua tước; đứa mua quan.
Phen này ông quyết đi buôn lọng,
Vừa bán vừa la cũng đắt hàng.

Lẳng lẳng mà nghe nó chúc con:
Sinh năm để bầy được vuông tròn.
Phố phường chật hẹp, người đông đúc,
Bồng bế nhau lên nó ở non.

Bắt chước ai ta chúc mấy lời:
Chúc cho khắp hết ở trong đời.
Vua, quan, sĩ, thứ, người muôn nước,
Sao được cho ra cái giống người.

(Trần Tế Xương)

Việc 1 – Hiểu từ ngữ (nghĩa đen)

- Cái **cối giã trâu** như thế nào? Dùng để làm gì?
- Phen này **ắt hẳn**... Phen này **chắc chắn là**... Phen này **ắt hẳn là**... (em dùng những cách nói đồng nghĩa).
- Lọ phải** cầu xin, cầu mong... **chẳng cần phải** cầu xin... **cần gì phải** cầu xin...
- Sinh con được **vuông tròn**... được **mẹ tròn con vuông**... được **an toàn**...
- Vua, quan, sĩ, thứ** (“thứ” hay là “thứ dân” nghĩa là những người dân bình thường của xã hội).

Việc 2 – Hiểu tâm trạng

Em đọc lại đoạn kết, chú ý hai câu cuối:

*Vua, quan, sĩ, thứ, người muôn nước
Sao được cho ra cái giống người.*

Nhà thơ Trần Tế Xương có còn niềm tin vào hạng người nào của nước nhà không?

Em so sánh với nhà thơ Tản Đà sau này cũng viết về hai mươi lăm triệu người dân Việt Nam (số dân những năm 1930–1940 thế kỷ trước):

*Dân hai mươi triệu ai người lớn
Nước bốn nghìn năm vẫn trẻ con*

Hai nhà thơ Việt Nam đó có cùng tâm trạng gì?

Việc 3 – Tự cảm nhận

Em có nhận xét gì về những *biểu hiện không trưởng thành* của người lớn tuổi nước Việt Nam?

Em viết một bài văn về vấn đề đó.

LUYỆN TẬP TIẾNG NÓI TRỮ TÌNH

Hương Sơn phong cảnh ca

Mưỡu:

*Đàn thông phách suốt vang lừng,
Cá khe lắng kệ, chim rừng nghe kinh.*

Hát nói:

*Bầu trời, cảnh bụi,
Thú Hương Sơn ao ước bấy lâu nay.
Kìa non non, nước nước, mây mây,
Đệ nhất động hỏi rằng đây có phải?
Thỏ thẻ rừng Mai chim cúng trái,
Lừng lơ khe Yến cá nghe kinh.
Thoảng bên tai một tiếng chày kinh,
Khách tang hải giật mình trong giấc mộng.
Này suối Giải Oan, này chùa Cửa Võng,
Này am Phật Tích, này động Tuyết Quỳnh.
Nhác trông lên, ai khéo họa hình:
Đá ngũ sắc long lanh như gấm dệt.
Thăm thẳm một hang lồng bóng nguyệt,
Chập chờn mấy lối uốn thang mây.
Chừng giang sơn còn đợi ai đây,
Hay tạo hóa khéo ra tay xếp đặt?
Lần tràng hạt niệm “Nam mô Phật”,
Cửa từ bi công đức biết là bao.
Càng trông phong cảnh càng yêu!*

(Chu Mạnh Trinh)

Việc 1 – Hiểu từ ngữ (nghĩa đen)

Đọc thầm:

Đôi điều tâm sự cùng các em.

Nhà thơ Chu Mạnh Trinh sinh chân sống từ cuối thế kỷ 19 sang đầu thế kỷ 20, và đến năm 1905, mới 43 tuổi đã sớm là đời!

Cũng năm 1905, nước Nhật đã đi vào hiện đại hóa. Cũng năm 1905, Phan Châu Trinh xin từ quan để cùng Huỳnh Thúc Kháng và Trần Quý Cáp tìm kế cứu nước. Cũng năm 1904 và 1905, Phan Bội Châu cùng nhiều đồng chí tìm đường qua Tàu, qua Nhật tính kế xây dựng đất nước...

Thế mà chúng ta lại học tiếng nói trữ tình! Nhất là bài của Chu Mạnh Trinh về động Hương Sơn hình như có gì lặc lợng...?!

Nhưng thôi! Người xưa xa rồi! Chúng ta gìn giữ chút gì còn lại – thơ của các cụ, tài năng văn chương của các cụ, chút công lao nâng tiếng Việt lên tầm cao hơn...

Một số từ ngữ cần hiểu:

Đệ nhất động: em dùng năng lực Hán-Việt để tìm nghĩa.

Chim **cúng** trái, cá **nghe** kinh: dùng chữ thật oái oăm! Chim thì “cúng” chứ không ăn trái mơ chùa Hương, mà cá thì không bơi trong **suối Yến** mà lại như đang đứng im “nghe” kinh.

Tiếng chày **kình**: có phải tiếng chày gõ vào cái mõ gỗ hình con cá?

Khách **tang hải**: theo điển tích “thương hải tang điền” – “nương dâu thành biển – biển thành nương dâu”, ý nghĩa là sự thay đổi – nhưng tại sao “khách tang hải” (người đã quen với sự thay đổi) cũng giạt mình nhỉ?

Việc 2 – Hiểu tâm trạng

Em tìm thấy trong bài thơ tâm trạng một nhà thơ đi tìm sự yên tĩnh trong tâm hồn không? Em có thấy sự yên tĩnh trong nhịp điệu, trong âm vang các tiếng...?

Việc 3 – Tự cảm nhận

Em học thuộc bài thơ, rồi em đọc khe khẽ cho riêng mình nghe tiếng nhạc của ngôn ngữ trong bài *Hương Sơn phong cảnh ca*.

LUYỆN TẬP TIẾNG NÓI TRỮ TÌNH

Đò Lèn

Thuở nhỏ tôi ra cống Na câu cá
núi vấy bà đi chợ Bình Lâm
bắt chim sẻ ở vành tai tượng Phật
và đôi khi ăn trộm nhãn chùa Trần.

Thuở nhỏ tôi lên chơi đèn Cây Thị
chân đất đi đêm xem lễ đèn Sòng
mùi huệ trắng quyện khói trầm thơm lắm
điệu hát văn lảo đảo bóng cô đồng.

Tôi đâu biết bà tôi cơ cực thế
bà mò cua xúc tép ở đồng Quan
bà đi gánh chè xanh Ba Trại
Quán Cháo, Đồng Giao thập thững những đêm hàn.

Tôi trong suốt giữa hai bờ hư – thực
giữa bà tôi và tiên Phật, thánh thần
cái năm đói củ dong riềng luộc sượng
cứ nghe thơm mùi huệ trắng hương trầm.

Bom Mỹ dội, nhà bà tôi bay mất
đèn Sòng bay, bay tuốt cả chùa chiền
thánh với Phật rủ nhau đi đâu hết
bà tôi đi bán trứng ở ga Lèn.

Tôi đi lính, lâu không về quê ngoại
 dòng sông xưa vẫn bên lở bên bồi
 khi tôi biết thương bà thì đã muộn
 bà chỉ còn là một nắm cỏ thôi!

(Nguyễn Duy)

Việc 1 – Hiểu từ ngữ (nghĩa đen)

- a. Em đọc thầm vài lần bài thơ *Đò Lèn*. Em tìm trong cả bài một câu – chỉ một câu thôi đấy! – cho thấy toàn bộ tâm tình nhà thơ với bà mình. Các em chia sẻ với nhau câu thơ mình chọn. Bàn nhau xem ai chọn đúng hơn?
- b. Tuổi nhỏ vô tư, hồn nhiên của nhà thơ được diễn đạt bằng những câu thơ nào? Các em cùng nhau đọc lên những câu thơ đó và chia sẻ với nhau: tuổi nhỏ của nhà thơ có sướng không? Tại sao sướng?
- c. Các em đọc câu thơ này:

Bà đi gánh chè xanh Ba Trại

Quán Cháo, Đồng Giao thập thững những đêm hàn.

Các em cho biết:

- Có thể có nhiều địa điểm khác bà đi qua để kiếm sống, nhưng có vẻ như nhà thơ cố ý chọn **Quán Cháo**, em có ý nghĩ đó không nhỉ?
- Nhà thơ dùng chữ **thập thững**: có dùng chữ “chập chững” được không? “Chập chững” mô tả cách đi của ai? Nhưng “thập thững” gợi lên dáng đi, cách đi như thế nào, em hãy mô tả lại.
- Nhà thơ còn dùng chữ **đêm hàn**. Sao không nói “đêm rét”? Sao không nói “đêm lạnh”? Nói **đêm hàn** gợi ra những liên tưởng gì?

Việc 2 – Hiểu tâm trạng

Các em viết hai đoạn văn năm câu nói ý em về lời tác giả:

1. Tôi trong suốt giữa hai bờ hư – thực...
2. Khi tôi biết thương bà thì đã muộn...

Việc 3 – Tự cảm nhận

Em ghi Sổ tay học Văn về một điều áy náy do tâm trạng nhà thơ gây ra trong em.

LUYỆN TẬP TIẾNG NÓI TRỮ TÌNH

Đội mưa trên đảo Sinh Tồn

Chúng tôi ngồi trên đảo Sinh Tồn
 Bóng đen sẫm như gốc cây khô cháy
 Mắt đăm đăm nhìn về nơi ấy
 Nơi cơn mưa thăm thẳm xa khơi
 Ánh chớp xanh lấp loáng phía chân trời...

Ôi ước gì được thấy mưa rơi
 Mặt chúng tôi ngửa lên như đất
 Những màu mây sẽ thôi không héo quắt
 Đá san hô sẽ nảy cỏ xanh lên
 Đảo xa khơi sẽ hóa đất liền

Chúng tôi không cạo đầu để tóc lên như cỏ
 Rồi khao nhau
 Bữa tiệc linh đình bày toàn nước ngọt
 Ôi ước gì được thấy mưa rơi...
 Cơn mưa lớn vẫn rập rình ngoài biển
 Ánh chớp xanh vẫn lấp loáng phía chân trời...

Ôi, ước gì được thấy mưa rơi
 Chúng tôi sẽ trụi trần nhảy chơi chơi trên cát
 Giã giụa tươi bời trên cát
 Như con cá rô rạch nước đón mưa rào
 Úp miệng vào tay, chúng tôi sẽ cùng gào
 Như ếch nhái uôm uôm khắp đảo

Mưa đi! Mưa đi! Mưa cho táo bạo
Mưa như chưa bao giờ mưa, sấm sét ùng ùng
Nhưng làm sao mưa cứ ngại ngần
Chập chờn bay phía xa khơi...

Chúng tôi ngồi ôm súng đợi mưa rơi
Lòng thắc thỏm niềm vui không nói hết
Mưa đi! Mưa đi! Mưa cho mãnh liệt
Mưa lèm nhèm chúng tôi chẳng thích đâu
Nhưng không có mưa rào thì cứ mưa ngâu
Hay mưa bụi... mưa li ti... cũng được
Mặt chúng tôi ngửa lên hứng nước
Một hạt nhỏ thôi cát cũng dụi đi nhiều...

Ôi đảo Sinh Tồn, hòn đảo thân yêu
Dẫu chẳng có mưa, chúng tôi vẫn sinh tồn trên
mặt đảo
Đảo vẫn sinh tồn trên đại dương gió bão
Chúng tôi như hòn đá ngàn năm trong nhịp
trái tim người
Như đá vững bền, như đá tốt tươi...

Mưa vẫn giăng màn lộng lẫy phía xa khơi
Mưa yếu điệu như một nàng công chúa
Dù mưa chẳng bao giờ đến nữa
Thì xin cứ hiện lên thăm thăm cuối chân trời
Để bao giờ cánh lính chúng tôi
Cũng có một niềm vui đón đợi...

(Trần Đăng Khoa)

Gợi ý để các em tự đọc, tự tìm hiểu bài thơ

1. Đảo Sinh Tồn ở đâu? Nhà thơ Trần Đăng Khoa xưa, ngày nào bé nhỏ, nay đã thành chú lính Hải quân ngoài đảo xa, em có tin nổi không?
2. Bài thơ *Đợi mưa trên đảo Sinh Tồn* nói về sự đợi chờ mưa của riêng Trần Đăng Khoa, hay là sự chờ đợi của chúng tôi? Em trích câu nào nói về sự chờ mưa không chỉ của một người. Dem so với các câu trích của các bạn. Câu nào đúng?
3. Em trích từ bài thơ câu nào (những câu nào) nói đến cơn mưa cứ lững lờ gieo hy vọng ở phía xa mà không chịu trút xuống?
4. Em trích từ bài thơ câu nào (những câu nào) nói đến sự thèm khát những trận mưa lớn – không cần những trận “mưa lèm nhèm” – điều đó có ý nghĩa gì?
5. Nhà thơ Trần Đăng Khoa có coi mưa ngâu, mưa bụi, mưa li ti... là thứ “mưa lèm nhèm” không? Vậy theo em, thế nào là “mưa lèm nhèm”?
6. Cuối cùng, em có thể nói được tâm trạng nhà thơ Trần Đăng Khoa qua bài thơ *Đợi mưa ở đảo Sinh Tồn*? Đó là tâm trạng gì? Mời em viết bài về tâm trạng đó. Em chú ý phân tích những dẫn chứng sau:

Ôi, ước gì được thấy mưa rơi
 Chúng tôi sẽ trụi trần nhảy chơi chơi trên cát
 Giã giũa tươi bời trên cát
 Như con cá rô rạch nước đón mưa rào
 Úp miệng vào tay, chúng tôi sẽ cùng gào
 Như ếch nhái uôm uôm khắp đảo...

MỘT TIẾNG NÓI TRỮ TÌNH KHÁC

Những ước mơ của trẻ em

*Những ngôi nhà đừng cháy
Đừng ai biết đến bom
Dành để ngủ là đêm
Sống đừng là trừng phạt
Mẹ em đừng phải khóc
Đừng một ai giết chóc
Ai cũng dựng cũng xây
Ai cũng đáng tin cậy
Người trẻ luôn vươn tới
Người già được nghỉ ngơi.*

(Berthold Brecht – nhà thơ Đức)



Những vòng tròn – Tranh của Kandinsky

Gợi ý để các em tự đọc, tự tìm hiểu bài thơ

Berthold Brecht là một nhà thơ, nhà viết kịch người Đức. Ông có những ý tưởng cực đoan về việc tôn trọng sự tự do của con người.

Chẳng hạn như, ông phản đối đường lối tạo ra những vở diễn khiến con người xúc động như lên đồng vì bị lôi cuốn theo câu chuyện, vì bị “bùa mê” trước cách diễn xuất của các nghệ sĩ tài ba.

Ông chủ trương đường lối tạo ra vở diễn và cách diễn xuất sao cho công chúng thấy rõ và có thái độ cư xử theo kiểu “à, họ đang diễn kịch đấy mà, đó không phải là chuyện có thực đâu”...

Nghĩa là, ông muốn công chúng xem kịch có quyền tự do tạo ra cảm xúc riêng cho mình khi đang xem một vở diễn. Công chúng xem kịch được tạo cơ hội để tham gia vào vở diễn.

Nói ngắn gọn, Brecht muốn có một tầng lớp công chúng tự do, những con người có cảm xúc đầy lý trí, không bị lôi kéo như những bầy đàn u mê.

Các em có thể thấy điều đó qua bài thơ với những ý tưởng chột hiện chột tắt...

Em hãy tự đọc bài thơ, đọc cả lời gợi ý rất ngắn gọn này, sau đó so sánh với bài thơ học ở tiết tiếp theo đây... Các em đừng vội nghĩ đến “câu hỏi”, “bài tập”, “bài viết”...

Học lên lớp Năm rồi! Mình cũng có quyền tự do mơ mộng theo cách riêng chứ?

LUYỆN TẬP TIẾNG NÓI TRỮ TÌNH

Sau một trận đánh

Cha tôi người anh hùng với nụ cười hiền dịu
Cùng một lính hầu thân cận, người thương
Vì tâm vóc trượng phu và lòng dũng cảm phi thường
Rong ruổi buổi chiều sau trận đánh.
Chiến trường xác ngổn ngang đêm xuống lạnh
Có tiếng kêu yếu ớt văng vẳng kêu bên tường
Một tên lính Tây Ban Nha thuộc đám bại quân
Nằm rên rít máu đầy người bê bết
Mặt tái nhợt như chỉ còn đợi chết:
“Cho tôi... xin... hộp nước... làm ơn!”
Cha tôi mũi lòng nhìn kẻ bị thương
Tháo bình rượu sau yên trao người lính hầu trung dũng
Và bảo: “Người cầm lấy rót cho hắn uống”
Trong lúc người cận vệ nghiêng mình
Đưa bình rượu... tên bại binh
Thình lình giờ súng lên quyết liệt
Nhằm trán cha tôi la to: “Mày phải chết!”
Viên đạn bay quá gần làm mũ bắn tung
Và con ngựa nhảy lui một bước hãi hùng
Cha tôi nói: “Cứ để cho hắn uống”.

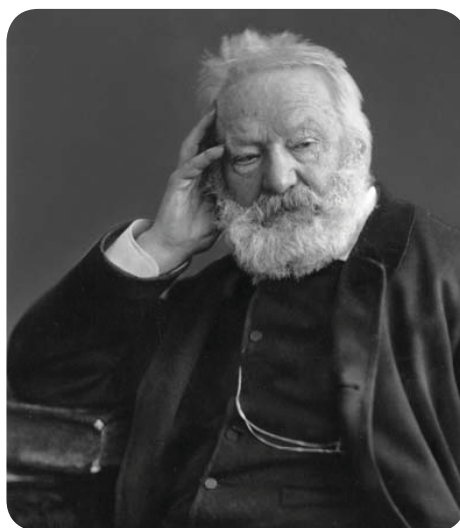
(Victor Hugo,

Khương Hữu Dụng dịch)

Gợi ý để các em tự đọc, tự tìm hiểu bài thơ

Các em thân mến,

Đây là một bài thơ dịch từ tiếng Pháp. Tác giả là Victor Hugo, nhà thơ, nhà viết tiểu thuyết, nhà viết kịch...



Victor Hugo

Victor Hugo là con thứ ba một gia đình có cha mang hàm cấp tướng trong quân đội Napoleon và mẹ là người có tư tưởng bảo hoàng.

Ông trưởng thành dần thành một con người với những ý tưởng tuyệt đối nhân bản, ông chủ trương con người cần sống chung trong tuyệt đối yêu thương...

Đọc bài thơ “Sau một trận đánh” thì có thể thấy rõ lý tưởng sống đó của Victor Hugo.

Sau khi đã gặp gỡ với Berthold Brecht, bây giờ xin mời các cô các cậu học sinh lớp Năm hãy cùng tự do mơ mộng theo một cách riêng nữa với Victor Hugo.

BÀI VIẾT VỀ NGHỆ THUẬT TRỮ TÌNH

Trước khi sang bài học khác, mời các em tự làm một cuộc sơ kết về nghệ thuật trữ tình.

Các em sẽ viết một bài văn với mục đích có thể như sau chẳng: em viết cho em đọc, sau đó em đem khoe bài viết tới ông hoặc bà, cho cha hoặc mẹ, hoặc cho anh em, chị em...

Em sẽ viết những gì nhỉ?

Trước hết là đoạn chủ đề: phải nói rõ mình sẽ viết chuyện gì – chắc là chuyện nghệ thuật trữ tình rồi. Nhớ lật đi lật lại vấn đề, bởi vì chuyện “trữ tình” thời nay nghe có vẻ xa lạ, xa xôi, xa xỉ... nhỉ? Viết sao cho người đọc đầu tiên là chính em cũng được thuyết phục rằng nghệ thuật trữ tình là một nét đẹp của con người, là cái cần nâng niu...

Tiếp theo, em cần chứng minh cụ thể những gì nhỉ?

Giới thiệu nhà thơ trữ tình này – nhiều lắm, em sẽ chọn những nhà thơ vô danh và hữu danh nào nhỉ?

Các nhà thơ đó sẽ được giới thiệu kèm với tác phẩm trữ tình của họ, phải thế không?

Và điều quan trọng tiếp theo, các em có nên nói đến ngôn ngữ trữ tình trong những tác phẩm mượn mà muôn thuở...

(Nhắc các em chú ý giới thiệu cả ý kiến phản biện đối với những nội dung trên nhé!).

Và dĩ nhiên đến phần kết luận thì các em biết mình sẽ viết những gì rồi: hãy trở lại tham khảo ý kiến đoạn chủ đề...

Làm đi! Chúc các em hào hứng làm một cuộc rà soát hành trang ngôn ngữ nghệ thuật của mình.

Bài 5

HOẠT ĐỘNG NGHỆ THUẬT

Cách thể hiện tình cảm bằng
NGHỆ THUẬT TỰ SỰ

TỰ SỰ – NGÔN NGỮ NGHỆ THUẬT KHÁC

Sông Lấp

Sông kia rày đã nên đồng
Chỗ làm nhà cửa, chỗ trồng ngô khoai
Vẳng nghe tiếng ếch bên tai
Giật mình còn tưởng tiếng ai gọi đò.

(Trần Tế Xương)

Việc 1 – Tự làm để ôn cái đã biết

Em dùng ví dụ từ bài thơ *Sông Lấp* để giải thích ý tưởng này: thể loại trữ tình nói cái cảm xúc xảy ra trong chốc lát, để giữ cho cái cảm xúc bất chợt thật ngắn đó được kéo dài mãi mãi trong đời người.

Một cái “giật mình” của Trần Tế Xương đã kéo dài bao nhiêu năm? Một lời hát ru âu sầu cũng đã kéo dài bao lâu?

Việc 2 – Nêu ra câu hỏi mới

Nhưng nếu phải kể cả một câu chuyện dài: Sông Lấp đã bị bồi lấp tự khi nào, những người dân đời nọ đời kia kế tiếp nhau sinh sống ra sao ở vùng sông Lấp...

Khi đó thể loại trữ tình (đặc biệt là cách thể hiện ngôn ngữ trữ tình bằng những bài thơ ngắn) sẽ không đủ sức đảm đương nhiệm vụ.

Thể loại nào sẽ thay thế?

Các em thảo luận:

- a. Kể chuyện thay cho bài thơ *Sông Lấp* bằng một tấm hình như dưới đây – đủ chưa?
- b. Tại sao đủ, tại sao không đủ?
- c. Tại sao không thể thay thế văn chương (ngôn từ) bằng những loại hình nghệ thuật khác?

Việc 3 – Các em kết luận

Cần một kiểu loại nghệ thuật ngôn từ khác bổ sung, thay thế cho nghệ thuật trữ tình.

Lý do tại sao?



Cảnh sông xưa ở quê hương nhà thơ (nay là Nam Định) (Nguồn: Internet)

TIẾNG NÓI TỰ SỰ - NGƯỜI KỂ VÔ DANH

Những câu chuyện đầu tiên do các nhà văn vô danh kể
đều mang cách nhìn hoang đại với mọi hiện tượng trong trời đất:
đâu đâu cũng thấy thần linh!



Sống giữa âm u hỗn độn thế này,
eo ôi, nhìn đâu chả thấy thần linh và các sức mạnh vô hình
khiến con người tưởng tượng ra đủ loại sự tích...

Việc 1 – Đọc thầm

Sự tích tổ tiên người Việt Nam ta

Cách đây lâu đời lắm, ở Lĩnh Nam có một thủ lĩnh tên là Lộc Tục, hiệu là Kinh Dương Vương, sức khỏe tuyệt trần, lại có tài đi lại dưới nước như đi trên cạn. Một hôm, Kinh Dương Vương đi chơi hồ Động Đình, gặp Long Nữ là con gái Long Vương, hai người kết thành vợ chồng và ít lâu sau sinh được một trai, đặt tên là Sùng Lâm.

Lớn lên Sùng Lâm rất khỏe, một tay có thể nhấc bổng lên cao tảng đá hai người ôm. Cũng như cha, Sùng Lâm có tài đi lại dưới nước như đi trên cạn. Khi nối nghiệp cha, chàng lấy hiệu là Lạc Long Quân. Lúc bấy giờ ở đất Lĩnh Nam còn hoang vu, không một nơi nào yên ổn, Lạc Long Quân quyết chí đi du ngoạn khắp nơi.

Đến vùng bờ biển Đông Nam, Lạc Long Quân gặp một con cá rất lớn. Con cá này đã sống từ lâu đời, mình dài hơn năm mươi trượng, đuôi như cánh bướm, miệng có thể nuốt chửng mười người một lúc. Khi nó bơi thì sóng nổi ngất trời, thuyền bè qua lại đều bị nó nhấn chìm, người trên thuyền đều bị nó nuốt sống. Dân chài rất sợ con quái vật ấy. Họ gọi nó là Ngư tinh. Chỗ ở của Ngư tinh là một cái hang lớn ăn sâu xuống đáy biển, trên hang có một dãy núi đá cao ngăn miền duyên hải ra làm hai vùng.

Lạc Long Quân quyết tâm giết con yêu quái, trừ hại cho dân. Lạc Long Quân đóng một chiếc thuyền thật chắc và thật lớn, rèn một khối sắt có nhiều cạnh sắc, nung cho thật đỏ, rồi đem khối sắt xuống thuyền chèo thẳng đến chỗ Ngư Tinh. Lạc Long Quân giơ khối sắt lên giả cách như cầm một người ném vào miệng cho nó ăn. Ngư Tinh há miệng đón mồi. Lạc Long Quân lao thẳng khối sắt nóng bỏng vào miệng nó. Ngư Tinh bị cháy họng vùng lên chống cự, quật đuôi vào thuyền của Lạc

Long Quân. Lạc Long Quân liền rút gươm chém Ngư Tinh làm ba khúc. Khúc đầu hóa thành con chó biển. Lạc Long Quân lấy đá ngăn biển chặn đường giết chết con chó biển, vớt đầu lên một hòn núi, nay gọi hòn núi ấy là Cầu Đầu Sơn. Khúc mình của Ngư Tinh trôi ra xứ Mạn Cầu, nay còn gọi là Cầu Đầu Thủy. Còn khúc đuôi của Ngư Tinh thì Lạc Long Quân lột lấy da đem phủ lên hòn đảo giữa biển, đảo ấy nay còn mang tên là Bạch Long Vĩ.

Trừ xong nạn Ngư Tinh, Lạc Long Quân đến Long Biên. Ở đây có con cáo chín đuôi sống đến hơn nghìn năm, đã thành tinh gọi là Hồ Tinh. Nó trú trong một hang sâu, dưới chân một hòn núi đá ở phía Tây Long Biên. Con yêu này thường hóa thành người trà trộn trong nhân dân dụ bắt con gái đem về hang hãm hại. Một vùng từ Long Biên đến núi Tản Viên, đâu đâu cũng bị Hồ Tinh hãm hại. Nhân dân hai miền rất lo sợ, nhiều người phải bỏ cả ruộng đồng, nương rẫy, kéo nhau đi nơi khác làm ăn.

Lạc Long Quân thương dân, một mình một gươm đến sào huyệt Hồ tinh, tìm cách diệt trừ nó. Khi Lạc Long Quân tới cửa hang, con yêu tinh thấy bóng người, liền xông ra, Lạc Long Quân liền hóa phép làm mưa gió, sấm sét vây chặt lấy con yêu.

Giao chiến luôn ba ngày ba đêm, con yêu dần dần yếu sức, tìm đường tháo chạy, Lạc Long Quân đuổi theo chém đứt đầu nó. Nó hiện nguyên hình là một con cáo khổng lồ chín đuôi. Lạc Long Quân vào hang cứu những người còn sống sót, rồi sai các loài thủy tộc dâng nước sông Cái, xoáy hang cáo thành một vực sâu. Người đương thời gọi nơi đó là đầm Xác Cáo, đời sau mới gọi là Tây Hồ. Nạn Hồ Tinh được dẹp, nhân dân quanh vùng lại trở về cày cấy trên cánh đồng ven hồ, và dựng nhà lập xóm trên khu đất cao nhất gọi là làng Hồ, đến nay vẫn còn.

Thấy dân vùng Long Biên đã được yên ổn làm ăn, Lạc Long Quân đi ngược lên vùng rừng núi đến đất Phong Châu. Ở vùng này có một cây cổ

thụ gọi là cây chiên đàn, cao hàng nghìn trượng. Trước kia cành lá sum suê tươi tốt che kín cả một khoảng đất rộng, nhưng sau nhiều năm, cây khô héo, biến thành yêu tinh, người ta gọi là Mộc Tinh.

Con yêu này hung ác và quỷ quyệt lạ thường. Chỗ ở của nó không nhất định, khi thì ở khu rừng này, khi thì ở khu rừng khác. Nó còn luôn luôn thay hình đổi dạng ẩn nấp khắp nơi, dón bắt người để ăn thịt. Đi đến đâu cũng nghe thấy tiếng khóc than thảm thiết, Lạc Long Quân quyết ra tay cứu dân diệt trừ loài yêu quái.

Lạc Long quân phải luôn hết rừng này đến rừng kia và qua nhiều ngày gian khổ mới tìm thấy chỗ ở của con yêu. Lạc Long Quân giao chiến với nó trăm ngày trăm đêm, làm cho cây long đá lở, trời đất mịt mù mà không thắng được nó. Cuối cùng, Lạc Long Quân phải dùng đến những nhạc cụ như chiêng, trống làm nó khiếp sợ và chạy về phía Tây Nam, sống quanh quất ở vùng đó, người ta gọi là Quỷ Xương Cuồng.

Diệt xong được nạn yêu quái, Lạc Long Quân thấy dân vùng này vẫn còn đói khổ thiếu thốn, phải lấy vỏ cây che thân, tết cỏ gianh làm ổ nằm bèn dạy cho dân biết cách trồng lúa nếp, lấy ống tre thổi cơm, đốn gỗ làm nhà sàn để ở, phòng thú dữ. Lạc Long Quân còn dạy dân đạo nghĩa, cha con, vợ chồng. Dân cảm ơn đức ấy, xây cho Lạc Long Quân một tòa cung điện nguy nga trên một ngọn núi cao. Nhưng Lạc Long Quân không ở, thường về quê mẹ dưới thủy phủ và dặn dân chúng rằng: “Hễ có tai biến gì thì gọi ta, ta sẽ về ngay!”

Lúc bấy giờ có Đế Lai từ phương Bắc đem quân tràn xuống phương Nam. Đế Lai đem theo cả người con gái yêu rất xinh đẹp của mình là Âu Cơ và nhiều thị nữ. Thấy Lĩnh Nam phong cảnh tươi đẹp, lại nhiều chim muông, nhiều gỗ quý, Đế Lai sai quân dựng thành đắp lũy định ở lâu dài. Phải phục dịch rất cực khổ, nhân dân chịu không nổi, hướng về biển Đông gọi to: “Ngài ơi! Sao không về cứu dân chúng con!”. Chỉ trong chớp mắt, Lạc Long Quân đã về.

Nghे dân kể chuyện, Lạc Long Quân hóa làm một chàng trai rất đẹp, có hàng trăm đầy tớ theo hầu, vừa đi vừa hát đến thẳng chỗ Đế Lai ở. Lạc Long Quân không thấy Đế Lai đâu cả mà chỉ thấy một cô gái nhan sắc tuyệt trần cùng vô số thị tỳ và binh lính. Cô gái xinh đẹp đó là Âu Cơ.

Thấy Lạc Long Quân uy nghi tuấn tú nàng đem lòng say mê, xin đi theo Lạc Long Quân. Lạc Long Quân đưa Âu Cơ về ở trong cung điện của mình trên núi cao. Đế Lai về, không thấy con gái đâu, liền sai quân lính đi tìm khắp nơi, hết ngày này qua ngày khác. Lạc Long Quân sai hàng vạn ác thú ra chặn các nẻo đường, xé xác bọn chúng làm cho chúng khiếp sợ bỏ chạy. Đế Lai đành thu quân về phương bắc.

Lạc Long Quân ở với Âu Cơ được ít lâu thì Âu Cơ có mang, sinh ra một cái bọc. Sau bảy ngày cái bọc nở ra một trăm quả trứng. Mỗi trứng nở ra một người con trai. Trăm người con trai đó lớn lên như thổi, tất cả đều xinh đẹp khỏe mạnh và thông minh tuyệt vời.

Hàng chục năm trôi qua, Lạc Long Quân sống đầm ấm bên cạnh đàn con, nhưng lòng vẫn nhớ thủy phủ. Một hôm Lạc Long Quân từ giã Âu Cơ và đàn con, hóa làm một con rồng vụt bay lên mây, quay về biển cả. Âu Cơ và đàn con muốn theo Lạc Long Quân, nhưng không đi được, buồn bã ở lại trên núi.

Hết ngày này qua ngày khác, họ mỗi mắt trông chờ mà vẫn biệt tăm hơi. Không thấy Lạc Long Quân trở về, nhớ chồng quá, Âu Cơ đứng trên ngọn núi cao hướng về biển Đông lên tiếng gọi: “Chàng ơi! Sao không về, để thiếp cô quạnh chốn đây”. Lạc Long Quân trở về tức khắc. Âu Cơ trách chồng:

– Thiếp vốn sinh trưởng ở núi cao, động lớn, ăn ở với chàng sinh được trăm trai, thế mà chàng nỡ lòng bỏ đi, để mặc mẹ con thiếp sống bơ vơ, khổ não.

Lạc Long Quân nói:

– Ta là loài rồng, nàng là giống tiên, khó ở với nhau lâu dài. Nay

ta đem năm mươi con về miền biển, còn nàng đem năm mươi con về miền núi, chia nhau trị vì các nơi, kẻ lên núi, người xuống biển, nếu gặp sự nguy hiểm thì báo cho nhau biết, cứu giúp lẫn nhau, đừng có quên.

Hai người từ biệt nhau, trăm người con trai tỏa đi các nơi, trăm người đó trở thành tổ tiên của người Bách Việt. Người con trưởng ở lại đất Phong Châu, được tôn làm vua nước Văn Lang lấy hiệu là Hùng Vương. Vua Hùng chia đất đai ra làm mười lăm bộ, đặt tướng văn, võ gọi là lạc hầu, lạc tướng. Con trai vua gọi là quan lang, con gái vua gọi là mẹ nàng.

Lạc Long Quân là người mở mang cõi Lĩnh Nam, đem lại sự yên ổn cho dân. Vua Hùng là người dựng nước, truyền nối được mười tám đời. Do sự tích Lạc Long Quân và Âu Cơ, nên dân tộc Việt Nam vẫn kể mình là dòng giống Tiên Rồng.

(Truyện cổ tích Việt Nam)



Việc 2 – Luyện tập

1. Các em kể lại để cùng nhớ với nhau về những điều mà Lạc Long Quân tài giỏi đã thực hiện trên miền đất thời xa xưa của dân tộc Việt Nam.
2. Các em kể ngắn gọn câu chuyện đã thành cái lý do dùng để giải thích vì sao dân tộc ta lại tự xưng là Con Rồng Cháu Tiên.
3. Em hãy nói lý do người Việt Nam chúng ta gọi nhau là “đồng bào” – “đồng” là “cùng” và “bào” là “cái bọc”. “Đồng bào” có nghĩa là “cùng nằm chung nhau trong một cái bọc”.
4. Con trưởng của Lạc Long Quân và Âu Cơ là ai? Vị này làm công việc gì? Những việc làm của vị này để lại dấu tích gì ở nơi nào trên đất Việt Nam hiện thời?
5. Tính chất hư hư thực thực tạo ra sự hấp dẫn và lòng tin của người nghe vào các truyền thuyết – nó thể hiện rõ nhất khi gọi tên và lý giải các dấu tích tự nhiên cũng như các địa danh còn đến tận ngày nay. Em tìm dẫn chứng trong sự tích mới học để làm ví dụ.
6. Trong Bộ Luật Lao động nước ta có quy định những ngày nghỉ lễ chính thức, trong đó có một ngày cho phép người lao động được nghỉ việc hưởng nguyên lương là ngày 10 tháng 3 Âm lịch hàng năm – ngày đó tên là ngày gì?
7. Em viết một đoạn văn nêu ý kiến của em về điều này: Người Việt Nam rất nên tự hào vì được là con cháu của vua Hùng, hay vua Hùng nên tự hào vì tài danh và công tích thực sự của con cháu Người?

TIẾNG NÓI TỰ SỰ - NGƯỜI KỂ VÔ DANH

Việc 1 – Đọc thầm

Sự tích Sơn Tinh, Thủy Tinh

Hùng Vương thứ mười tám có một người con gái tên gọi là Mỵ Nương, sắc đẹp tuyệt trần. Mỵ Nương được vua cha yêu thương rất mực. Nhà vua muốn kén cho nàng một người chồng thật xứng đáng.

Một hôm có hai chàng trai đến, xin ra mắt nhà vua để cầu hôn. Một người ở vùng núi Ba Vì tuấn tú và tài giỏi khác thường: chỉ tay về phía đông, phía đông biến thành đồng lúa xanh chỉ tay về phía tây, phía tây mọc lên hàng dãy núi. Nhân dân trong vùng gọi chàng là Sơn Tinh. Còn một người ở mãi tận miền biển Đông tài giỏi cũng không kém: gọi gió, gió đến, hô mưa, mưa về. Chàng này tên gọi là Thủy Tinh.

Một người là chúa của miền non cao, một người là chúa của vùng nước thẳm, cả hai đều xứng đáng làm rể vua Hùng cả. Hùng Vương băn khoăn không biết nhận lời ai, từ chối ai. Nhà vua cho mời các quan lạc hầu vào bàn mà vẫn không tìm được kế hay. Cuối cùng, Hùng Vương phán rằng:

– Hai người đều vừa ý ta cả, nhưng ta chỉ có một người con gái, biết gả cho người nào? Ngày mai, nếu ai đem đồ sính lễ đến đây trước thì được rước dâu về. Sính lễ gồm có: một trăm ván cơm nếp, hai trăm nệp bánh chưng, voi chín ngà, gà chín cựa, ngựa chín hồng mao.

Sáng sớm hôm sau, Sơn Tinh đem đầy đủ lễ vật đến trước và được phép đưa dâu về núi. Thủy Tinh đến sau, không lấy được vợ, dùng dùng nổi giận, đem quân đuổi theo, một hai đòi cướp lại Mỵ Nương.

Thủy Tinh hô mưa, gọi gió, làm thành giông bão dùng dùng rung chuyển cả đất trời, dâng nước sông lên cuộn cuộn tiến đánh Sơn Tinh.

Nước ngập lúa, ngập đồng rồi ngập nhà, ngập cửa. Sơn Tinh không hề nao núng, dùng phép màu bốc từng quả đồi, di từng dãy núi chặn đứng dòng nước lũ. Nước dâng lên cao bao nhiêu, Sơn Tinh lại làm cho đồi, núi mọc cao lên bấy nhiêu. Hai bên đánh nhau ròng rã mấy tháng trời liền, cuối cùng Thủy Tinh đuối sức phải rút quân về.

Từ đó, oán ngày càng thêm nặng, thù ngày càng thêm sâu, không năm nào Thủy Tinh không làm mưa làm bão, dâng nước lên đánh Sơn Tinh và lần nào Thủy Tinh cũng thua, phải bỏ chạy.

(Truyện cổ tích Việt Nam)



Sơn Tinh, Thủy Tinh – Tranh của Phan Vũ Linh

Việc 2 – Luyện tập

1. Các em thảo luận nhóm, cùng tìm câu trả lời: ngày nay, chuyện Thủy Tinh và Sơn Tinh đánh nhau xảy ra quanh năm suốt tháng, hay chỉ xảy ra vào một vài tháng nào đó thôi? Đó là dịp nào trong năm? Đó có phải là tính chất hư hư thực thực chúng ta đã tìm hiểu ở “Sự tích tổ tiên người Việt Nam”?
2. Các em viết đoạn văn năm câu nối vào câu chủ đề sau: “Tác giả tự sự vô danh nghĩ ra chuyện oán nặng thù sâu giữa Sơn Tinh và Thủy Tinh, và chuyện đó chỉ xảy ra vào mùa mưa, mùa lũ lụt hằng năm thôi”.

TIẾNG NÓI TỰ SỰ - NGƯỜI KỂ VÔ DANH

Việc 1 – Đọc thầm

Sự tích Hồ Gươm

Vào thời ấy, giặc Minh đặt ách đô hộ ở nước Nam. Chúng coi dân ta như cỏ rác, thi hành nhiều điều bạo ngược làm cho thiên hạ căm giận đến tận xương tủy. Bấy giờ ở vùng Lam Sơn, nghĩa quân đã nổi dậy chống lại chúng, nhưng buổi đầu thế lực còn non yếu nên nhiều lần bị giặc đánh cho tan tác. Thấy vậy, đức Long Quân quyết định cho họ mượn thanh gươm thần để họ giết giặc.

Hồi ấy, ở Thanh Hóa có một người làm nghề đánh cá tên là Lê Thận. Một đêm nọ, Thận thả lưới ở một bến vắng như lệ thường. Tự nhiên trong một lần kéo lưới, chàng thấy nặng nặng, trong bụng mừng thầm chắc là có cá to. Nhưng khi thò tay bắt cá, Thận mới biết đó là một thanh sắt. Chàng vớt luôn xuống nước rồi lại thả lưới ở một chỗ khác. Lần thứ hai cất lưới lên cũng thấy nặng tay. Thận không ngờ thanh sắt vừa rồi lại chui vào lưới mình. Chàng lại nhặt lên và ném xuống sông. Lần thứ ba lại vẫn thanh sắt ấy mắc vào lưới. Lấy làm quái lạ, Thận ghé mũi lửa lại nhìn xem. Bỗng chàng reo lên một mình:

– Ha ha! Một lưỡi gươm!

Thận gia nhập đoàn quân khởi nghĩa Lam Sơn. Chàng đã mấy lần vào sinh ra tử nơi trận mạc để diệt lũ cướp nước. Một hôm, chủ tướng Lê Lợi cùng mấy người tùy tùng đến nhà Thận. Trong gian nhà tối om, thanh sắt hôm đó chợt sáng quắc lên ở xó nhà. Lấy làm lạ, Lê Lợi đến gần cầm lấy xem và nhận ra có hai chữ “Thuận Thiên” khắc sâu vào lưới. Song tất cả mọi người vẫn không biết đó là báu vật. Một hôm bị giặc đuổi, Lê Lợi và các tướng chạy tháo thân mỗi người một ngả. Lúc đi

qua một khu rừng, Lê Lợi bỗng thấy một ánh sáng lạ trên ngọn cây đa. Ông trèo lên mới biết đó là một cái chuôi gươm nạm ngọc. Nhớ tới lưỡi gươm ở nhà Lê Thận, Lê Lợi rút lấy chuôi giắt vào lưng. Ba ngày sau, Lê Lợi gặp lại tất cả các bạn, trong đó có Lê Thận. Khi lắp lưỡi vào với chuôi thì kỳ lạ thay, vừa vặn khớp nhau. Lê Lợi bèn kể lại câu chuyện. Mọi người nghe xong đều hồ hởi vui mừng. Lê Thận nâng gươm lên ngang đầu nói với chủ tướng:

– Đây là thần có ý phó thác cho mình công làm việc lớn. Chúng tôi nguyện đem xương da của mình theo mình công và thanh gươm thần này để báo đền xã tắc!

Từ đó khí thế của nghĩa quân ngày một tăng. Trong tay Lê Lợi, thanh gươm thần tung hoành trên mọi trận địa và làm cho quân Minh bạt vía. Chẳng bao lâu tiếng tăm của quân Lam Sơn lan khắp nơi. Họ không phải trốn tránh trong rừng mà xông xáo đi tìm giặc. Họ không phải ăn uống khổ cực như trước nữa, đã có những kho lương của giặc mới cướp được tiếp tế cho họ. Gươm thần đã mở đường cho họ đánh tràn ra mãi, cho đến lúc không còn bóng một tên giặc trên đất nước.

Sau khi đuổi giặc Minh được một năm, ngày hôm ấy Lê Lợi – bấy giờ đã là một vị thiên tử – cưỡi thuyền rồng dạo quanh hồ Tả Vọng trước kinh thành. Nhân dịp đó, Long Quân sai rùa vàng lên đòi lại thanh gươm thần. Khi chiếc thuyền chèo ra giữa hồ thì tự nhiên có một con rùa lớn nhô đầu và mai lên khỏi làn nước xanh. Theo lệnh vua, thuyền đi chậm lại. Vua đứng lên và nhận thấy lưỡi gươm thần đeo bên mình cũng đang rung lên. Con rùa vàng không sợ người, nhô thêm nữa, tiến sát về phía thuyền vua. Nó đứng nổi trên mặt nước và nói:

– Xin bệ hạ hoàn gươm lại cho Long Quân!

Nghe nói thế nhà vua bỗng hiểu ra, bèn thò tay rút gươm ra khỏi bao. Chỉ một lát, thanh gươm thần rời khỏi tay vua bay đến phía rùa vàng. Nhanh như cắt, rùa ngoác đầu lên, há miệng đón lấy ngang lưỡi

gươm. Cho đến khi cả gươm và rùa lặn xuống, người ta vẫn thấy có vết sáng le lói dưới mặt nước hồ xanh. Khi những chiếc thuyền của bá quan tiến lên kịp thuyền rồng thì vua liền báo ngay cho họ biết:

– Đức Long quân cho chúng ta mượn thanh gươm thần để trừ giặc Minh. Nay đất nước đã thanh bình, người sai rùa lấy lại.

Và từ đó, hồ bắt đầu được mang tên là hồ Gươm hay còn gọi là hồ Hoàn Kiếm.

(Truyện cổ tích Việt Nam)



Tháp Báo Ân



Tháp Rùa – Hồ Hoàn Kiếm xưa

(Nguồn: Internet)

Việc 2 – Luyện tập

1. Các em giải thích những từ Hán-Việt sau và dùng câu chuyện liên quan đến “Sự tích Hồ Gươm” để dẫn chứng: Thuận Thiên – minh công – Hoàn Kiếm.
2. Tại sao bên Hồ Gươm ở thủ đô Hà Nội lại có tháp tên là Báo Ân? Em kể sự tích đã dẫn tới cái tên gọi tháp đó.
3. Thử trí nhớ em: trong chuyện có kể trước khi có tên là Hồ Gươm, hồ này có tên là gì? Nói nhanh!
4. Các em tự nghiên cứu – thống kê – so sánh: trong ba sự tích đã học, lời nói của nhân vật nhiều từ thuần Việt hay nhiều từ Hán-Việt? Em có thể giải thích vì sao?

TIẾNG NÓI TỰ SỰ - NGƯỜI KỂ VÔ DANH

Việc 1 – Đọc thầm

Sự tích Hồ Ba Bể

Vào hồi đó ở xã Nam Mẫu có mở một hội “vô già” cúng Phật. Mọi người nô nức đi xem. Ai nấy đều lo ăn chay niệm Phật và làm những việc thiện như buông cá, thả chim... để cầu phúc trong mấy ngày hội.

Hôm ấy, xuất hiện ở đám hội một bà già ăn mày. Người ta không biết mẹ từ đâu lại. Bộ dạng thật là gớm ghiếc: những mảnh vải vá vúi của mẹ không đủ che tấm thân gầy còm và lở loét. Mùi hôi thối xông ra rất khó chịu. Đến đâu, mẹ cũng thêu thào mấy câu: “Đói lắm các ông các bà ơi!” rồi cầm cái rá, mẹ giơ ra khắp bốn phía, đầy vể cầu khẩn. Nhưng mãi đến chiều, người đàn bà đó vẫn chả được tí gì. Đến đâu mẹ cũng bị xua đuổi. Đám trẻ tuổi, nhất là các cô gái cho mẹ là hủi nên trốn như trốn dịch. Hễ thấy mẹ đâu là họ xô nhau chạy đi chỗ khác. Mấy bà đang lễ thì rất bức tức. Họ ngừng những tiếng “Nam mô Phật” và quay ra mắng xả vào mẹ sao dám đi sát vào người. Cuối cùng bọn hương lý sai tuần phu đuổi mẹ đi. Mẹ không thể kiên gan được trước những trận mưa roi của bọn tuần, đành phải lê mình ra khỏi đám hội.

Sau khi ra khỏi đám hội, người đàn bà ấy thất thểu bước vào xóm. Cũng như ở đám hội, vào nhà nào, mẹ cũng bị nghi là hủi và bị đuổi. Mấy nhà giàu có đóng chặt cửa lại và thả chó ra. May sao đến ngã ba, mẹ gặp hai mẹ con một bà góa vừa đi chợ về. Thấy bà lão ăn mày tội nghiệp, người mẹ đưa về nhà lấy cơm nguội cho ăn.

Khuya hôm đó hai mẹ con đang ngủ thì người đàn bà ấy lại gọi cửa. Mẹ xin ngủ nhờ một đêm vì mọi chỗ, người ta đều cấm cửa không cho vào. Hai mẹ con vui lòng đón người ấy vào nhà, lấy cơm cho ăn và trải

chiếu ở một cái chõng cho mụ ngã lưng. Còn mẹ con thì nằm tạm ở một chỗ khác.

Người đàn bà vừa nằm là ngủ liền, tiếng mụ ngáy như sấm. Hai mẹ con nhìn ra thấy cái chõng sáng rực lên trong bóng tối. Đây không phải là một mụ ăn mày già yếu lở loét nữa mà là một con giao long đang cuộn mình lù lù một đống, đầu gác lên xà nhà, đuôi thò xuống đất. Người mẹ rụng rời kinh hãi, nhưng vì chỗ ở của mình cách biệt với làng xóm, không biết kêu cứu ai, đành trùm chần kín mít, phó mặc cho may rủi. Nhưng đến sáng hôm sau, khi người mẹ nhìn ra thì chẳng thấy giao long đâu cả. Trên chõng, mụ ăn mày già đã dậy và sắp sửa ra đi. Trước khi từ biệt, mụ bỗng lên tiếng:

– Chúng nó thờ Phật mà kỳ thực là buôn Phật. Chúng nó xứng đáng phải chịu trầm luân. Chỉ có hai mẹ con nhà người là tốt bụng. Hãy cầm lấy gói tro này, nhớ rắc ngay xung quanh chỗ ở và nội trong đêm hôm nay chớ đi đâu cả. Hoặc nếu có đi thì đưa nhau lên đỉnh núi cao mà tránh.

Người mẹ băn khoăn hỏi thêm:

– Nhưng làm thế nào để cứu mọi người được?

Người đàn bà ấy ngần ngừ hồi lâu rồi lấy từ trong áo một hạt thóc ra cắn tách đôi vỏ trấu đưa cho hai mẹ con và nói:

– Hai mảnh vỏ trấu này sẽ giúp hai mẹ con làm việc thiện.

Người mẹ toan hỏi thêm thì vụt một cái đã không thấy người đàn bà hủi đâu nữa. Hai mẹ con vội làm theo lời dặn rồi đi kể chuyện cho mấy người gần đó biết. Họ nghe nói chỉ mỉm cười cho là một chuyện bâng quơ.

Quả nhiên tối hôm đó giữa đám hội náo nhiệt, lúc thiện nam tín nữ đang tấp nập lễ bái thì bất ngờ có một dòng nước từ dưới đất phun lên ngay chính giữa đàn tràng. Nước càng phun càng mạnh làm lở dần đất ở xung quanh. Người ta ngỡ ngác không hiểu thế nào, tưởng là phép

Phật hiển hiện nên càng vái lấy vái để. Nhưng dòng nước mỗi lúc một mạnh nuốt hết người và vật. Chỉ trong nháy mắt đã ngập bằng một cái ao. Thấy thế, mọi người hoảng hốt bỏ cả lễ bái đua nhau chạy. Nhưng họ không thể chạy được nữa. Ở dưới chân họ đất nứt nẻ, rung động hất họ ngã xuống. Bỗng một tiếng âm dữ dội phát ra, đất đá, nhà cửa, người và vật đều chìm ngấm, nước tung tóe mù trời. Một con giao long to lớn từ mặt nước nhô lên bay vòng quanh xã Nam Mẫu.

Trong khi đó, nền nhà, chuồng lợn, chuồng gà của mẹ con người đàn bà từ tâm kia mỗi lúc một nâng cao hơn mực nước. Đau xót trước cảnh nước lụt, hai mẹ con đem hai mảnh vỏ trấu ra. Vừa đặt xuống nước, họ bỗng thấy hai mảnh vỏ biến ngay thành hai chiếc thuyền. Thế rồi, mặc gió mặc mưa, họ chèo đi mọi nơi cố sức vớt những người bị nạn. Chỗ đất sụt ấy ngày nay là hồ Ba Bể ở Bắc Cạn, còn cái nền nhà ấy tức là một hòn đảo nhỏ ở giữa hồ mà người địa phương thường gọi là Pò-già-mải (Gò Bà Góa).

(Truyện cổ tích Việt Nam)



Phong cảnh hồ Ba Bể (Nguồn: Internet)

Việc 2 – Luyện tập

1. Các em chọn và so sánh một số chi tiết của câu chuyện thì thấy chuyện kể về hồ Ba Bể ra đời muộn hơn hay sớm hơn chuyện Lạc Long Quân hoặc chuyện Sơn Tinh – Thủy Tinh? Các em giải thích vì sao.
2. Các em cùng xem hình ảnh phong cảnh hồ Ba Bể và thử tưởng tượng mình là người xưa, hãy nghĩ ra một phép lạ để thỏa mãn mong ước sống hạnh phúc của mình.
3. Các em tự nghiên cứu – so sánh: trong các sự tích đã học, cái Ác nằm trong giới tự nhiên thể hiện như thế nào? Từ chuyện nào em thấy xuất hiện cả cái Ác nằm trong con người? Những biểu hiện của hai loại cái Ác đó như thế nào, các em kể ra.
4. Đố các em trả lời được câu này: vào thời vua Hùng và vào thời Sơn Tinh, Thủy Tinh, khi vấp, hoặc khi có chuyện gì gây ngạc nhiên, con người sẽ nói “Ồi, đau quá!”, “Ồi, sợ quá!”... hay người ta kêu “Lạy Phật! đau quá!”, “Lạy Phật! sợ quá!”...? Các em thử giải thích chuyện đó...
5. Em đoán xem vào thời vua Hùng và vào thời Sơn Tinh, Thủy Tinh, các gia đình đã có bàn thờ cúng cụ như vẫn thấy không?

TIẾNG NÓI TỰ SỰ - NGƯỜI KỂ VÔ DANH

Việc 1 – Đọc thầm

Sự tích đầm Nhất Dạ và bãi Tự Nhiên

Vua Hùng Vương thứ ba có một nàng công chúa rất xinh đẹp. Người ta nói thuở mới lọt lòng, nàng được các bà tiên tô điểm nên về sau mới có nhan sắc như thế. Vì vậy vua đặt tên là Tiên Dung. Vua Hùng là người nuông con. Đối với Tiên Dung vua lại càng yêu chiều, muốn gì được nấy. Nhưng công chúa Tiên Dung chỉ có mỗi một sở thích là đi chơi mọi nơi trong nước. Vua phải sắm cho nàng một chiếc thuyền rất xinh, có đủ mọi người hầu hạ và mọi thức cần dùng. Mỗi năm vào khoảng cuối mùa xuân, chiếc thuyền công chúa bắt đầu xuất phát. Cho đến lúc những con chim hâu điểu bay từng đàn ở phương Bắc sang thì công chúa mới trở về nơi cung cấm. Cũng có lúc công chúa quá vui quên cả về, làm cho vua lo lắng. Năm nàng mười tám tuổi, từng có một vài hoàng tử ở các nước láng giềng ngỏ ý muốn được kết duyên nhưng công chúa đều từ chối. Nàng nói với vua Hùng trong một bữa tiệc:

– Cha à! Con sẽ không lấy chồng đâu!

Hồi đó ở Chử Xá có một người đánh cá tên là Chử Cù Vân và con trai là thằng bé Chử. Tuy nghèo, họ vẫn sống vui vẻ trong túp lều dựng trên bãi cát. Không may, một hôm trong khi cha con đi câu vắng, ở nhà lửa bén cháy sạch chả còn tí gì. Hai cha con chỉ còn có một bộ đồ nghề và mỗi một chiếc khố vải đang mặc. Chiếc khố độc nhất ấy dùng để làm vật che thân cho cả hai mỗi lần ra ngoài. Khi người này mang khố thì người kia phải chịu cởi truồng nằm co để đợi đến lượt mình.

Cha con họ Chử hết nạn này lại tiếp nạn khác. Chử Cù Vân tuổi già thiếu áo không chịu được lạnh, dần dần sinh bệnh. Bệnh của ông mỗi

ngày một nặng. Trước còn gắng gượng đi câu được, nhưng sau nằm liệt ở nhà. Một hôm, biết mình sắp chết, ông gọi con lại dặn dò mọi việc. Qua hơi thở phều phào, ông trối: “Có mỗi một chiếc khố... con giữ mà mặc... cứ chôn trần là được rồi!”. Nhưng thằng bé Chủ (sau này người ta gọi là Chủ Đồng Tử) rất thương cha, không muốn để người chết lạnh lẽo. “Rồi ta sẽ cố kiếm nhiều cá để đổi lấy một cái khố khác!” Nghĩ thế, anh quyết định dùng chiếc khố độc nhất đó cuốn cha lại từ đầu đến chân. Rồi chờ đến nửa đêm, anh đưa lên cồn cao vùi lại. Từ đó không còn có cái gì để che thân, Chủ Đồng Tử phải làm việc ban đêm. Cứ đến chiều hôm, khi không còn trông rõ mặt người nữa, anh bắt đầu ra bãi câu cá. Cho đến mờ sáng, anh sẽ lội ngập nửa người, lặn mò đến bến đổi cá cho những thuyền buôn lấy gạo.

Thế rồi lại lội đến bến vắng người, lén về lều của mình nấu ăn và ngủ một giấc đến chiều mới dậy. Rồi lại ăn uống và đi câu nữa. Đồng Tử đã sống một cuộc đời cô đơn lẩn lút như thế đã hơn hai năm. Có lúc anh câu được nhiều cá, lúc ít cá không chừng. Cũng có lúc không câu được gì cả đành phải men theo các thuyền xin ăn. Nhưng chả có lúc nào câu được nhiều cá đủ để đổi lấy một cái khố. Vì thế anh vẫn phải chịu trần truồng mãi.

Một hôm, Đồng Tử đang mang cá đổi gạo thì chợt thấy có tiếng huyền nao. Mọi người kháo nhau có thuyền của công chúa sắp tới địa phương. Từ đằng xa, chiếc thuyền sơn hiện ra mỗi lúc một lớn, có quân gia cờ quạt, chiêng trống đàn sáo vang động cả một khúc sông. Thấy mọi người đổ ra đường, ra bến đi xem rất đông, Chủ Đồng Tử bí lối không về lều được. Anh đành rúc vào một bụi lau ở bãi rồi bỗng nghĩ ra được một kế giấu mình kín hơn là bôi cát thành một cái huyết rồi nằm xuống, tự vùi mình lại.

Giữa lúc đó thì Tiên Dung sai cấm sào lại rồi bỏ thuyền lên bộ. Tự nhiên công chúa có ý muốn tắm. Theo lệ thường, người ta quây màn

lại một chỗ kín đáo trên đất, rồi đun nước thơm đưa vào để công chúa dùng. Không ngờ chỗ mà bọn thị tỳ quây màn hôm ấy lại chính là chỗ Đồng Tử vui mình. Anh nằm dưới đất chẳng biết gì hết, chỉ nghe có tiếng nện, tiếng chân người giẫm thành thịch và tiếng nước giội rào rào. Cho đến lúc anh thấy toàn thân ướt đầm nước. Rồi chỉ một lúc sau, dòng nước giội hẳn vào người anh. Biết là bại lộ, Đồng Tử ngượng ngùng ngồi nhồm dậy. Công chúa xiết bao kinh ngạc, khi thấy có một người lạ cũng trần truồng như nàng ở trong màn. Thoạt đầu, Tiên Dung tưởng là ma quái, toan la lên để bọn quân hầu vào cứu, nhưng thấy người con trai đó chẳng có chút gì là độc ác, nên nàng cố trấn tĩnh, ôn tồn bảo:

– Người là ai? Tại sao lại vui mình ở đây? Nói mau!

Nghe người trai lạ kể nông nỗi của mình, công chúa rơm rớm nước mắt. Nàng không ngờ trong đất đai của cha nàng trị vì lại có hạng người đói khổ đến nỗi không có lấy một mảnh vải che thân. Cảm lòng chí hiếu của người con trai ngồi trước mặt, Tiên Dung nói một mình: “Những người như thế này chưa chắc bọn con trai trong thiên hạ đã sánh kịp!”. Bỗng chốc nàng đưa gạo cho Đồng Tử:

– Thôi anh tắm rửa đi nhé. Lạ thật! Chắc là ý trời!

Bọn thị tỳ và lính tráng hôm đó rất lấy làm sửng sốt vì thấy từ trong màn bước về thuyền không phải một mình công chúa mà là hai người và người thứ hai lại không phải là nữ mà là một chàng trai khỏe đẹp. Nàng đã sai lấy một bộ võ phục của một viên quan hầu cho Đồng Tử mặc.

Bấy giờ trước mặt mọi người, công chúa thẳng thắn kể cuộc gặp gỡ kỳ dị lúc nãy rồi nói:

– Người này sẽ là chồng tôi!

Nghe thế, Chử Đồng Tử đỏ mặt:

– Tôi không dám, không dám.

Nhưng Tiên Dung bảo:

– Tôi vốn không có ý định lấy chồng. Nay tình cờ gặp gỡ thế này chắc có trời xui.

Tất cả đều theo ý Tiên Dung. Duy có hai viên quan hầu và một số thị tỳ, lính tráng không cho là cuộc phối hợp tốt đẹp. Nhưng thấy công chúa táo bạo lại thường được vua chiều chuộng cho nên cuối cùng họ cũng không dám cản. Và rồi hôn lễ cử hành ngay trên sông, có một số đông bộ lão trong vùng tới dự.

Nhưng khi tin báo về cung, vua Hùng không ngăn được cơn giận dữ. Vua bảo quần thần:

– Thà nó không có chồng còn hơn. Thực là đốn mạt! Tại sao nó không chịu hỏi ta. Thôi từ nay nhất thiết cấm cửa. Hễ nó vác mặt về Phong Châu thì cho phép Lạc tướng chém chết trước, tâu sau.

Thuyền của Tiên Dung vừa nhổ neo ra về thì một người em gái của nàng đã lên sai một người đầy tớ trung thành, hỏa tốc báo tin không hay đó cho nàng biết. Nàng nhận tin với một vẻ lo ngại. Nàng đã biết tính vua cha khi thương thì thương rất mực mà khi giận cũng có thể đang tay được. Hai vợ chồng cùng nhau bàn bạc. Cuối cùng, nàng hội họp tất cả những người dưới quyền mình lại rồi nói rõ ý định:

– Vua cha nay không thương ta nữa. Vậy vợ chồng ta quyết định không về. Cho các người được về với cha ta và về với bà con làng nước.

Hai vợ chồng từ đó sống một cuộc đời mới. Họ giao thiệp với các thuyền buôn nước ngoài vẫn thường ghé vào để bán hàng và cất hàng. Công cuộc buôn bán của họ mỗi ngày một khá. Chỗ bến sông ấy dần dần trở thành một cái chợ thu hút được nhiều người.

Một hôm, Đồng Tử mang vàng theo một khách buôn lớn định ra nước ngoài mua hàng tận gốc để kiếm một số lãi to. Họ dong buồm đi về phương Nam. Chỉ trong năm ngày đến một ngọn núi giữa biển, gọi là núi Quỳnh Viên, thuyền dừng lại lấy nước ngọt. Đồng Tử bước lên đất rồi vui chân, anh trèo mãi lên tận đỉnh núi. Đang say sưa ngắm cảnh,

bỗng nhiên Đồng Tử thấy mình đứng trước một cái am nhỏ. Trước am có một đạo sĩ ngồi định thần trên một phiến đá. Anh bước tới toan cất tiếng thì người kia đã hỏi trước:

– Thằng bé Chử! Sao lại muộn thế?

Biết là bậc thần thánh, anh phủ phục xuống bên cạnh người lạ, xin làm đồ đệ. Khi bọn lái thuyền đến am tìm Chử Đồng Tử thì anh trao tất cả vàng cho họ và nói:

– Các bác cứ cầm lấy mà buôn bán. Tôi sẽ ở đây cho đến khi thành đạo.

Đồng Tử hiểu đạo rất chóng. Sư phụ còn dạy cho anh nhiều phép màu nhiệm. Cho đến khi chiếc thuyền buôn trở lại đón, thì anh được sư phụ trao cho một chiếc gậy, một cái nón và bảo:

– Thế là con có thể hạ sơn được. Ta giao cho con những vật này. Tất cả sự linh diệu đều ở đó cả.

Bước xuống thuyền, Đồng Tử không ngờ số vốn của mình hồi trước giờ đây người ta đã làm nảy nở gấp mười. Nhưng nhìn những thoi vàng sáng chói, anh không thấy thích thú như xưa. Những câu chào hỏi, những lời bàn bạc tính toán nhao nhao của các bạn buôn bây giờ đối với anh đều nhạt nhẽo. Về đến nhà, Đồng Tử truyền đạo lại cho vợ. Cũng như chồng, Tiên Dung học đạo rất chóng. Thế rồi một hôm, hai vợ chồng đem tất cả gia sản của mình phân phát cho những người nghèo khổ trong vùng. Mọi người đều lấy làm lạ khi thấy hai vợ chồng công chúa bỏ sự làm ăn đang thịnh để ra đi, không biết là đi đâu. Hai vợ chồng ngày đi đêm nghỉ cốt tìm thầy học đạo thêm nữa.

Một hôm, trời đã tối, họ đi mãi, rất mệt nhưng vẫn chưa gặp một cái quán nào. Chỗ này không nghe qua một tiếng gà gáy chó sủa. Cuối cùng, họ nghỉ lại trên bãi cỏ ven sông. Đồng Tử cầm gậy của mình xuống đất rồi úp nón lên che sương. Canh ba đêm hôm ấy, bỗng có tiếng chuyển động dữ dội. Thế là phút chốc họ không phải nằm trên bãi cỏ nữa mà

nằm trên một chiếc giường ngọc trong một tòa lầu chầu gối êm dịu như nhung. Quần áo của họ mặc là thứ quần áo màu, lấp lánh như vảy bạc. Khi ra dẫy hành lang có bao lơn trắng như tuyết, hai vợ chồng mới biết không phải chỉ có một nhà mà là rất nhiều nhà, nhiều lầu. Ngoài xa xa lại có một bức thành chạy dài ôm lấy khu vực này. Đến đâu cũng có người hầu hạ và quân lính canh gác. Họ ăn bận nhiều màu nhiều kiểu rất đẹp. Tiên Dung hỏi hai người thị nữ:

– Đây là chốn nào?

Họ đáp:

– Đây là giang sơn riêng của công chúa như lời ước muốn của người.

Vua Hùng nghe tin, sợ công chúa làm phản bèn sai quân đến đánh. Đội quân đến bên kia bờ sông thì trời đã tối. Họ dừng lại bắc cầu phao. Khoảng canh ba, bỗng có tên quân vào báo với Tiên Dung và Đồng Tử quân của nhà vua đã bắc xong cầu phao. Hai vợ chồng ngồi dậy cùng hưởng mặt lên trời. Thế là một trận bão vụt nổi lên, mỗi lúc một dữ dội. Đồng thời đất chuyển động ầm ầm. Gió xoáy một cách kinh khủng đến nỗi có thể bốc tất cả mọi thứ trên mặt đất ném đi nơi khác.

Sáng hôm sau, nhân dân quanh vùng cũng như quân đội vua Hùng đều thấy một sự lạ chưa từng có. Bão đã tạnh từ lâu, nhưng thành quách của công chúa, kể cả cung điện, nhà cửa, quần gia, súc vật, đồ dùng đều bay đâu mất cả không còn sót một tí gì. Giữa đó là một cái đầm rộng mênh mông, đầy nước trắng xóa. Duy chỉ có cái nền cung của hai vợ chồng công chúa thì vẫn còn. Người ta gọi cái đầm ấy là đầm Nhất Dạ (Một Đêm) và cái nền ấy là bãi Tự Nhiên. Về sau trên cái nền ấy, người ta có lập miếu thờ hai vợ chồng Chủ Đồng Tử.

(Truyện cổ tích Việt Nam)

Việc 2 – Luyện tập

1. Các em cho biết: trong câu chuyện giữa nàng Tiên Dung và chàng trai họ Chử, con người đã biết làm những nghề gì? Có còn bó hẹp trong chỉ một “nghề” đánh thủy quái như thời của Lạc Long Quân không?
2. Qua câu chuyện Tiên Dung – Chử Đồng Tử, có vẻ như nhà vua ác hơn các thời khác. Em có thấy vậy không? Vua Hùng có âm mưu gì hãm hại con gái yêu?
3. Qua câu chuyện Tiên Dung – Chử Đồng Tử, con người có thái độ như thế nào đối với vàng bạc? Trước đó, lễ vật hỏi vợ của Sơn Tinh và Thủy Tinh có gì, đã có vàng bạc chưa?
4. Thế nhưng em thấy Tiên Dung và Chử Đồng Tử có vẻ thích vàng bạc châu báu không? Em đoán xem: hình như người kể chuyện Tiên Dung – Chử Đồng Tử có ý định đưa ra một tôn giáo gì khác? (Câu hỏi này cho các em “nợ” – nhớ ghi vào Sổ tay học Văn, lúc khác sẽ “đòi nợ” các em!)

TIẾNG NÓI TỰ SỰ - NGƯỜI KỂ VÔ DANH

Việc 1 – Đọc thầm

Thần Prometheus

Thần Prometheus là con trai của thần khổng lồ Titan và nữ thần Hải dương. Thời bấy giờ, do bất bình trước những việc làm xấu xa của loài người, thần Zeus tỏ ra rất hà khắc đối với họ. Điều này đã làm cho nhiều vị thần ái ngại, nhưng hầu như không ai dám phản đối Zeus chúa tể của muôn loài. Thế nhưng vẫn có một vị thần luôn bày tỏ thiện cảm đối với loài người, đó là thần Prometheus.

Khi ấy, loài người đang sống trong cảnh hoang sơ, chưa phát minh ra nhiều nghề. Nghề nông và các nghề thủ công đều do các thần linh ban tặng. Thần Prometheus cũng tham gia vào việc dạy loài người. Thần đã dạy loài người nghề cày ruộng, nghề đóng thuyền, rồi sau đó thần còn dạy cho loài người biết cả viết cả đọc. Điều này đã làm cho cuộc sống loài người trở nên hạnh phúc và làm cho thần Zeus rất tức giận.

Thần Zeus còn tức giận hơn nữa là Prometheus đã lừa dối cả thần Zeus để giúp đỡ loài người. Một hôm, tại một buổi tế lễ long trọng, thần Prometheus nhận nhiệm vụ chia phần, vật tế thần Zeus hôm đó là một con bò đực. Sau khi cúng lễ xong, thần Prometheus mổ thịt bò: một bên chàng xếp thịt và lòng bò vào với nhau rồi lấy miếng da bụng bò đậy lên trên; bên kia chàng chắt một đồng xương đã lọc hết thịt rồi đậy miếng mỡ trắng lên trên. Sau đó thần bảo thần Zeus hãy chọn lấy phần của mình, còn đâu sẽ là phần của loài người. Zeus đã chọn phần có miếng mỡ trắng, đến khi thấy dưới lớp mỡ chỉ toàn xương là xương, thần Zeus vô cùng tức giận liền trừng phạt loài người bằng cách lấy hết lửa của loài người đem về trời. Thần Prometheus lại tiếp tục bênh vực và giúp

đỡ loài người, thần lấy trộm lửa từ lò rèn của thần Lửa đem xuống trần cho họ.

Lần này thì thần Zeus trừng phạt khủng khiếp hơn, thần không chỉ trừng phạt loài người, mà thần còn thẳng tay trừng phạt Prometheus.

Để trừng phạt loài người, thần Zeus đã tạo ra một người đàn bà trần tục vô cùng xinh đẹp, nhưng lại có tính xảo quyệt dối trá, có tên là Pandora, để sai xuống trần gieo rắc những điều xấu xa cho loài người. Còn đối với vị thần bảo trợ của loài người là chàng Prometheus quật cường thì Zeus đặt cho hình phạt thật khủng khiếp: thần Zeus sai hai chị em thần linh dũng mãnh là nữ thần Bạo Lực với thần Sức Mạnh bắt trói thần Prometheus lại rồi đưa đến giam trên đỉnh núi Caucasus hoang vắng xa xôi quanh năm tuyết phủ. Tại đây, họ có nhiệm vụ xích thần Prometheus vào đỉnh núi đá.

Hai người này có thân hình khổng lồ như thể được tạc bằng đá hoa cương, họ có một trái tim cứng rắn, không hề biết động lòng, trong mắt họ không bao giờ thấy lộ ra một tia sáng yêu thương, còn thân hình thì thô kệch như những tảng đá, theo sau họ là thần Lửa cúi đầu lê bước chân tập tễnh, với chiếc búa nặng trĩu trong tay. Thần Lửa sẽ phải thực hiện một công việc kinh khủng: thần phải tự tay mình xích thần Prometheus người bạn tốt của mình vào đá. Số phận của bạn làm cho thần vô cùng đau lòng, nhưng thần không dám trái lệnh của Zeus, vì thần sấm sét không khoan nhượng.

Nữ thần Bạo Lực và thần Sức Mạnh lôi Prometheus lên đỉnh một tảng đá rồi giục thần Lửa làm ngay đi cho xong việc. Lời lẽ thô bạo của họ càng làm cho thần Lửa thêm đau lòng. Chàng miễn cưỡng cầm lấy búa và làm việc một cách uể oải. Nhưng nữ thần Bạo Lực luôn giục chàng:

– Nào nhanh tay lên đi! Đừng có đau khổ vô ích làm gì! Vì đây là kẻ thù của thần Zeus. Nên nhớ là thần Zeus đang theo dõi nhà ngươi đấy, nếu nhà ngươi không xiềng được cho chắc thì đừng có trách!

Thế là thần Lửa buộc phải xiềng chân tay Prometheus bằng những sợi dây xích chắc khỏe không bao giờ đứt. Giờ đây chàng mới cảm ghét cái tay nghề của mình biết bao! Chính vì nó mà chàng phải làm cái công việc đau lòng này. Hai tên hộ vệ của thần Zeus không ngừng theo dõi chàng trong suốt thời gian chàng làm việc.

– Nện búa cho mạnh vào! Siết chặt còng vào! Liệu hồn đừng có nới còng ra đấy nhé! – Mụ thần Bạo Lực luôn mồm đe nẹt – Xích chặt vào để cho hấn biết thế nào là lừa dối thần Zeus!

– Những lời nói nhẩn tâm của mi sao mà hợp với cái bộ dạng xấu xa của mi thế! – thần Lửa vừa kêu lên vừa bắt tay vào việc.

Tảng đá rung chuyển dưới sức nặng của nhát búa, và tiếng búa nện âm vang từ đầu này đến đầu kia trái đất. Cuối cùng thì việc xích thần Prometheus cũng đã xong. Nhưng chưa hết: thần còn phải bị ghim cả cơ thể vào tảng đá bằng một chiếc đinh lớn đóng xuyên qua ngực thần.

Thần Lửa ngáp ngừng thốt lên:

– Ôi, Prometheus! Ta thật đau lòng khi thấy người phải chịu đau khổ như thế này!

– Mi lại lẩn tránh đấy hả? – Mụ Bạo Lực giận dữ bảo thần Lửa – Đừng có khóc than cho một tên kẻ thù của thần Zeus như thế nữa! Hãy coi chừng đấy, đừng để cho đến lúc mi phải tự khóc than cho chính mình!

Cuối cùng thì mọi việc cũng đã hoàn tất, nữ thần Bạo Lực bảo với Prometheus:

– Thôi nhé, giờ thì nhà ngươi có thể tha hồ mà tỏ ra kiêu hãnh! Nhà ngươi cứ việc mà ăn cắp quà cáp của thần linh đem cho loài người. Để xem lũ người trần tục của nhà ngươi có giúp được gì cho người không! Có lẽ người sẽ phải tự nghĩ cách thoát thân thôi.

Nhưng Prometheus vẫn kiêu hãnh không nói gì. Trong suốt thời gian thần Lửa làm công việc xích chàng vào đá, chàng không hề hé răng nói một lời, cũng không hề rên rỉ hoặc tỏ ra đau đớn một chút nào. Hai kẻ

hộ vệ của thần Zeus bỏ ra về, cả thần Lửa đau khổ cũng phải lùi thối đi theo sau. Còn lại một mình Prometheus, giờ đây chỉ có mây đen và biển cả mới có thể nghe thấy được lời chàng. Chỉ đến lúc ấy chàng mới cất lên một tiếng thở dài náo lòng, và chỉ đến lúc ấy chàng mới gào lên than vãn cho số phận cay đắng của mình. Những lời khóc than của chàng bộc lộ một nỗi đau không thể tả nổi:

– Ôi, hỡi thần Không Khí cao xanh thần thánh, hỡi các vị thần gió bay nhanh như tên bắn, hỡi các vị thần sông thần suối, hỡi các vị thần biển rì rào quanh năm, hỡi nữ thần Đất, mẹ của muôn loài, hỡi thần Mặt Trời sáng chói nhìn thấu mọi vật trên thế gian! Tất cả các vị hãy đến làm chứng cho ta. Các vị hãy ghi nhớ những nỗi cực hình mà ta phải chịu đựng. Các vị sẽ được chứng kiến nỗi nhục sẽ đeo đẳng ta hết năm này sang năm khác. Ôi, khốn nạn thân ta! Chẳng lẽ ta sẽ phải chịu cực hình vĩnh viễn như thế này sao? Liệu ta có thoát được những cảnh đau khổ này không? Ôi nhưng mà ta đang nói nhảm gì vậy? Ta biết rõ rằng số mệnh là không thể cưỡng nổi. Ta sẽ phải chịu đựng những cực hình này. Nhưng mà vì sao chứ? Chỉ vì ta đã ban thưởng quà cáp cho người trần mà ta phải chịu cực hình khủng khiếp như vậy sao? Khốn nạn thân ta!

Nhưng kìa, trên không trung có tiếng cánh vỗ phấp phật như thể có một đàn chim đang bay tới. Đó chính là các nữ thần Hải Dương đang cưỡi xe bay từ đại dương xa xôi của vị thần Hải Dương già cả kéo đến. Họ đã nghe thấy tiếng búa gõ của thần Lửa và tiếng than vãn của Prometheus. Nước mắt chảy ướt nhòa những khuôn mặt vô cùng xinh đẹp của các nữ thần Hải Dương khi họ nhìn thấy vị thần Titan khổng lồ dũng mãnh đang bị xích vào tảng đá. Chàng là anh em họ với các nữ thần Hải Dương: cha chàng là anh em với vị thần Hải Dương già cả, còn vợ chàng là chị em với họ.

Các nàng nữ thần Hải Dương kéo đến vây quanh Prometheus. Số

phận của chàng làm cho họ vô cùng đau lòng, nhưng những lời nguyên rủa của chàng dành cho thần Zeus và cho các thần trên núi Olympus lại làm cho họ hoảng sợ. Họ sợ nếu thần Zeus nghe thấy sẽ trừng phạt chàng khủng khiếp hơn. Vì không biết nguyên nhân gì đã làm cho Prometheus phải chịu một hình phạt tàn nhẫn như thế, nên các nữ thần Hải Dương liền xin chàng kể cho họ nghe. Chàng liền kể đầu đuôi sự tình, từ lúc chàng giúp thần Zeus đánh nhau với các vị thần khổng lồ Titan ra sao, rồi chàng đã thuyết phục mẹ chàng là nữ thần Themis cùng nữ thần Đất đứng về phe thần Zeus như thế nào. Sau đó thần Zeus chiến thắng các vị thần Titan, rồi theo lời khuyên của chàng, thần Zeus đã giam họ xuống vực thẳm. Ngay sau khi làm chủ được thế giới, thần Zeus đã phân chia quyền lực cho các anh em của thần trên núi Olympus mà không hề nhớ đến công lao của những vị thần Titan đã đứng về phe thần trong cuộc chiến vừa rồi.

Thần Zeus căm ghét các vị thần Titan vì thần sợ sức mạnh khủng khiếp của họ. Ngay cả đối với Prometheus thần cũng không tin tưởng và còn tỏ ra không ưa chàng. Thần càng căm ghét chàng hơn khi chàng bênh vực những người trần bất hạnh, những người mà thần Zeus muốn triệt hạ. Nhưng Prometheus rất thương những người trần này, những người mà khi đó còn chưa có trí khôn. Chàng đã thổi vào linh hồn họ niềm tin, là thứ tình cảm mà họ vẫn chưa hề được biết, và chàng ăn cắp lửa của thần linh đem xuống trần cho họ, mặc dù chàng biết làm như thế sẽ không thoát khỏi sự trừng phạt của thần Zeus. Ngay cả lời tiên tri của nữ thần mẹ chàng cũng không ngăn cản được ý nguyện kiêu hãnh của chàng muốn được cứu giúp người trần.

Các nữ thần Hải Dương đang căng thẳng lắng nghe câu chuyện của chàng Prometheus kiêu hãnh, thì bên cạnh họ bỗng xuất hiện lão thần Hải Dương. Ông khuyên nhủ chàng hãy thần phục quyền năng của thần Zeus. Vì ông biết rõ rằng không thể chống lại được đâu... Ông đau khổ

khi thấy Prometheus phải chịu cực hình như thế kia. Ông ngỏ ý sẵn sàng bay đến núi Olympus để xin thần Zeus tha thứ cho chàng, mặc dù ông biết điều đó có thể sẽ làm cho thần Zeus nổi giận. Nhưng Prometheus kiêu hãnh đáp:

– Không, tốt hơn hết là ông hãy tránh xa nguy hiểm. Ta sợ rằng làm như thế ông chỉ tự chuốc lấy phiền toái mà thôi. Hãy để mặc ta chịu đựng số phận.

– Ôi, có lẽ là ta không thực hiện được ý nguyện của mình rồi! Hỡi Prometheus, cậu nên biết rằng ta đến đây chỉ vì ta lo lắng và thương cảm cho cậu.

– Thôi đủ rồi! Ông hãy đi khỏi đây ngay!

Lão thần buồn rầu lên xe quay về.

Prometheus lại kể tiếp cho các nàng nữ thần hải dương nghe câu chuyện của mình. Chàng kể mình đã dạy cho loài người nhiều nghề thủ công, dạy cho họ cách làm tính, dạy họ cách đọc, cách viết, chỉ cho họ biết những thứ được gọi là kim loại và dạy họ cách lấy kim loại từ trong lòng đất để gia công chúng làm đồ dùng. Prometheus còn là người thuần dưỡng bò tót để kéo xe cho loài người. Chàng còn đóng cho họ con thuyền đầu tiên và trang bị cho con thuyền đủ thứ để cho họ có khả năng đi biển. Trước đây loài người không biết bào chế thuốc, họ chỉ nhờ cậy vào sự chữa chạy của thần linh. Prometheus lại là người đầu tiên tiết lộ cho họ cách bào chế thuốc. Tóm lại, Prometheus là vị thần đã dạy cho loài người tất cả những gì có thể làm cho cuộc sống của họ trở nên dễ chịu và hạnh phúc, vì thế mà thần Zeus đã căm ghét và trừng phạt chàng.

Nhưng thực ra cái lý do để thần Zeus trừng phạt Prometheus lại là vì chàng nắm giữ một bí mật có liên quan đến thần Zeus mà chàng không chịu tiết lộ. Vì có tài tiên tri, chàng biết rằng đến một ngày nào đó thần Zeus sẽ bị lật đổ khỏi ngai vàng, và quan trọng hơn là chàng biết cách để tránh cho thần Zeus khỏi mắc phải tai họa đó. Nhưng chàng dứt

khoát không chịu nói cho thần Zeus biết. Không có sự đe dọa và hình phạt khắc nghiệt nào trên đời có thể làm cho Prometheus hé răng.

Nghe xong chuyện của Prometheus, các nàng nữ thần hải dương vô cùng kinh hãi. Họ vô cùng thán phục óc thông tuệ và ý chí sắt đá của Prometheus, người duy nhất dám chống lại vị chúa tể của muôn loài. Họ cũng hiểu rằng, với việc nắm giữ bí mật kia, thần Prometheus chỉ chuốc lấy những hình phạt càng khủng khiếp hơn thôi. Nhưng Prometheus vẫn khẳng khái nói:

– Hỡi thần Zeus, chúa tể của sấm sét! Hãy nhớ rằng sẽ đến ngày mi bị lật đổ. Mi sẽ mất quyền hành và sẽ bị quăng xuống vực thẳm. Khi ấy lời nguyện của thần Cronos cha mi sẽ thành hiện thực. Không có một vị thần nào biết cách bày cho mi tránh khỏi định mệnh tai ác này, chỉ có ta! Được rồi, giờ đây mi cứ việc tác oai tác quái với những chiếc lưới tầm sét của mi đi! Nhưng chúng sẽ chẳng giúp ích được gì cho mi đâu, bởi vì không ai có thể tránh khỏi được định mệnh. Khi nào mi bị biến thành cát bụi thì mi mới hiểu được sự khác nhau giữa quyền hành và nô lệ là như thế nào.

Prometheus vừa nói xong câu đó thì họ nghe thấy trên không trung có tiếng gió rít như tiếng một ngôi sao sa và trước mặt Prometheus xuất hiện vị thần Đưa Tin Hermes. Chính thần Zeus đã sai Hermes đến yêu cầu Prometheus nói cho biết điều bí mật: ai là người sẽ lật đổ ngai vàng của Zeus và làm cách nào để tránh được định mệnh đó. Hermes đe dọa rằng nếu Prometheus không nói thì sẽ phải chịu một hình phạt còn khủng khiếp hơn. Nhưng vị



thần khổng lồ Prometheus vẫn hiên ngang không chịu khuất phục và giễu cợt trả lời Hermes:

– Mi thật là trẻ con nếu nghĩ rằng mi có thể moi được điều gì của ta. Hãy nghe ta nói đây: ta không bao giờ đánh đổi cực hình lấy kiếp sống của một kẻ nô lệ! Thà bị xích vào đá như thế này còn hơn là phải làm nô lệ cho thần Zeus bạo chúa!

– Vậy thì mi hãy nghe đây, hỡi Prometheus – thần Hermes bảo – nếu mi không tuân lệnh thần Zeus, thì chỉ bằng một đòn sấm sét, thần Zeus sẽ quăng cả tảng đá này cùng với mi xuống vực thẳm tối tăm. Ở dưới đó, trong nhà ngục bằng đá, mi sẽ phải chịu cực hình đau đớn hết năm này sang năm khác trong cảnh tối tăm không có một chút ánh sáng mặt trời. Rồi sau hàng trăm năm, thần Zeus sẽ lại lôi mi lên mặt đất. Nhưng không phải để cho mi được sung sướng hưởng ánh sáng đâu, mà là để hằng ngày có một con chim đại bàng đến dùng móng vuốt và chiếc mỏ nhọn hoắt moi lá gan của mi ra ăn sống. Yên tâm đi, đến đêm lá gan của mi sẽ lại mọc ra như cũ để sáng hôm sau con chim lại bay đến moi ra dùng làm bữa điểm tâm! Cứ thế nỗi đau đớn của mi sẽ càng ngày càng khủng khiếp hơn. Mi sẽ phải chịu cực hình như thế cho đến khi có kẻ nào tự nguyện xuống Âm Phủ thay chỗ cho mi. Hãy nghĩ kĩ đi Prometheus, có phải là nghe lời thần Zeus sẽ tốt hơn không?

Nhưng vị thần khổng lồ kiêu hãnh vẫn kiên cường không chịu khuất phục. Thế là bất đồ chàng thấy đất dưới chân mình rung chuyển, một tiếng sấm rền vang kèm theo một ánh chớp chói lòa. Tảng đá dưới lưng chàng lung lay tận gốc rễ. Trong tiếng gào rú của sấm sét và bão tố vang lên tiếng thét của Prometheus:

– Ôi mẹ ơi! Hãy xem thần Zeus xử sự bất công thế này đây!

Đúng lúc đó, với một tiếng rít khủng khiếp, tảng đá trên đó có Prometheus bị xích tách ra lăn xuống vực thẳm không đáy. Trải qua hàng mấy trăm năm, một hôm thần Zeus lại lôi Prometheus lên mặt

đất. Nhưng những cực hình của chàng chưa phải đã chấm dứt. Trái lại, chúng còn bị nhân lên gấp bội: chàng lại bị xích chặt và bị đóng đinh vào núi đá. Vào những ngày hè, khi thì ánh sáng mặt trời mặc sức thiêu đốt chàng, khi thì những cơn mưa đá quất tới tấp vào mặt chàng đau rát; còn vào những ngày mùa đông thì tuyết rơi chất đống trên người chàng làm cho chàng lạnh cóng đến tận xương tủy. Nhưng như



thế đã hết đâu! Ngày ngày, một con chim đại bàng khổng lồ bay đến đậu trên ngực chàng, nó dùng những chiếc móng vuốt cứng như thép xé rách lồng ngực chàng ra rồi dùng mỏ moi gan ăn sống. Máu chàng chảy lênh láng, nhuộm đỏ cả tảng đá rồi đọng lại đen đặc dưới chân tảng đá. Từ những vũng máu đen ấy bốc lên một mùi hôi thối nồng nặc lan ra khắp vùng. Đêm đến vết thương trên ngực Prometheus lại liền lại, lá gan lại mọc ra như cũ để tới sáng hôm sau nó lại được dùng làm bữa sáng cho con chim đại bàng. Cực hình của chàng cứ diễn ra như vậy qua hàng trăm năm. Cuối cùng thần Prometheus gần như kiệt sức, nhưng lòng kiêu hãnh của chàng vẫn không hề chịu khuất phục. Đến lúc này các thần Titan đều đã chịu thần phục thần Zeus từ lâu rồi, và thần Zeus cũng đã đưa họ ra khỏi vực thẳm địa ngục. Sau đó tất cả các vị thần Titan đều kéo nhau đến chỗ Prometheus bị xiềng, họ ngồi vây quanh tảng đá của Prometheus và thi nhau khuyên chàng thần phục thần Zeus. Cả mẹ chàng là nữ thần Themis cũng đến cầu xin chàng bỏ bớt cái tính kiêu hãnh bướng bỉnh đi. Bà cầu xin chàng hãy thương bà,

bởi vì bà không thể chịu nổi khi nhìn thấy con trai bà phải chịu cực hình như vậy. Ngay cả thần Zeus cũng đã quên đi mối hiểm thù xưa kia, giờ đây vương quốc của thần đã trở nên vững mạnh, không có cái gì có thể làm cho nó lung lay được, và thần không còn sợ một điều gì nữa. Thần cũng không còn tỏ ra là một bạo chúa nữa: thần đã thực hiện việc cai trị theo pháp luật, bảo vệ trật tự cho các quốc gia và cho loài người. Chỉ còn một điều duy nhất làm cho thần lo lắng, đó là bí mật mà chỉ có thần Prometheus mới biết. Thần Zeus sẵn sàng tha thứ cho Prometheus nếu chàng tiết lộ điều bí mật kia cho thần.

Đã đến lúc Prometheus được thoát khỏi cực hình. Giờ đây có một người tráng sĩ vĩ đại đã đến tuổi trưởng thành và được trao nhiệm vụ giải thoát cho Prometheus. Cuối cùng thì trên con đường đi thực hiện nhiệm vụ của mình, người tráng sĩ đã có dịp đi qua nơi giam giữ Prometheus. Tráng sĩ

đó chính là Heracles, người khỏe nhất trong số những người trần và kiêu hãnh chẳng kém gì một vị thần. Tới nơi, Heracles kinh hoàng nhìn thấy cực hình đau đớn của thần Prometheus và chàng vô cùng thương xót



Heracles giải cứu cho Prometheus – Tranh cổ Hi Lạp

thần. Prometheus kể cho Heracles nghe về số phận cay đắng của mình, và, với tài tiên tri, thần tiên đoán cho tráng sĩ biết những chiến công anh dũng mà tráng sĩ sẽ còn tiếp tục thực hiện trong đời chàng. Heracles chăm chú lắng nghe tất cả những gì Prometheus nói, nhưng chàng vẫn còn chưa thấy được hết nỗi khủng khiếp trong cực hình của thần.

Bỗng từ xa chàng nghe thấy tiếng vỗ cánh của một con chim khổng lồ, đó chính là con đại bàng đến để hưởng bữa tiệc máu của nó. Con chim khổng lồ bay lượn mấy vòng trên đầu Prometheus chuẩn bị lao xuống ngực thần, nhưng Heracles quyết định không cho phép nó hành hạ Prometheus thêm nữa, chàng cầm lấy cây cung, rút một mũi tên độc ra rồi vừa ngắm con chim vừa cầu viện thần Apollo thiện xạ giúp cho mũi tên của mình cắm trúng đích. Dây cung buông ra rung lên bần bật và mũi tên lao vút đi cắm trúng vào tim con chim khổng lồ. Con chim đại bàng rớt xuống ngay tại chân tảng đá. Đã đến giờ phút thần Prometheus được giải thoát! Từ đỉnh núi Olympus, thần Hermes bay đến gặp Prometheus, rồi với lời lẽ ngọt ngào, Hermes hứa với Prometheus rằng sẽ giải thoát cho thần ngay sau khi thần tiết lộ điều bí mật về việc thần Zeus phải làm thế nào để thoát khỏi được định mệnh tai ương dành cho thần. Cuối cùng thì thần Prometheus dững mãi cũng chịu nhượng bộ, thần nói:

– Ta biết là thần Zeus đang rất yêu nữ thần biển Thetis. Nhưng các vị nữ thần Số Mệnh đã ấn định số phận cho nàng Thetis rằng bất kể ai là chồng nàng thì cũng sẽ sinh một người con trai dững mãi hơn cả cha nó. Cho nên thần Zeus không được lấy Thetis làm vợ mà hãy gả nàng cho một tráng sĩ người trần tên là Peleus.

Thế là bí mật đã được tiết lộ. Heracles liền vung chùy đập tan chiếc cùm giam giữ chân tay Prometheus và rút chiếc đinh thép ra khỏi ngực thần. Thần Prometheus vươn người đứng dậy: thần đã được tự do! Mọi cực hình đã chấm dứt. Vậy là lời tiên tri đã thành hiện thực: thần Prometheus sẽ được giải thoát bởi bàn tay của một người trần! Có lẽ đó là sự đền đáp của người trần đối với những gì thần đã làm cho loài người với tất cả tấm lòng yêu thương và cao thượng, bất chấp hiểm nguy và cực hình đau đớn dành cho bản thân mình. Nghe tin Prometheus được giải thoát, tất cả loài người cùng các vị thần đều hò reo vui sướng.

Từ đó thần Prometheus mang trên tay một chiếc vòng sắt có gắn viên đá lấy từ phiến đá mà ở đó thần đã phải chịu cực hình cay đắng suốt mấy trăm năm. Cùng lúc đó thần Nhân Mã cũng tự nguyện xuống Âm Phủ chết thay cho Prometheus để Prometheus được bất tử, làm như thế thần Nhân Mã cũng thoát được sự hành hạ bởi vết thương do Heracles vô tình gây ra cho ông. Còn Thetis, sau khi lấy Peleus đã sinh ra Achilles, người mà sau này đã trở thành tráng sĩ dũng mãnh nhất trong số các tráng sĩ của dân tộc Hi Lạp.

(Thần thoại Hi Lạp – Nguyễn Văn Dân
sưu tầm và biên soạn)



Hình thần Prometheus trên đồ trang trí Hi Lạp

TIẾNG NÓI TỰ SỰ - NGƯỜI KỂ VÔ DANH

Thần thoại Hy Lạp - Prometheus (tiếp)

Việc 2 - Luyện tập

1. Các em có nhận thấy những chuyện kể trong thần thoại Hy Lạp rất giống với chuyện con người trần gian không? Em hãy kể tên:
 - a. Ai là người cao cả, kẻ hèn nhát?
 - b. Ai là người biết trả ơn trả nghĩa?
 - c. Ai là người tàn bạo đến cùng?
2. Nhưng đây mới là điều đáng chú ý: ngay thần Zeus và thần Prometheus đối địch nhau cuối cùng cũng một người về già kiệt sức mặc dù tưởng như có thể sống trong quyền lực vĩnh viễn và một người cũng chịu nhượng bộ? Em kể lại hai chi tiết đó ở cuối truyện.
3. Những nỗi đau khổ trút lên vai thần Prometheus có tượng trưng cho mọi khổ đau của con người không? Chi tiết con đại bàng ăn gan Prometheus và ngay trong đêm các vết thương lại lành để ngày hôm sau lại chịu cực hình... Em giải thích về chi tiết đó.
4. Mới đầu câu chuyện, tưởng như thần Zeus căm ghét Prometheus chỉ vì vị thần này làm nhiều điều có lợi cho con người dưới trần. Mãi về sau mới biết nguyên nhân là ở chỗ Prometheus là vị thần duy nhất nắm được bí mật duy nhất của thần Zeus. Điều đó có ý nghĩa gì?

Việc 3 - Viết bài

Mời các em viết bài giới thiệu thể tự sự với những dẫn chứng qua các tác phẩm vô danh để nói về cuộc sống của con người từ thuở hỗn mang đến khi có cuộc sống văn minh.

THỂ TỰ SỰ HIỆN ĐẠI

Việc 1 – Đọc thầm

Mời các em đến với một truyện ngắn của nhà văn Nam Cao.



Nhà văn Nam Cao (1915–1951)

Lão Hạc

Lão Hạc thối cái môi rơm, châm đóm. Tôi đã thông điếu và bỏ thuốc rồi. Tôi mời lão hút trước. Nhưng lão không nghe...

– Ông giáo hút trước đi.

Lão đưa đóm cho tôi...

– Tôi xin cụ...

Và tôi cầm lấy đóm, vo viên một điếu. Tôi rít một hơi xong, thông điếu rồi mới đặt vào lòng lão. Lão bỏ thuốc, nhưng chưa hút vội. Lão cầm lấy đóm, gạt tàn, và bảo:

– Có lẽ tôi bán con chó đấy ông giáo ạ!

Lão đặt xe điếu, hút. Tôi vừa thở khói, vừa gà gà đôi mắt của người say, nhìn lão, nhìn để làm ra vẻ chú ý đến câu nói của lão đó thôi. Thật ra thì trong lòng tôi rất dửng dưng. Tôi nghe câu ấy đã nhàm rồi. Tôi lại biết rằng: lão nói là nói để có đấy thôi; chẳng bao giờ lão bán đâu. Vả lại, có bán thật nữa thì đã sao? Làm quái gì một con chó mà lão có vẻ băn khoăn quá thế!...

Lão hút xong, đặt xe điếu xuống, quay ra ngoài, thở khói. Sau một điếu thuốc lào, óc người ta tê dại đi trong một nỗi mê nhẹ nhõm. Lão Hạc ngồi lặng lẽ, hưởng chút khoái lạc của con con ấy. Tôi cũng ngồi lặng lẽ. Tôi nghĩ đến mấy quyển sách quý của tôi. Hồi bị ốm nặng ở Sài Gòn tôi bán gần hết cả áo quần, nhưng vẫn không chịu bán cho ai một quyển. Ốm dậy, tôi về quê, hành lý chỉ vắn vẹo có một cái va-ly đựng toàn những sách. Ôi những quyển sách rất nâng niu! Tôi đã nguyện giữ chúng suốt đời, để lưu lại cái kỷ niệm một thời chăm chỉ, hăng hái và tin tưởng đầy những say mê đẹp và cao vọng: mỗi lần mở một quyển ra, chưa kịp đọc dòng nào, tôi đã thấy bừng lên trong lòng tôi như một rạng đông, cái hình ảnh tuổi hai mươi trong trẻo, biết yêu và biết ghét... Nhưng đời người ta không chỉ khổ một lần. Mỗi lần cùng đường đất sinh nhai, và bán hết mọi thức rồi, tôi lại phải bán đi một ít sách của tôi. Sau cùng chỉ còn có năm quyển, tôi nhất định, dù có phải chết cũng không chịu bán. Ấy thế mà tôi cũng bán! Mới cách đây có hơn một tháng thôi, đứa con nhỏ của tôi bị chứng lỵ gần kiệt sức... Không! Lão hạc ơi! Ta có quyền giữ cho ta một tí gì đâu? Lão quý con chó vàng của lão đã thắm vào đâu với tôi quý năm quyển sách của tôi...

Tôi nghĩ thầm trong bụng thế. Còn lão Hạc, lão nghĩ gì? Đột nhiên lão bảo tôi:

– Này! Thằng cháu nhà tôi, đến một năm nay, chẳng có giấy má gì đấy, ông giáo ạ!

À! Thì ra lão đang nghĩ đến thằng con lão. Nó đi cao su năm sáu

năm rồi. Hồi tôi mới về, nó đã hết một hạn công-ta. Lão Hạc, đem thư của nó sang, mượn tôi xem. Nhưng nó xin đăng thêm một hạn nữa... Lão vội cắt nghĩa cho tôi hiểu tại sao lão đang nói chuyện con chó, lại nhẩy vọt sang chuyện thằng con như vậy:

– Con chó là của cháu nó mua đấy chứ!... Nó mua về nuôi, định để đến lúc cưới vợ thì giết thịt...

Ấy! Sự đời lại cứ thường như vậy đấy. Người ta đã định rồi chẳng bao giờ người ta làm được. Hai đứa mê nhau lắm. Bố mẹ đứa con gái biết vậy, nên cũng bằng lòng gả. Nhưng họ thách nặng quá: nguyên tiền mặt phải một trăm đồng bạc, lại còn cau, còn rượu... cả cưới nữa thì mất đến cứng hai trăm bạc. Lão Hạc không lo được. Ý thằng con lão, thì nó muốn bán vườn, cố lo cho bằng được. Nhưng lão không cho bán. Ai lại bán vườn đi mà lấy vợ? Vả lại bán vườn đi, thì cưới vợ về, ở đâu? Với lại, nói cho cùng nữa, nếu đăng nhà gái họ cứ khăng khăng đòi như vậy, thì dầu có bán vườn đi cũng không đủ cưới. Lão Hạc biết vậy đấy, nhưng cũng không dám xằng. Lão tìm lời lẽ giảng giải cho con trai hiểu. Lão khuyên nó hãy dần lòng bỏ đám này, để dúi găng lại ít lâu, xem có đám nào khác mà nhẹ tiền hơn sẽ liệu: chẳng lấy đứa này thì lấy đứa khác; làng này đã chết hết con gái đâu mà sợ?... Lạy trời lạy đất! Nó cũng là thằng khá, nó thấy bố nói thế thì nó thôi ngay, nó không đả động đến việc cưới xin nữa. Nhưng nó có vẻ buồn. Và lão biết nó vẫn theo đuổi con kia mãi. Lão thương con lắm. Nhưng biết làm sao được?... Tháng mười năm ấy, con kia đi lấy chồng; nó lấy con trai một ông phó lý, nhà có của. Thằng con lão sinh phần chí. Ngay hôm sau, nó ra tỉnh đến sở mộ phu, đưa thẻ, ký giấy xin đi làm đồn điền cao su...

Lão rân rân nước mắt, bảo tôi:

– Trước khi đi, nó còn cho tôi ba đồng bạc, ông giáo ạ! Chả biết nó gửi thẻ xong, vay trước được mấy đồng, mà đưa về cho tôi ba đồng. Nó đưa cho tôi ba đồng mà bảo: “Con biếu thầy ba đồng để thỉnh thoảng

thầy ăn quà: xưa nay con ở nhà mãi cũng không nuôi được bữa nào, thì con đi cũng chẳng phải lo, thầy bòn vườn đất với làm thuê làm mướn thêm cho người ta thế nào cũng đủ ăn; con đi chuyến này cố chí làm ăn, bao giờ có bạc trăm con mới về, không có tiền, sống khổ sống sở ở cái làng này, nhục lắm!...”. Tôi chỉ còn biết khóc, chứ còn biết làm sao được nữa? Thẻ của nó, người ta giữ. Hình của nó, người ta đã chụp rồi. Nó lại đã lấy tiền của người ta. Nó là người của người ta rồi, chứ đâu còn là con tôi?...

* * *

Lão Hạc ơi! Bây giờ thì tôi hiểu sao lão không muốn bán con chó vàng của lão. Lão chỉ còn một mình nó để làm khuây. Vợ lão chết rồi. Con lão đi bần bật. Già rồi mà ngày cũng như đêm, chỉ thui thui một mình thì ai mà chả phải buồn? Những lúc buồn, có con chó làm bạn thì cũng đỡ buồn một chút. Lão gọi nó là cậu Vàng như một bà hiếm hoi gọi đứa con cầu tự. Thỉnh thoảng không có việc gì làm, lão lại bắt rận cho nó, hay đem nó ra ao tắm. Lão cho nó ăn cơm trong một cái bát như một nhà giàu. Lão ăn gì cũng chia cho nó cùng ăn. Những buổi tối, khi lão uống rượu, thì nó ngồi ở dưới chân, lão cứ nhắm vài miếng lại gắp cho nó một miếng, như người ta gắp thức ăn cho con trẻ. Rồi lão chửi yêu nó, lão nói với nó như với một đứa cháu bé về bố nó. Lão bảo nó thế này:

– Cậu có nhớ bố cậu không? Hả cậu Vàng? Bố cậu lâu lắm không có thư về. Bố cậu đi có lẽ được đến ba năm rồi đấy... Hơn ba năm... Có đến ngót bốn năm... Không biết cuối năm nay bố cậu có về không? Nó mà về, nó cưới vợ, thì nó giết cậu. Liệu hồn cậu đấy!

Con chó vẫn héch mồm lên nhìn, chẳng lộ một vẻ gì: lão lừ mắt nhìn trừng trừng vào mắt nó, to tiếng dọa:

– Nó giết mày đấy! Mày có biết không? Ông cho thì bỏ bố!

Con chó tưởng chủ mắng, vẫy đuôi mừng, để lấy lại lòng chủ. Lão Hạc nạt to hơn nữa:

– Mừng à? Vẫy đuôi à? Vẫy đuôi thì cũng giết! Cho cậu chết!

Thấy lão sừng sộ quá, con chó vừa vẫy đuôi, vừa chực lảng. Nhưng lão vội nắm lấy nó, ôm đầu nó, đập nhẹ nhẹ vào lưng nó và dẫu dỉ:

– À không! À không! Không giết cậu Vàng đâu nhỉ!... Cậu Vàng của ông ngoan lắm! Ông không cho giết... Ông để cậu Vàng ông nuôi...

Lão buông nó ra để nhấc chén, ghé lên môi uống. Lão ngẩn mặt ra một chút, rồi bỗng nhiên thở dài. Rồi lão lẩm bẩm tính. Đây là lão tính tiền bòn vườn của con...

Sau khi thằng con đi, lão tự bảo rằng: “Cái vườn là của con ta. Hồi còn mồ ma mẹ nó, mẹ nó cố thắt lưng buộc bụng, dè sẻn mãi, mới để ra được năm mươi đồng bạc tậu. Hồi ấy, mọi thức còn rẻ cả... Của mẹ nó tậu, thì nó hưởng. Lộp trước nó đòi bán, ta không cho bán là ta cố ý giữ cho nó, chứ có phải giữ để ta ăn đâu? Nó không có tiền cưới vợ, phần chí bước ra đi, thì đến lúc có tiền để lấy vợ, mới chịu về. Ta bòn

vườn của nó, cũng nên để ra cho nó: đến lúc nó về, nếu nó không đủ tiền cưới vợ thì ta thêm vào với nó, nếu nó có đủ tiền cưới vợ, thì ta cho vợ chồng nó để có chút vốn mà làm ăn...”. Lão tự bảo lão như thế, và lão làm đúng như thế. Lão làm thuê để kiếm ăn. Hoa lợi của khu vườn được bao nhiêu lão để riêng ra. Lão chắc mẩm thế nào đến lúc con lão về, lão cũng có được một trăm đồng bạc...



Lão lắc đầu chán nản bảo tôi:

– Ấy thế mà bây giờ hết nhẵn, ông giáo ạ! Tôi chỉ ốm có một trận đấy thôi. Một trận đúng hai tháng mười tám ngày, ông giáo ạ! Hai tháng mười tám ngày đã không làm được một xu, lại còn thuốc, lại còn ăn... Ông thử tính ra xem bao nhiêu tiền vào đấy?

Sau trận ốm, lão yếu người đi ghê lắm. Những công việc nặng không làm được nữa. Làng mất vè sợi, nghề vãi đành phải bỏ. Đàn bà rồi rãi nhiều. Còn tí việc nhẹ nào, họ tranh nhau làm mất cả. Lão Hạc không có việc. Rồi lại bão. Hoa màu bị phá sạch sành sanh. Từ ngày bão đến nay, vườn lão chưa có một tí gì bán. Gạo thì cứ kém mãi đi. Một lão với một con chó, mỗi ngày ba hào gạo, mà gia sự vẫn còn đói deo đói dặt...

– Thì ra cậu Vàng cậu ấy ăn khỏe hơn cả tôi ông giáo ạ. Mỗi ngày cậu ấy ăn thế, bỏ rẻ cũng mất hào rưỡi, hai hào đấy. Cứ mãi thế này thì tôi lấy tiền đâu mà nuôi được? Mà cho cậu ấy ăn ít thì cậu ấy gầy đi, bán hụt tiền, có phải hoài không? Bây giờ cậu ấy béo trùnng trức, mua đắt, người ta cũng thích...

Lão ngắt lại một chút, rồi tắc lưỡi:

– Thôi thì bán phắt đi! Đỡ được đồng nào, hay đồng ấy. Bây giờ tiêu một xu cũng là tiêu vào tiền của cháu. Tiêu lắm chỉ chết nó. Tôi bây giờ có làm gì được đâu?

* * *

Hôm sau, lão Hạc sang nhà tôi. Vừa thấy tôi, lão báo ngay:

- Cậu Vàng đi đời rồi, ông giáo ạ!
- Cự bán rồi?
- Bán rồi? Họ vừa bắt xong.

Lão cố làm ra vẻ vui vẻ. Nhưng trông lão cười như mếu và đôi mắt lão ầng ậng nước, tôi muốn ôm choàng lấy lão mà òa lên khóc. Bây giờ

thì tôi không xót xa năm quyển sách của tôi quá như trước nữa. Tôi chỉ ái ngại cho lão Hạc. Tôi hỏi cho có chuyện:

– Thế nó cho bắt à?

Mặt lão đột nhiên co dúm lại. Những vết nhăn xô lại với nhau, ép cho nước mắt chảy ra. Cái đầu lão ngoẹo về một bên và cái miệng móm mém của lão mếu như con nít. Lão hu hu khóc...



– Khốn nạn... Ông giáo ơi! Nó có biết gì đâu! Nó thấy tôi gọi thì chạy ngay về, vẫy đuôi mừng. Tôi cho nó ăn cơm. Nó đang ăn thì thằng Mục nấp trong nhà, ngay đằng sau nó, tóm lấy hai cẳng sau nó dốc ngược nó lên. Cứ thế là thằng Mục với thằng Xiển, hai thằng chúng nó chỉ loay hoay một lúc đã trói chặt cả bốn chân nó lại. Bấy giờ cu cậu mới biết là cu cậu chết! Này! Ông giáo ạ! Cái giống nó cũng khôn! Nó cứ làm in như nó trách tôi: nó kêu ư ử, nhìn tôi như muốn bảo tôi rằng: “A! Lão già tệ lắm! Tôi ăn ở với lão như thế mà lão xử với tôi như thế này?”. Thì ra tôi già bằng này tuổi đầu rồi còn đánh lừa một con chó, nó không ngờ tôi nở tâm lừa nó!

Tôi an ủi lão:

– Cụ cứ tưởng thế đấy chứ nó chả hiểu đâu! Vả lại ai nuôi chó mà

chả bán hay giết thịt? Ta giết nó chính là hóa kiếp cho nó đấy, hóa kiếp để cho nó làm kiếp khác.

Lão chua chát bảo:

– Ông giáo nói phải! Kiếp con chó là kiếp khổ thì ta hóa kiếp cho nó để nó làm kiếp người, may ra có sung sướng hơn một chút... kiếp người như kiếp tôi chẳng hạn!...

Tôi bùi ngùi nhìn lão, bảo:

– Kiếp ai cũng thế thôi, cụ ạ! Cụ tưởng tôi sung sướng hơn chẳng?
– Thế thì không biết nếu kiếp người cũng khổ nốt thì ta nên làm kiếp gì cho thật sướng?

Lão cười và ho sòng sọc. Tôi nắm lấy vai gầy của lão, ôn tồn bảo:

– Chẳng kiếp gì sung sướng thật, nhưng có cái này là sung sướng: bây giờ cụ ngồi xuống phản này chơi, tôi đi luộc mấy củ khoai lang, nấu một ấm nước chè tươi thật đặc; ông con mình ăn khoai, uống nước chè, rồi hút thuốc lào... Thế là sướng.

– Vâng! Ông giáo dạy phải! Đối với chúng mình thì thế là sung sướng.

Lão nói xong lại cười đưa đà. Tiếng cười gượng nhưng nghe đã hiền hậu lại. Tôi vui vẻ bảo:

– Thế là được, chứ gì? Vậy cụ ngồi xuống đây, tôi đi luộc khoai, nấu nước.

– Nói đùa thế, chứ ông giáo cho để khi khác?

– Việc gì còn phải chờ khi khác? Không bao giờ nên hoãn sự sung sướng lại. Cụ cứ ngồi xuống đây! Tôi làm nhanh lắm..

– Đã biết, nhưng tôi còn muốn nhờ ông một việc...

Mặt lão nghiêm trang lại.

– Việc gì thế, cụ?

– Ông giáo để tôi nói... Nó hơi dài dòng một tí.

– Vâng, cụ nói.

– Nó thế này, ông giáo ạ!

Và lão kể. Lão kể nhỏ nhẹ và dài dòng thật. Nhưng đại khái có thể rút vào hai việc. Việc thứ nhất: Lão thì già, con đi vắng, vả lại nó cũng còn dại lắm, nếu không có người trông nom cho thì khó mà giữ được vườn đất để làm ăn ở làng này. Tôi là người nhiều chữ nghĩa, nhiều lý luận, người ta kiêng nể, vậy lão muốn nhờ tôi cho lão gửi ba sào vườn của thằng con lão, lão viết văn tự nhượng cho tôi để không ai còn tơ tưởng dòm ngó đến; khi nào con lão về thì nó sẽ nhận vườn làm, nhưng văn tự cứ để tên tôi cũng được, để thế để tôi trông coi cho nó... Việc thứ hai: Lão già yếu lắm rồi, không biết sống chết lúc nào; con không có nhà, lỡ chết không biết ai đứng ra lo cho được; để phiền cho hàng xóm thì chết không nhắm mắt: lão còn được hăm năm đồng bạc với năm đồng vừa bán chó là ba mươi đồng bạc, muốn gửi tôi để lỡ có chết thì tôi đem ra, nói với hàng xóm giúp, gọi là của lão có tí chút, còn bao nhiêu đành nhờ hàng xóm cả.

Tôi bật cười bảo lão:

– Sao cụ lo xa quá thế? Cụ còn khỏe lắm, chưa chết đâu mà sợ! Cụ cứ để tiền ấy mà ăn, lúc chết hãy hay! Tội gì bây giờ nhịn đói mà tiền để lại?

– Không, ông giáo ạ! Ăn mãi hết đi thì đến lúc chết lấy gì mà lo liệu?

– Đã đành rằng là thế, nhưng tôi bòn vườn của nó bao nhiêu, tiêu hết cả. Nó vợ con chưa có. Ngộ nó không lấy gì lo được, lại bán vườn thì sao?... Tôi cần rơm, cần cỏ tôi lạy ông giáo! Ông giáo có nghĩ cái tình tôi già nua tuổi tác mà thương thì ông giáo cứ cho tôi gửi.

Thấy lão nằn nì mãi, tôi đành nhận vậy. Lúc lão ra về, tôi còn hỏi:

– Có đồng nào, cụ nhặt nhanh đưa cho tôi cả thì cụ lấy gì mà ăn?

Lão cười nhạt bảo:

– Được ạ! Tôi đã liệu đâu vào đấy... Thế nào rồi cũng xong.

Luôn mấy hôm, tôi thấy lão Hạc chỉ ăn khoai, rồi thì khoai cũng

hết. Bắt đầu từ đây, lão chế tạo được món gì, ăn món ấy... Hôm thì lão ăn củ chuối, hôm thì lão ăn sung luộc, hôm thì ăn rau má, với thỉnh thoảng một vài củ ráy, hay bữa trai, bữa ốc. Tôi nói chuyện lão với vợ tôi. Thị gạt phắt đi:

– Cho lão chết! Ai bảo lão có tiền mà chịu khổ! Lão làm lão khổ chứ ai làm lão khổ! Nhà mình sung sướng gì mà giúp lão? Chính con mình cũng đói...

* * *

Chao ôi! Đối với những người ở quanh ta, nếu ta không cố tìm mà hiểu họ, thì ta chỉ thấy họ gàn dở, ngu ngốc, bần tiện, xấu xa, bỉ ổi... toàn những cớ để cho ta tàn nhẫn; không bao giờ ta thấy họ là những người đáng thương; không bao giờ ta thương... Vợ tôi không ác, nhưng thị khổ quá rồi. Một người đau chân có lúc nào quên được cái chân đau của mình để nghĩ đến một cái gì khác đâu? Khi người ta khổ quá thì người ta chẳng còn nghĩ gì đến ai được nữa. Cái bản tính tốt của người ta bị những nỗi lo lắng, buồn đau ích kỷ che lấp mất. Tôi biết vậy, nên tôi chỉ buồn chứ không nổi giận. Tôi giấu giếm vợ tôi, thỉnh thoảng giúp ngấm ngầm lão Hạc. Nhưng hình như lão cũng biết vợ tôi không ứng giúp lão. Lão từ chối tất cả những cái gì tôi cho lão. Lão từ chối một cách gần như là hách dịch. Và lão cứ xa tôi dần dần...

Lão không hiểu tôi, tôi nghĩ vậy, và tôi càng buồn lắm. Những người nghèo nhiều tự ái vẫn thường như thế. Họ dễ tủi thân nên rất hay chạnh lòng. Ta khó mà ở cho vừa ý họ... Một hôm, tôi phàn nàn về việc ấy với binh Tư. Binh Tư là một người láng giềng khác của tôi. Hắn làm nghề ăn trộm nên vốn không ưa lão Hạc bởi vì lão lương thiện quá. Hắn bĩu môi và bảo:

– Lão làm bộ đấy! Thật ra thì lão chỉ tâm ngấm thế, nhưng cũng ra phết chứ chả vừa đâu. Lão vừa xin tôi một ít bã chó...

Tôi trố to đôi mắt, ngạc nhiên. Hấn thì thâm:

– Lão bảo có con chó nhà nào cứ đến vườn nhà lão... Lão định cho nó xơi một bữa. Nếu trúng, lão với tôi uống rượu.

Hỡi ơi lão Hạc! Thì ra đến lúc cùng lão cũng có thể làm liều như ai hết... Một người như thế ấy!... Một người đã khóc vì trót lừa một con chó!... Một người nhịn ăn để tiền lại làm ma, bởi không muốn liên lụy đến hàng xóm, láng giềng... Con người đáng kính ấy bây giờ cũng theo gót binh Tư để có ăn ư? Cuộc đời quả thật cứ một ngày một thêm đáng buồn...

* * *

Không! Cuộc đời chưa hẳn đã đáng buồn, hay vẫn đáng buồn nhưng lại đáng buồn theo một nghĩa khác. Tôi ở nhà binh Tư về được một lúc lâu thì thấy những tiếng nhốn nháo ở bên nhà lão Hạc. Tôi mãi một chạy sang. Mấy người hàng xóm đến trước tôi đang xôn xao ở trong nhà. Tôi xông xộc chạy vào. Lão Hạc đang vật vã ở trên giường, đầu tóc rũ rượi, quần áo xộc xệch, hai mắt long sòng sọc. Lão tru tréo, bọt mép sùi ra, khắp người chốc chốc lại bị giật mạnh một cái, nảy lên. Hai người đàn ông lực lưỡng phải ngồi đè lên người lão. Lão vật vã đến hai giờ đồng hồ rồi mới chết. Cái chết thật là dữ dội. Chẳng ai hiểu lão chết vì bệnh gì mà đau đớn và bất thành linh như vậy. Chỉ có tôi với binh Tư hiểu. Nhưng nói ra làm gì nữa! Lão Hạc ơi! Lão hãy yên lòng mà nhắm mắt! Lão đừng lo gì cho cái vườn của lão. Tôi sẽ cố giữ gìn cho lão. Đến khi con trai lão về, tôi sẽ trao lại cho hấn và bảo hấn: “Đây là cái vườn mà ông cụ thân sinh ra anh đã cố để lại cho anh trọn vẹn; cụ thà chết chứ không chịu bán đi một sào...”.

(Nam Cao)

Việc 2 – Luyện tập

1. Các em đọc thầm tác phẩm “Lão Hạc”. Nói thực đi, không có gì phải thẹn, đọc đến đoạn nào em bỗng thấy muốn khóc?
Em dùng bút màu đánh dấu đoạn nào, câu nào, chữ nào đã làm em muốn khóc.
Em ghi gọn vào bên lề tên của nhân vật và chi tiết đã khiến em muốn khóc.
2. Em ghi lại những đoạn nhà văn viết để bình luận vì sao con người sống chung với nhau mà không hiểu nhau? Thương nhau mà không giúp nhau? Hoặc khi muốn giúp nhau mà không giúp được? Lấy chi tiết trong truyện *Lão Hạc* để giải thích vì sao?
3. Nam Cao viết “đôi mắt lão ầng ậng nước? Em đã thấy ai viết đôi mắt “ầng ậng” nước bao giờ chưa? Hai tiếng “ầng ậng” gợi cho em hình ảnh gì ở con người như thế nào? Sao nhà văn Nam Cao lại nghĩ ra được hai tiếng ấy nhỉ?

Việc 3 – Viết bài

Mời em viết bài ngắn gọn giới thiệu tác phẩm tự sự *Lão Hạc* của nhà văn Nam Cao.

Em viết sao để người đọc thấy:

1. Câu chủ đề: truyện ngắn *Lão Hạc* có thể là một cái mẫu để em biết thế nào là thể loại tự sự hiện đại.
2. Phần minh họa: giới thiệu được nhân vật chính (lão Hạc với bi kịch của con người nghèo khổ và vô cùng lương thiện), nhân vật phản diện (Binh Tư không thể tin có con người lương thiện trên đời), nhân vật trung gian (tác giả, người kể chuyện) để làm nổi bật hành động của nhân vật.
3. Phần kết luận: giá trị văn chương và giá trị đạo đức của tác phẩm.

THỂ TỰ SỰ HIỆN ĐẠI

Việc 1 – Đọc thầm tác phẩm



Tô Hoài (1920–2014)

Nhà nghèo

Họ thường cãi nhau vì những cố rất nhỏ nhen, không có nghĩa. Cái đó cũng đã thành một thói quen. Lúc nào họ ngửa miệng, muốn to tiếng, là to tiếng liền. Hàng xóm bốn bên bị nghe chán cả tai, không buồn nghe nữa.

Cũng như thế, hôm nay hai vợ chồng anh Duyệt cãi nhau làm âm lên. Đầu tiên, có gì đâu! Khốn nạn, câu chuyện rắc rối chỉ chớm như thế này:

Anh Duyệt thì nằm trong nhà, ghếch hai chân lên cột, ư ử mấy câu Kiều lấy: “Trăm năm trong cõi người ta. Chữ tài chữ mệnh mấy là ghét nhau”. Anh ngâm dương có hứng. Cái cột nhà rung lạch cách với hai bàn chân. Chị Duyệt ngồi đụp áo ngoài sân. Bỗng nhiên, không hiểu việc gì, chị ta muốn tìm cái Gái. Trông ngoài đầu ngõ không có. Chị gọi:

– Gái ơi!

Không có tiếng đáp. Chị réo:

– Ô ời... Gái... ời ời... Gái...

Vẫn im. Chị lại réo:

– Ô ời... Gái... Cha để mẹ con chết dầm, ngã xuống ao xuống chuôm nào rồi!

Đương ngâm vịnh có người làm râm rĩ, hồng mất thú. Anh Duyệt nói trở ra:

– Làm cái gì mà nặng lên thế! Có im đi không?

Chị không im. Chị nói thêm:

– Người ta gọi nó mà cũng cấm hả?

Chưa thôi, chị lại day:

– Nằm chổng lên đấy, hát với hồng, được cái tích sự gì!

Cái chỗ này mới là cái tức. Vợ anh bảo anh nằm chổng lên đấy, hát với hồng. Ra ý mĩa anh không đi làm bữa nay, vô tích sự đấy. Nay, trời! thực con đàn bà kia ăn nói những điều phụ công phụ của quá đời. Cả năm anh đi làm quần quật. Họa có ngày “đăng ấy” người ta hết việc, mới được nghỉ như hôm nay. Rồi rãi thì anh nằm một tý, chứ sao. Nó láo quá. Anh ta bèn mắng:

– Tao bảo cho con què biết rằng hai cái bàn tay này mà rời việc ra độ mười bữa, thì mẹ con nhà chúng mày rã họng ra! Đừng có...

Anh cũng không biết “đừng có” thế nào nữa. Anh im. Chị Duyệt đáp rằng:

– Người ta làm lắm người ta ăn nhiều chứ! Đây què thì đấy cũng làm sao. Thử sờ lên gáy mà xem.

* * *

Thế là người ta đã nói cạnh nhau. Chị Duyệt vốn có tật ở chân bên phải từ thuở lọt lòng. Không bước được ngay ngắn chị đi tập tễnh, tập tễnh như con vịt què. Đã mang tật lại là con nhà nghèo, nên ngót ba

mười tuổi chị mới lấy chồng. Mà chồng cũng chẳng được ra hôn chồng. Anh Duyệt nguyên là người ở đâu đến ngụ cư ở đấy. Ngụ cư đi làm mướn, chứ cũng chẳng danh giá gì, lại thêm lưng có cái bướu. Bướu đi thực ưỡn ngực mà nom vẫn như đeo thè lè chiếc nệm rượu giữa lưng. Khi anh gặp chị, thì đôi bên đã là cảnh xế muộn chợ chiều cả rồi, cũng dư dãi mà lấy nhau tự nhiên. Và họ sinh con đẻ cái với nhau cũng thực là dư dãi và tự nhiên. Hai năm một, ba năm đôi thắm thoát có mấy lứa mà đã riu rít được những ba đứa. Con Gái, con bé đầu lòng. Rồi thằng Cẩng, thằng Chân. Ấy là bỏ mất hai đứa về sau, nếu không, còn lút nhít những năm đứa. Thêm ba miệng con ăn, cũng đã là khổ lắm rồi. Nhiều khi vợ chồng cãi nhau om sòm lên cũng chỉ vì vấn đề mấy đứa trẻ nhãi ăn không ngồi rồi đó. Con Gái nhớn, đã biết nhiều lần cha mẹ cãi nhau, nó khóc thút thít. Thằng Cẩng thì dắt thằng Chân, xúm lại xem. Chúng nó đứng tây ngáy. Mắt nghếch lên, hai tay chấp ngoặt sau hông, ra điều nghe ngóng.

Bữa nay, hai vợ chồng cãi nhau, thì chúng đi chơi vắng. Nhưng đến lúc cơn bão cãi nhau nổi hăng chúng ở đâu lù lù dẫn nhau về. Con Gái công thằng Chân. Thằng bé ngất ngưỡng ngủ, ngoẹo một bên đầu, dãi và nước mũi chảy lòng thòng. Thằng Cẩng chập chững đi sau lưng chị. Nó giả cách đương làm quan. Cầm cái roi lá nó cứ phết đen đét vào cánh tay chị Gái, và chửi rầm rĩ. Nhưng vào đến trong sân, nghe tiếng bố mẹ nói to, Gái đứng yên mà Cẩng thì tưng hửng, Chỉ có thằng Chân vẫn ngủ khò khè. Lúc ấy, câu quá anh Duyệt vừa nói nặng vợ một câu.

Anh vừa nói xong, thì người vợ vừa trông thấy lũ con dẫn nhau vào, chị ta liền lu loa:

– Ấy đấy, chúng mày về mà nghe bố chúng mày chửi tao.

Cáu, anh Duyệt văng:

– Ủ, ông chửi cha con què đấy.

Lập tức mẹ Duyệt ôm mặt, khóc tỉ tỉ. Rồi mẹ lên điệu kể lể. Nhưng

không phải là kẻ lể với chồng, hay với ba đứa con, mà là kẻ lể nỉ non với cái bức vách trước mặt. Mụ khóc kể rằng:

– Ôi thiên địa trời đất ơi! Ôi cha ơi! Ôi mẹ ơi! Tôi ăn ở với người ta chẳng gì cũng năm bảy mặt con, con sống, con chết có, mà nỡ nào người ta réo ông réo cha tôi lên. Cái thân tôi cực nhục trăm đường. Tôi buộc bụng nuôi con... hu... hu...

– Mà ỷ đẻ lắm thì mà ỷ nuôi nhiều....

– Ôi ông cả bà lớn ơi!... A bấy lâu tôi ở với... chó đấy a...

Anh Duyệt đừng đừng chạy ra, định thui.

– Chó này!

Nhưng anh chưa thui, vợ anh đã lăn kên ra. Tay chân múa lên đành đạch. Miệng rên rĩ:

– Anh đánh chết tôi đi! Anh đánh chết tôi đi!

Hai đứa con thấy bố làm dữ, sợ quá ôm dúi lấy nhau khóc inh ỏi. Nằm trên vai chị, bị thức giấc, thằng Chân cũng bật khóc theo. Cả một góc xóm vắng lên những con chó, nằm rồi chẳng biết chuyện gì, cũng hóng mõm cắn xuống. Anh Duyệt tức lắm rồi, cơn nóng kéo đến đầu anh. Những chiếc gân xanh ở xung quanh trán và cổ nổi chiếc đũa lên. Giậm hai chân bạch bạch, anh quát:

– Ông giết chết cả lũ! Ông giết chết cả lũ, rồi ông đâm cổ ông sau. Những của nợ kia, ông sửa chúng mà trước, rồi đến con mẹ chúng mà.

Những của nợ khiếp vía, búa nhau, chạy miết. Chị Duyệt cũng lật đật trở dậy, ôm váy lạch đạch ra ngõ. Duyệt quay vào bếp, tìm được con dao phay hồng học chạy ra, thì cái sân đã không còn ai. Anh quăng con dao đánh “choeng” một tiếng xuống đất.

– Từ giờ đến chiều ông bắt được đứa nào thì ông giết chết tươi. Ôi trời ôi! Chúng mà làm khổ ông! Ông mà đến nỗi thân tàn ma dại thế này, cũng vì chúng mà. Chứ một mình ông đâu đến nỗi.

Ngoài ngõ có tiếng nheo nhéo đáp vào:

– Nào tôi ăn tàn phá hại gì của ai? Nào tôi bòn rút của chím của nỏ gì của ai? Một lời nói một đọi máu, ăn nói còn có trời đất, có quỷ thần hai vai chứ!

Thế này thì Duyệt uất đến chết được. Nó cứ núp ngoài kia mà dọi vào từng tiếng. Anh đuổi, nó lại chạy. Anh uất quá, uất quá. Uất run mười đầu ngón tay bần bật. Anh phải đập một cái gì cho đã. Trong nhà chẳng có thứ gì khả dĩ đập được. Cái giường, cái án thư, cái cột, toàn những đồ gỗ đau tay. Có con dao, thì anh đã đập lên đập xuống nhiều bận rồi.

Ngoài cửa, con mụ lẩm điều lại la trời, la đất. Trời ở đâu mà la. Đất thì giẫm dưới chân đó. Kêu lẩm mỗi miệng. Nhưng mà như chọc dao vào trong óc anh. Vụt một ý, anh Duyệt cũng kêu rất lớn:

- À, mày đã khỏe to hòng, ông đốt nhà cho mà xem.
- Anh đốt nhà thì hàng xóm bắt vạ anh.
- Thì ông đi ngồi tù cho chúng mày đi ăn mày cả lượt....

Mụ vợ đứng ngoài bờ rào, ngó thấy chồng hăm hở, hục hặc đi tìm lửa, vội kêu chöße:

– Ồi ông cả bà lớn ôi! Nó đốt nhà... Thằng Duyệt nó đốt nhà... Nó...

Chẳng có ông cả bà lớn nào chạy đến. Ai cũng đi làm muộn, cửa ngõ đóng trở ra. Nhưng rồi loanh quanh mãi vẫn chưa thấy anh Duyệt đốt được nhà.

Thì ra, bởi vì nhà không có một chút lửa. Đã hai năm nay, chưa mua được một bao diêm nhỏ. Mỗi bận thổi cơm, cái Gái vẫn phải ra tận đầu xóm xin lửa. Và tối thì đi ngủ cùng mặt trời. Biết vậy, chị Duyệt yên trí, lại sắp hờ trời hờ đất. Xong đã nào thôi.

- Mày tưởng ông sợ? Ông đi xin lửa cho mà xem.

Có lẽ anh toan chạy đi xin lửa thực. Và chị vợ cũng sửa soạn kêu nữa. Nhưng trên không trung, từ ban nãy, ông trời bao la dường đau

bụng, xám xịt lại. Bụng ông sôi ục ục, reo róc róc. Bấy giờ bỗng nổi gió giật, lạnh ngắt, rồi đổ xuống một trận mưa lớn.

* * *

Bấy giờ là đầu mùa hè. Trời đất rất ít mưa. Nhưng đã có trận nào thì mưa rõ cho ra chuyện.

Trận mưa đó thực to. Trời đen kịt. Nước xối xuống rào rào, trắng xóa. Ở những vườn chuối, nước dội lũng bùng như trống đánh. Từng cơn gió chạy dài rít lên đập đùng đùng. Những mảng sân thấp, nước ngập lũng thêm. Được độ một lúc lâu, mưa dần dần ngớt. Những đám mây nước tảng mỏng bay nhanh như biển. Mặt trời ló ra. Trời đất sáng ngời. Màu lá cây xanh mượt. Những con chim sáo sậu nhanh nhẩu bay linh tinh, hót từng hồi véo von thực dài. Mưa tạnh.

Bấy giờ khắp làng bày ra một cảnh lạ mắt, ở các ngõ lối nhỏ chạy ra từng đám người. Đàn ông thì cởi trần tròng trục, đánh chiếc khố đơn. Đàn bà phong thanh cái yếm, đội sùm sụp chiếc nón. Còn trẻ con thì trần truồng như những viên đá cuội. Người ta chạy đổ xô ra các ngạch cổng, các bờ ruộng và các luống vườn. Ở tay mỗi người cầm một cái giỏ. Họ chen nhau, chạy tới tấp.

À, trời vừa mưa xong. Ở những mặt sân đất, sôi bong bóng. Trong các lỗ giun ngập nước quẩn quại tòi lên. Trong các bụi cây rối và ướt, từng đàn nhái và từng đàn châu nháy ra. Nhờ có trời mưa ngập nước, con giun con sâu nhoi lên, chúng ra kiếm ăn. Những con nhái cồm mình lấm tấm xanh. Những con nhái chỉ dòng dọc trắng chạy suốt lưng. Những ông nhái cụ, to và đen nhũ con cóc, nháy oai vệ và chậm chạp. Châu cũng đủ các hạng to nhỏ. Nhưng chúng lớn hơn nhái, da dẻ bóng mỡ, thân hình có cạnh, có góc rõ ràng. Đôi mắt lồi cườm lơ láo. Vòng chân xếp lại, nháy thoăn thoắt, rất nhẹ. Chúng đớp kiến và giun nhanh

quá. Cái mồm há ra đỏ hây, tép một cái lại ngậm. Tép, tép, tép. Chúng đớp nhoay nhoáy. Chúng kéo ra kiểm ăn.

Và người ta cũng kéo đi cả đàn cả lũ để bắt nhái và bắt chẫu.

Không hẹn, mà cha, con, chồng, vợ nhà Duyệt cũng gặp nhau trong cái đám đông đi bắt nhái bắt chẫu này. Mưa tạnh, chị Duyệt chẳng biết trú ở đâu xon xon chạy về lấy giỏ. Thì chị đã thấy khuyết hai cái giỏ treo trên đầu bếp. Anh Duyệt và cái Gái đi ra vườn rồi. Thằng Chân và thằng Cẩng đã được con bé nhốt cẩn thận vào găm phán, bốn bề chắn gỗ kín đáo. Hai đứa trẻ loanh quanh cứ bò lết ló như hai con chó con. Chị và bố chúng đi bắt nhái. Anh Duyệt đã quên giận vợ, nghĩ đến bữa cơm chiều nhiều hơn. Bữa cơm mà cái thịt nhái nướng thơm phức, chấm với muối ớt, nhai giòn rau rầu, ngon tuyệt.

Chị Duyệt cung cúc vác giỏ chạy. Người ta đã đổ ra nhiều quá không bắt mau, hết mất. Chị gặp chồng. Cái thằng phải gió đó chịu khó vồ nhái ra ráng. Mặt nó không sưng sả lên nữa. Ấy vậy mà lúc này nó đã hùng hổ định giết con, giết vợ và đốt nhà.

Chị Duyệt gặp cái Gái. Nó giơ giỏ lên khoe với u. Cái giỏ đã được lưng lửng. Ở trong nhái xô nhau oe oé. Con Gái nhe hai hàm răng sún đen xỉn, cười toét. Rồi nó lại lệ mẹ vác giỏ xuống một vệt ao gần đấy. Trong khi mẹ nó tất tả đi ra miệt đầu đình.

Gái rón rén bước. Nó vạch xem từng ngọn cỏ. Những cây cỏ nước xanh om, vươn cao ngọn, lò xo xò cửa vào người, khiến nó ngứa ngáy khó chịu. Nhưng mỗi lần túm hoặc vồ được một chú nhái bẻ gãy hai chân sau bỏ tót vào giỏ, thì nó lại cười tùm một mình. Nó lần theo vệt ao, khuất sau mấy rặng dừa đại lồm chồm. Nhái nhảy lồm bồm xuống nước. Những chòm dừa xò những cẳng tay gai góc ra xung quanh.

Cuộc bắt nhái đã vãn. Ai nấy ra về. Anh Duyệt xách giỏ về trước. Thứ đến chị Duyệt. Thằng Chân và thằng Cẩng phải tù trong găm phán đang khóc be be. Chị Duyệt đưa cái giỏ nhái của mình cho chồng rồi

chạy lại gỡ gạch, bế hai đứa con ra. Chị nựng con cho chúng nín. Anh Duyệt ngồi ngẩn ngơ nhìn hai giỏ nhái. Nét mặt anh đờ đẫn. Có lẽ anh đương tưởng tượng đến bữa nhấm thú vị chiều nay. Bỗng chị Duyệt nói:

– Này, con Gái chưa về nhỉ? Nhà đi gọi nó xem...

Giọng chị ả dịu lại. Chính anh Duyệt cũng không còn tưởng tượng được rằng lúc này mình vừa cãi nhau kịch liệt với vợ. Anh đứng dậy, đi ra ngõ. Vừa đi, anh vừa lẩm bẩm: “Tiên nhân con tuyệt tự, đi đâu thì chết dấp ở đấy”. Rồi anh gọi:

– Ồ! Gái!....

Ở trong sân, vợ anh nói với ra:

– Nó đi về phía ao nhà ông cả Tràng ấy. Để mẹ con ranh con!

Anh Duyệt lội xuống bờ ao nhà ông cả Tràng, về phía có nhiều cây dừa dại, thì anh trông thấy cái Gái. Nhưng anh thấy cái Gái nằm gục trên cỏ, hai tay ôm khư khư cái giỏ nhái. Lưng nó trần xám ngắt. Chân tay nó co queo lại. Vừa lúc ấy, miệng nó ngoáp ngoáp mấy cái; đôi mắt lộn lòng trắng lên mấy lần. Rồi nhắm hẳn. Chân tay nó duỗi ra. Con bé giãy chết rồi.

Người bố nhìn đứa con giãy chết rú lên một tiếng quái gở. Tuy cuống lắm, nhưng anh cũng còn nhìn thấy ở ngay bên vệ ao trên lớp bùn phẳng mới nguyên một lối bò dài như cái sào lúa còn hằn lại.

Duyệt cúi lay xác con bé. Anh nghĩ chột rằng bấy lâu nó vào cửa vợ chồng anh, cực khổ trăm đường. Trong người nó có bao nhiêu xương sườn, giờ hết cả ra. Thương ơi! bây giờ nó bỏ nó đi. Hai hàng nước mắt nhỏ ròn ròn. Anh ghé vai, xốc con bé lên. Hai tay nó còn mềm hơi nóng. Nhưng hai chân đã cứng nhẽng. Anh cõng xác con, chạy về.

(Tô Hoài

Bến Ray, Tháng Chạp 1942)

Việc 2 – Luyện tập

1. Những nhân vật và cảnh sống trong truyện ngắn *Nhà nghèo* cho thấy họ nghèo về những phương diện gì? Tại sao họ cãi nhau? Tại sao họ nói năng như chửi nhau?
2. Các em đánh dấu những lời lẽ mô tả đàn con nhà vợ chồng anh chị Duyệt. Những trẻ em sống cuộc sống như thế sẽ có tương lai như thế nào?
3. Truyện này có tên *Nhà nghèo*, nhưng cả cái làng của vợ chồng anh chị Duyệt có giàu sang hơn họ không? Nhà nghèo đó sống trong môi trường nghèo như thế nào?
4. Tác giả có tài mô tả những điều đau lòng bằng giọng văn nghịch ngợm. Em nêu ra những chi tiết đó.

Việc 3 – Viết bài

1. Mời em viết bài ngắn gọn giới thiệu tác phẩm tự sự *Nhà nghèo* của nhà văn Tô Hoài.
2. Em viết sao để người đọc thấy nỗi khổ về tinh thần, về văn hóa của nhà nghèo chứ không chỉ về vật chất.

THỂ TỰ SỰ HIỆN ĐẠI

Việc 1 – Đọc thâm tác phẩm



Nguyễn Công Hoan (1903–1977)

Kép Tư Bền

Các ngài thích xem hát bội, hẳn chẳng ai là không biết tên Kép Tư Bền. Ấy anh ta chỉ nổi tiếng về cái tài bông lơn, lắm lúc ra sân khấu, chẳng cần nói một câu khôi hài nào, nhưng chỉ nhìn một cái điệu bộ cón con của anh ta, các khán quan cũng đủ phải ôm bụng mà cười, vỗ tay đôm đốp.

Anh từ Sài Gòn ra hát ở Hà Nội đã ba năm nay. Vì anh ta có tài riêng mà tính lại thích tự do, nên anh chẳng chịu làm chuyên cho một rạp nào. Nhưng hề rạp nào khéo dùng anh một độ, là cũng đông khách. Cho nên, tối nào bà con Hà thành đọc chương trình hay xem báo, thấy Kép Tư Bền đóng vai giễu là cũng nô nức đi xem. Lắm người đến chậm, phải mang tiền về không, phàn nàn rằng rạp chật quá.

Cho nên những tối hát có anh giúp, thì các hý viện đều trưng lên là buổi hát đặc biệt.

Nhưng đã hơn một tháng nay, anh không diễn ở đâu cả. Vì đã hơn một tháng nay, cha anh ta ốm. Đã hơn một tháng nay, lúc nào trong cái gác tối om ở gian nhà ngay đầu ngõ Sầm Công, cái tiếng rên rĩ của ông cụ cũng hoà lẫn với tiếng rầu rĩ của siêu thuốc mà làm anh Tư Bền phải rầu gan nát ruột, chẳng thiết đến sự làm ăn. Bệnh cha anh càng ngày càng nặng, thuốc thang chữa chạy, nào anh có quản ngại gì. Nhưng cái số tiền để dành của một vai kép dần dần cũng đi bài tấu mã, đến nỗi anh phải đi vay trước của các ông chủ rạp hát ít nhiều.

Một hôm, ông chủ rạp Kịch trường đến nhà anh ta chơi. Sau một vài câu hỏi thăm chiếu lệ, ông ta nghiêm sắc mặt, nhắc đến món nợ:

– Sao? Cái số tiền đó, cậu đã để trả tôi chưa?

– Thưa ngài, xin ngài hãy thư cho ít bữa, khi nào thư thả, tôi sẽ đi làm và nộp sau.

Ông chủ bừ môi, nói:

– Thôi, biết bao lần rồi! Cậu không trả nợ, tôi sẽ đem ra tòa đó.

Anh Tư Bền cười lạt cho xong chuyện, nhưng lại thấy ông chủ ngọt ngào dõ:

– Bấy lâu cậu nghỉ ở các rạp, khách nhắc nhở luôn đấy. Vậy cậu liệu liệu mà đi làm ăn chứ?

– Vâng, tôi định thế...

– Tôi mới nhờ một nhà văn sĩ đại danh soạn cho một vở hài kịch theo lối tuồng cổ. Vậy cậu ra giúp tôi vai chính. Vì phi cậu, không còn ai xứng đáng.

– Diễn vở mới thì phải học, thưa ngài?

– Phải, phải học và tập diễn trong độ nửa tháng.

– Trong nửa tháng! Chà!

Anh Tư Bền nhắc lại ba tiếng đó, nhưng trong óc anh lần vẫn nghĩ ngợi biết bao nhiêu điều: Trong nửa tháng, trong mười lăm hôm trời, mỗi ngày anh phải xa cách cha mấy tiếng đồng hồ để đi học diển. Cha anh ốm. Trong khi anh vắng nhà, ai trông nom săn sóc thay anh?

Nghĩ vậy anh đáp phắt:

– Thôi, xin lỗi ông, tôi bận quá mà!

Rồi anh trở vào màn và nói tiếp:

– Cha tôi yếu, tôi phải ở nhà.

Lúc ấy, ở trên giường bệnh, ông cụ ho sù sụ, rồi thò tay ra cái ghế đầu kê bên cạnh, để với lấy cái ống nhổ. Nhưng lật bật cầm không vững, cụ đánh rơi ngay xuống sàn gác, đờm rãi nổi lênh bênh.

Anh Tư Bền giật mình, chạy lại đỡ cha:

– Sao ông không gọi con?

Rồi anh đỡ lấy chổi quét chỗ nước lênh láng đi, đoạn nét mặt râu râu, anh nói:

– Đó, ông coi, vắng tôi sao đặng.

– Không, cậu cứ nhận lời giúp tôi, tôi sẽ sai người đến trông nom hộ cậu.

– Đa tạ ông, nhưng tôi không yên tâm.

Lúc ấy, trong màn có tiếng leng keng của chiếc đĩa đập vào bát sứ. Đó là hiệu gọi. Anh Tư Bền lật đật chạy lại gần cha. Giọng khàn khàn của ông cụ sai anh rót chén nước. Nhân muốn gây cảm tình, ông chủ rạp Kịch trường lại gần giường, mở màn, rồi hỏi:

– Chào cụ, cụ có biết tôi là ai không?

Ông già giường hai mắt lên. Rồi như đã nhận biết bèn nhăn bộ răng ra cười, cái cười khó đăm đăm, và gật gật mấy cái, rồi run lấy bầy, giơ tay ra bắt. Các ngài đừng tưởng rằng ông cụ quen gọi lối tây, nên mới bắt tay đầu. Đến phải nhăn bộ răng ra cười còn là sự bất đắc dĩ nữa là. Nay sở dĩ ông cụ phải bắt tay, vì tiếp khách theo lối lịch sự của những người mà con mình có nhờ vả.

– Cụ cũng không yếu lắm nhỉ. Sao cậu Tư Bền không nhận lời cho tôi?

Ông cụ hất hàm, có ý hỏi.

– Tôi sắp cho tập vở mới, định nhờ cậu ấy sắm vai chính.

Ông cụ lại nhăn ra cười và gật, nhưng anh Tư Bền nói ngay với cha.

– Ông mệt lắm, con phải ở nhà.

Ông cụ cau mặt. Chỉ có anh Tư Bền hiểu. Bởi vì ông cụ chẳng muốn vì mình mà con làm trái lòng người chủ nợ. Ông chủ đồ đành, nói:

– Cậu cứ giúp tôi đi. Cậu mà nhận lời, thì món tiền ấy, cậu để đến bao giờ cũng được. Còn tiền hoa hồng khi diễn tấu “Ông huyện ba phải” này, cậu cứ lấy cả để thuốc thang cho ông cụ.

Cái sức làm cho anh kếp Tư Bền có thể nghĩ đến sự bỏ cha ốm một mình là ở câu nói ấy. Mà cha anh cũng vì câu nói ấy mà nở nang cả lồng xương ngực. Ông cụ cố thở mạnh mấy cái cho khoan khoái trong lòng.

– Cậu nghĩ sao?

– Nhưng nửa tháng trời! Ai trông nom cho cha tôi?

– À, thôi, thế này thì cậu bằng lòng nhé. Cậu cứ ở nhà mà học vở. Đến hôm diễn thử lần cuối, cậu hãy đến rạp cũng được. Vì tôi biết cậu thông minh và có tài hơn người khác. Tội chi, có dịp trở tài, vả lại để cho thiên hạ nhớ mong lâu cũng không tiện!

Nghe câu nói sau cùng như được ăn miếng bánh thánh, anh Tư Bền có vẻ nghĩ ngợi. Anh nhìn cha. Ông cụ thấy con còn ngần ngừ, thì lộ ra vẻ không bằng lòng. Cụ nhăn mặt, cố cất lên cái tiếng khàn khàn để gắt:

– Nhận lời đi!

Nói xong, lại ho sù sù.

Anh Tư Bền cảm động, nhìn ông chủ rạp Kịch trường và trả lời:

– Vâng!

Ông chủ vì chờ cái tiếng vâng này mất nhiều công quá, nên sợ nó không được chắc chắn. Đến hôm diễn, mà cha anh Tư Bền có làm sao, anh cứ vắng mặt ở rạp hát, thì lỗ bét. Ông bắt anh làm giấy giao kèo.

Bà con sính xem hát, hôm đó thấy ô tô quảng cáo chạy rong khắp phố để thả chương trình, và vài căng ở các ngã tư, đều nô nức rủ nhau đi xem buổi biểu diễn đặc biệt, có Tư Bền sắm vai chính.

Tối đến, cửa rạp Kịch trường đèn thấp sáng trưng như ban ngày, chiếu rõ cái cảnh người đứng lô nhô như luống hoa trăm hồng ngàn tía, bướm ong chờn vờn. Trên thêm, dưới bậc, giữa đường, non nghìn thiếu niên nam nữ túm tụm lại, tìm chỗ để đứng ngắm nhau cho đỡ nóng ruột chờ đợi. Tiếng nhạc hòa trong rạp, du dương trầm bổng, chứa chan biết bao tình ái ân, như câu, như kéo, làm cho người ta quên hẳn, mà bất giác moi túi lấy tiền mua vé. Rồi cái làn sóng người dần dà tràn vào trong. Trên các hàng ghế, chỗ nọ nhắc lại câu bông lờn của kếp Tư Bền, chỗ kia bắt chước điệu bộ của kếp Tư Bền. Ai nấy đều nóng ruột sốt lòng, mong cho chóng đến giờ mở màn sân khấu, để được cười, được vỗ tay, được học thêm vào lối pha trò mới, để mai làm nhếch mép người yêu.

Vinh dự thay, anh kếp Tư Bền! Nhưng mà khốn nạn thân anh! Người ta biết đâu rằng hiện giờ này, ở nhà, cha anh đương dở chứng khò khè, chỉ chờ từng phút để thở một hai hơi nữa là hết nợ, và ở trong phòng trò, anh cũng đang nấu ruột nhầu gan.

Thật vậy, ai ngó vào trong buồng trò mới thấy được cái khổ tâm của anh Tư Bền. Anh ngồi ủ rũ trước cái gương, bụng thì rối beng, mặt thì nhăn nhó, nhưng tay vẫn phải sờ vào hộp phấn hồng để đánh mặt, quệt vào đĩa mực để bôi nhọ cái mũi. Rồi anh phải mặc trái cái áo lụng thụng thêu, lặn đôi hia xanh và đội cái mũ chuồn ngược. Anh đóng vai này, trông ra phết giàu sang sung sướng. Chốc nữa, anh còn phải làm cho chủ anh bằng lòng, các bạn trông anh mà gắng sức, các khách quan được một phen cười vỡ bụng, vỗ rít tay kia mà! Nhưng mà cha anh Tư Bền sắp chết! Ban nãy lúc anh ở nhà ra đi, đã thấy nguy lắm rồi. Thôi! Nhưng mà mặc kệ. Anh phải quên đi, mà bông, mà đùa, mà pha trò trên

sân khấu, cho chúng tôi cười, hét lên mà cười, cười đến nổi lăn ra cả đất chứ?

* * *

Một hồi chuông vừa dứt, màn kéo lên. Một tràng tay đôm đốp như pháo nổ để hoan nghênh ông chúa khôi hài. Anh Tư Bền lững thững bước ra, cúi đầu chào, rồi đứng thần người ra như phỗng một lúc. Tiếng reo, tiếng hò, tiếng vỗ tay lại làm dữ hơn trước! Mà khách quan thấy anh ăn mặc ngộ nghĩnh, cái mồm bôi nhọ nhem, thì ai nhịn cười được! Càng thấy anh đứng yên, họ càng được ngắm, và cho là anh muốn pha trò như thế, nên càng cười già! Ác thật! Vai anh Tư Bền hôm ấy cứ phải đứng trên sân khấu. Nhất là anh phải làm nhiều điệu bộ hơn mọi khi. Lắm lúc còn phải rặn ra mà cười ha hả!

Hết cảnh đầu. Sao mà lâu thế! Anh được nghỉ một chốc, mới nhờ người về xem tình hình cha anh ra làm sao. Rồi anh lại phải ra trò. Anh lại phải hò, phải hét phải dần từng tiếng, phải ngân từng câu, phải làm những điệu bộ, phải cười ha hả như cảnh thứ nhất. Người xem hát thì cứ trông thấy anh là cũng đủ cười rồi. Nào họ có để ý và nhìn rõ đâu được cái vẻ lo âu của anh, nó hiện ra ở mắt. Bỗng khi anh đương phệnh phạo trên sân khấu, khi người ta đương vỗ tay đôm đốp, thì anh nghe thấy có người ở trong phòng nói ra:

– Nguy hơn ban nãy. Đã cấm khẩu rồi!

Cha anh cấm khẩu rồi! Đành vậy. Nhưng chính là bây giờ mới nhiều cái vui trò. Khán giả dưới kia, hàng mấy nghìn con mắt, đương chăm chăm vào anh và im phăng phắc. Họ chỉ chờ anh há miệng là họ được lăn ra mà cười và vỗ tay mà thôi.

Cảnh thứ hai cũng lâu như cảnh đầu, mãi mới hết. Lúc anh đang ngồi thờ trong buồng trò, thì anh lại nhận được tin báo nữa, là hiện nay cha anh đã mê đặc, chân tay lạnh cả rồi.

Còn gì đau đớn hơn cái tin ấy nữa! Anh Tư Bền bỗng ứa hai hàng nước mắt, rồi khóc nức nở:

– Cha ơi!

Ông chủ thấy vậy, sợ quá. Anh mà bỏ dở vở kịch đương vui thì nguy. Ông cố khuyên giải, và cấm không ai được báo tin gì cho anh biết hết.

Sân khấu bài trí đã gần xong. Ông chủ bắt anh đánh lại tý phấn cho thêm xuân sắc, và sửa lại bộ áo mũ cho có vẻ ngộ nghĩnh hơn. Ông thấy anh vừa dặt lại dải áo, vừa sụt sịt méo máo, thì bắt anh im đi, chùi nước mắt. Rồi ông đẩy anh ra sân khấu. Anh lại phải hò, hét, ngâm, cười, múa, nhảy để mua guồng lấy những tràng vỗ tay. Cái cảnh thương tâm của anh Tư Bền, đi đôi với cái bông lơn, cứ diễn ra mãi, mỗi chốc lại càng thương tâm hơn lên. Mà càng thấy vắng bật tin nhà, ruột anh càng nhàu như dưa, xót như muối. Cái cảnh cuối cùng mà anh cho là lâu tới, thì khán giả cho anh là chóng quá. Cho nên khi sắp hạ màn, anh cúi chào, thì cả rạp vỗ tay đôm đốp thật dài, dài mãi. Anh tưởng phen này quyết hết nợ, quyết được về cạnh giường bệnh của cha để nhìn mặt cha một lượt sau cùng trước khi tắt nghỉ, thì ở hàng ghế hạng nhất, người ta kêu ầm:

– Bis! Bis!¹

Ông chủ rạp lại cho kéo màn lên. Anh Tư Bền lại phải giấu bộ mặt rầu rầu mà anh thích – vì nó hợp với tâm lý anh hơn – để vui vẻ mà diễn lại đoạn cuối lượt nữa.

Rồi khi bài kèn chào nổi lên, hồi vỗ tay sau cùng như làm vỡ rạp. Cái màn từ từ buông xuống. Anh cúi đầu thông thả chào. Nhưng bao nhiêu người, chẳng để chậm thì giờ, đã tranh nhau chạy lên gần anh. Người thì tặng hoa, người thì bắt tay, người thì véo mũi. Người thì khen. Làm cho anh ruột càng như thiêu đốt.

1 Diễn lần nữa! Diễn lần nữa!

Khi không còn phải thở dài để hoan nghênh những cái hoan nghênh của công chúng, anh Tư Bền mới lật đật chạy vào buồng trò, cởi vôi mũ áo và rửa quàng mặt mũi.

Lúc ấy, trong khi anh đang rối beng nghĩ đến cha anh, không biết bây giờ đã lạnh tới đâu, thì một người bạn hát chạy đến, vôi vãi ấn vào tay anh tập giấy bạc của ông chủ để sẵn cho anh, và nói:

– Mau mà về. Anh Tư! Hồng từ ban nãy mất rồi! Khốn nạn thân anh quá!

(1933)

Việc 2 - Luyện tập

1. Trong truyện *Kép Tư Bền* của Nguyễn Công Hoan, nhà văn khai thác để tạo ra yếu tố hồi hộp dựa trên bối cảnh gì?
2. Kép Tư Bền đã không muốn diễn, anh ta muốn ở nhà để trông coi cha già sắp qua đời. Thế nhưng yếu tố gì khiến cho anh vẫn lại nhận tiền, vẫn lại ký hợp đồng diễn với ông chủ?
3. Ông chủ rạp Kịch Trường mướn mộ tài năng anh Tư Bền, hay ông chủ có động cơ nào khác? Ông chủ làm cách gì ràng buộc anh Tư Bền vào với ông để anh Tư Bền dù muốn ở nhà với người cha đang hấp hối song vẫn cứ phải đến rạp diễn?

Việc 3 - Viết bài

Mời các em viết bài giới thiệu tác phẩm tự sự *Kép Tư Bền* của nhà văn Nguyễn Công Hoan.

Hãy làm nổi bật chủ đề: nỗi đau của người nghệ sĩ.

Người nghệ sĩ trong cuộc sống hiện đại có được sự hồn nhiên như người nghệ sĩ thời kỳ con người ăn lông ở lỗ không? Người nghệ sĩ thời hiện đại bị ràng buộc những gì?

Người nghệ sĩ thời hiện đại có dễ dàng vượt qua được những ràng buộc đau đớn ấy không?

Bài 6

HOẠT ĐỘNG NGHỆ THUẬT

Cách thể hiện tình cảm bằng
NGHỆ THUẬT KỊCH

BIỂU TƯỢNG NGHỆ THUẬT KỊCH

Ôn cái đã biết

Dưới đây là biểu tượng của nghệ thuật kịch.

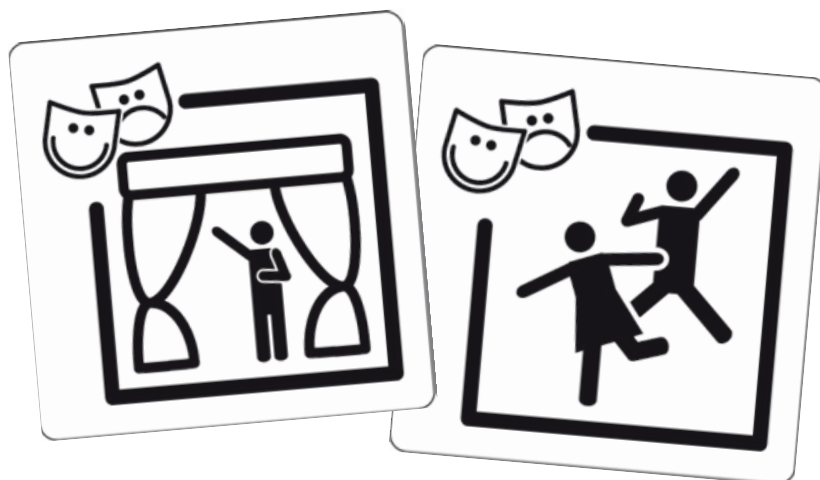
Chúng diễn tả hai trạng thái tình cảm trái ngược nhau như thế nào?



CƯỜI - KHÓC



VUI - MÈU



Luôn luôn CƯỜI – KHÓC và luôn luôn KHÓC – CƯỜI.
 Các em cho biết vì sao lại vẽ biểu tượng như thế?

Nghệ thuật KỊCH dùng các DIỄN VIÊN trên SÂN KHẤU để
 diễn tả những số phận vui buồn của con người.



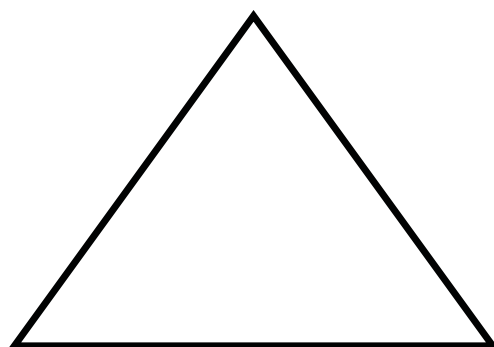
Marcel Marceau – nghệ sĩ kịch câm người Pháp

NGÔN NGỮ NGHỆ THUẬT KỊCH

Việc 1 – Cùng làm để ôn cái đã biết

Xung đột kịch

(a) Tình huống



(b) Tình tiết

(c) Nhân vật

Việc 2 – Tư liệu

Đọc thầm – kể lại – chuẩn bị chuyển thành kịch

Truyện Quan Âm Thị Kính

1. Thị Kính mắc tiếng oan giết chồng

Thị Kính, kiếp trước là đàn ông, tu hành đắc đạo sắp thành Phật, nhưng bị bắt xuống trần làm một cô gái nghèo nhà họ Mãng, chịu cảnh oan khổ để thử thách thêm. Lớn lên, Thị Kính lấy chồng học trò tên là Thiện Sĩ. Một đêm chồng học quá khuya, ngủ thiếp đi, vợ ngồi khâu bên cạnh, thấy một sợi râu mọc ngược, sẵn có dao cầm tay nên toan cắt đi. Chồng giật mình tỉnh dậy, tưởng vợ có bụng hại mình, liền hô hoán lên. Cha mẹ chồng chạy tới, một mực gán cho Thị Kính tội mưu sát chồng.

2. Thị Kính đi tu

Nàng bị đuổi về nhà cha mẹ đẻ, vì quá buồn tủi, Thị Kính bèn giả trai đến tu ở chùa Vân (Vân Tự), được đặt pháp danh là Kính Tâm.

3. Thị Kính mắc tiếng oan với Thị Màu

Trong vùng có Thị Màu, con gái phú ông, vốn tính lẳng lơ đa tình. Cô này lên chùa thấy chú tiểu Kính Tâm liền đem lòng say đắm. Bị Thị Màu nhiều lần trêu ghẹo, nhưng trước sau Kính Tâm vẫn thờ ơ. Thị Màu có mang với người đầy tớ. Bị tra hỏi, Thị Màu đổ tội cho Kính Tâm. Vì thế Kính Tâm bị sư cụ phạt bắt ra ở ngoài cổng chùa.

4. Thị Kính nuôi con Thị Màu

Ít lâu sau, Thị Màu sinh một con trai, đem tới cổng chùa giao cho Kính Tâm nuôi dưỡng. Được ba năm đứa bé đã khôn lớn, thì Kính Tâm

mắc bệnh nặng rồi mất. Trước khi qua đời, Kính Tâm có viết một bức thư để lại cho cha mẹ.

5. Thị Kính rửa sạch tiếng oan và thành Phật

Xem thư của tiểu Kính Tâm, người nhà mới biết tội mưu giết chồng là oan ức. Khi liệm thi hài, sư, vải trong chùa mới rõ Kính Tâm là phụ nữ. Vậy là cả hai nỗi oan đều được tháo gỡ. Đức Phật Thích Ca xét Kính Tâm là người tu hành đắc đạo, cho bà được siêu thăng làm Phật Quan Âm.

Việc 3 – Luyện tập chơi kịch

Nhiệm vụ chung: Sau khi đọc truyện *Quan Âm Thị Kính*, các em chia nhóm thảo luận, sau đó thảo luận chung cả lớp: Xung đột kịch trong truyện *Quan Âm Thị Kính* diễn ra trong tình huống như thế nào? Thể hiện qua những tình tiết nào? Và thể hiện ra sao trong tâm lý nhân vật Thị Mầu, Thị Kính?

Làm việc tiếp theo nhóm:

Các em chia nhau mỗi nhóm nhận một trong năm đoạn truyện lấy đó làm nội dung soạn một kịch bản.

Sau khi có kịch bản, từng nhóm sẽ diễn vở do nhóm mình soạn ra.

Vai trò của diễn viên lúc này rất quan trọng.

Việc 4 – Viết bài

Các em viết thu hoạch về nghệ thuật kịch.

Các em có thể chọn một trong những chủ đề sau để thu hoạch:

- Câu chuyện** (có câu chuyện nhiều tính kịch dễ chuyển thành kịch).
- Xung đột kịch** (coi như cốt lõi của vở diễn).
- Diễn xuất** (có tầm quan trọng to lớn: nhiều đoàn cùng diễn một vở, chỗ khác nhau là ở diễn xuất).

LIÊN HOAN LUYỆN TẬP NGÔN NGỮ NGHỆ THUẬT KỊCH

1. Luyện tập chuyển thể.

Các em chọn một trong những bài văn đã học từ lớp dưới, như *Con bồ nông*, *Con sẻ*, *Bé Mũ Đỏ thăm bà*... hoặc chuyện vui... cả bài *Thằng Bờm*, *Con chim chích chòe* đã học từ lớp dưới cũng đều có thể đem ra chuyển thành thể kịch và cùng diễn với nhau.

2. Luyện tập viết kịch bản.

Các em tập viết lời thoại cho vở kịch.

Trong lời thoại phải thể hiện những điều sau:

- a. Xung đột kịch.
- b. Tâm lý nhân vật.
- c. Cởi nút vở kịch.

3. Luyện tập diễn xuất.

4. Luyện tập phối hợp các loại hình nghệ thuật đã học như:

- a. Diễn trò múa rối.
- b. Chọn và biểu diễn ca hát làm nền cho vở diễn.
- c. Phối hợp biểu diễn ánh sáng, trang phục.

5. Luyện tập đánh giá.

6. Luyện tập viết bài phê bình, giới thiệu nghệ thuật kịch.

BÀI HỌC CUỐI NĂM

Học và biểu diễn bài hát:

Hội nghị Diên Hồng

Lưu Hữu Phước

LỜI GỌI : Toàn dân! nghe chăng? Sơn hà nguy biến. Hận
 thù dang đẳng. Biên thù rung chuyển.
 Tuông giày non sông rền vang tiếng vó câu.
 Gây oán nghìn thu. Toàn dân Tiên Long.
 Sơn hà nguy biến! Hận thù dang đẳng.
 Nên hoà hay chiến? Diên Hồng tâu lên cùng Minh Đế báo ân.
 hỡi dẫu tử dân. (CẠC BỎ LAO ĐI) Kla vừng hồng
 tràn lan trên đỉnh núi. Ôi Thăng Long
 khói kinh kỳ phơ phới. Loa vang vang



chiều loan truyền bốn phương. Theo gió bay khắp miền sông núi
 réo đòi. Lòng dân Lạc Hồng nhìn non
 nước yêu quê hương Giồng anh hùng nằng cao chí lớn, giồng anh
 hùng đua sức tráng cường. Ta lên đường lòng mong tâu
 đến Long nhan. Giồng Lạc Hồng xin thề liều
 thân, liều thân! Đường còn dài.
 hồn vương trên quan tái. Xa xa trông
 áng mây đầu non đòi (hm ... hm) (HỒI) Trông quân
 Nguyên tàn phá non sông nhà. Đoạt thành
 trì toan xéo dầy lãng miếu. Nhìn bao quân
 Thoát lẩn xâm tràn nước ta. Ôi sông núi

nhà rèn tiếng muôn dân kêu la. Trước nhọc nước nên
 hoà hay nên chiến? Quyết chiến! Trước nhọc nước nên
 hoà hay nên chiến? Quyết chiến! Quyết chiến
 luôn! cứu nước nhà, nổi chí
 dân hùng anh. Thế nước yếu lấy
 gì lo chiến tranh? Hy sinh! Thế nước yếu lấy
 gì lo chiến tranh? Hy sinh! Thề liều thân cho
 sông . núi. Muôn năm lừng uy.

Tìm hiểu lịch sử ra đời của bài hát

Đọc thêm

Mời các em đọc lại phần giới thiệu bài hành khúc *Lên đàn* của nhạc sĩ Lưu Hữu Phước, các em sẽ hiểu vì sao vào thời gian đầu những năm 1940 lại xuất hiện nhiều bài hát gợi nhớ lại những trang lịch sử đẹp của nước nhà.

Đó là những bài hát *Bạch Đằng Giang, Ải Chi Lăng, Hồn sông Gianh, Thăng Long hành khúc...* có cả bài hát tha thiết hỏi Người xưa đâu tá? với lời lẽ không thể không khiến thanh niên xót xa suy nghĩ nếu còn tưởng nhớ tới những chiến công của cha ông...:

“Người xưa đâu tá có khóc những đêm lạnh lẽo?”

“Người xưa đâu tá có khóc những khi trời chiều?...”

Bài hát *Hội nghị Diên Hồng* của Lưu Hữu Phước nhắc nhớ tới cuộc đại hội toàn thể các bô lão trong cả nước do Thượng hoàng Trần Thánh Tông triệu tập vào năm 1284 để hỏi các bô lão cũng tức là hỏi toàn dân:

“Trước nhục nước nên hòa hay nên chiến?”

Các bô lão đã đồng thanh trả lời: “Quyết chiến!”

“Thế nước yếu lấy gì lo chiến chinh?”

Các bô lão đã đồng thanh trả lời: “Hy sinh!”

Xin mời các em cùng hát bài *Hội nghị Diên Hồng* với các lớp trình bày như lời của bài hát đã gợi ra.

Một số tư liệu giúp bạn Dẫn Chương Trình

Đại Việt Sử ký toàn thư – quyển 5 viết:

“Thượng hoàng triệu phụ lão trong nước họp ở thềm điện Diên Hồng, ban yến và hỏi kế đánh giặc. Các phụ lão đều nói “đánh”, muôn người cùng hô một tiếng, như bật ra từ một cửa miệng”.

Sử gia Ngô Sĩ Liên trong Đại Việt Sử ký toàn thư – quyển 5 viết:

“Giặc Hồ vào cướp nước là nạn lớn nhất của đất nước. Hai vua hiệp mưu, bày tôi họp bàn há lại không có kế sách gì chống giặc mà phải đợi đến ban yến hỏi kế ở các phụ lão hay sao? Là vì Thánh Tông muốn làm thế để xét lòng thành ủng hộ của dân chúng, để dân chúng nghe theo lời dụ hỏi mà cảm kích hăng hái lên thôi. Đó là giữ được cái nghĩa người xưa nuôi người già để xin lời hay vậy.”

Gợi ý biểu diễn bài hát khác

Theo mẫu tổ chức học và biểu diễn bài Hội nghị Diên Hồng, các em đủ sức biểu diễn bài Thăng Long hành khúc của nhạc sĩ Văn Cao. Hãy thử sức đi.

**Trải qua năm năm
các em học về Nghệ thuật
theo sách giáo khoa Cánh Buồm,
hành trang nghệ thuật của em là**

**MỘT LÒNG ĐỒNG CẢM
Và
MỘT NGỮ PHÁP NGHỆ THUẬT**

**NGHỆ THUẬT
là những tình cảm của em với cái Đẹp
do chính em biết cách làm ra
trong các dạng hoạt động khác nhau.
Đó là tài sản tinh thần để em đi tiếp.**

Tạm biệt các em!



MỤC LỤC

Lời dẫn bạn dùng sách.....	5
Bài mở đầu	7
Bài 1 HOẠT ĐỘNG NGHỆ THUẬT – Âm nhạc	26
Bài 2 HOẠT ĐỘNG NGHỆ THUẬT – Nhảy múa	85
Bài 3 HOẠT ĐỘNG NGHỆ THUẬT – Tạo hình	95
Bài 4 HOẠT ĐỘNG NGHỆ THUẬT – Trữ tình (Thơ)	112
Bài 5 HOẠT ĐỘNG NGHỆ THUẬT – Tự sự (Văn xuôi)	151
Bài 6 HOẠT ĐỘNG NGHỆ THUẬT – Kịch	220
Bài học cuối năm	226
Mục lục.....	233